

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

THIỆU
BAO
BÌNH NGUYÊN
1

H
Ô
N
G
T
H
Á
I



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Lời nói đầu

Mùa đông, tháng chạp năm Thiệu Bảo thứ 6 (tháng 1 năm 1285), hơn 50 vạn quân Mông Thát do Trấn Nam Vương Thoát Hoan thống lĩnh ồ ạt kéo vào xâm lăng Đại Việt. Cuộc chiến tranh vệ quốc chống Nguyên lần thứ hai của quân dân thời Trần, thuộc triều đại Trần Nhân Tông, đã diễn ra khốc liệt và hào hùng. Sử sách Việt Nam và Trung Quốc có ghi chép nhiều tình tiết, sự kiện về cuộc chiến này, song tất cả đều ở tầm mức khái quát. Mỗi lần giở lại các trang sử thời ấy, tôi thường hình dung về một thời đại rực rỡ hào khí nhưng chắc hẳn ngập đầy máu và nước mắt còn ẩn giấu đằng sau những câu chữ cô đọng. Từ trí tưởng tượng và cách nghĩ của mình, tôi mạnh dạn viết cuốn sách này.

Thiệu Bảo Bình Nguyên là bộ tiểu thuyết lịch sử về thời kỳ bi tráng của một dân tộc nhỏ yếu đã vượt qua nỗi sợ hãi mà vươn lên đánh bại kẻ thù hùng mạnh gấp bội, đấy chính là cuộc chiến năm 1285. Đã có người hỏi tôi, tại sao không viết về cuộc chiến chống Nguyên Mông lần thứ nhất (1258) hay lần thứ ba (1288) mà viết về cuộc chiến lần thứ hai?

Năm Nguyên Phong thứ 8 (1258), dưới triều Trần Thái Tông, quân dân Đại Việt đã đập tan cuộc chinh phạt của hơn 2 vạn quân Thát dưới quyền chỉ huy của Ngột Lương Hợp Thai. Lúc ấy nước Nguyên chưa ra đời, mục đích của quân Mông Cổ khi kéo vào nước ta chủ yếu nhằm tạo bàn đạp đánh nhà Nam Tống từ hướng nam. Với lực lượng khiêm tốn và dã tâm chiếm đoạt Đại Việt không thật sự bức bách nên có thể cho rằng cuộc chiến lần thứ nhất là trận thử sức chưa quyết liệt tột độ giữa hai lực lượng quân sự đối kháng. Chính sử không chép nhiều về cuộc chiến này, cho dù không thể

phủ nhận đây là một dấu son hào hùng đánh giặc giữ nước của dân tộc ta.

Trải qua gần 30 năm hòa bình yên ổn (từ đầu năm 1258 đến cuối năm 1284) nhưng người Việt Nam vẫn phải sống trong trạng thái âu lo thường trực trước một đế chế Nguyên Mông hình thành và ngày càng lớn mạnh. Sau khi diệt Nam Tống (1279), dã tâm chiếm đoạt Đại Việt của Nguyên triều cũng lớn dần lên theo năm tháng, với các yêu sách ngày càng bạo ngược, sức ép ngày càng quyết liệt, sự dọa nạt ngày càng hung tợn, tất cả chỉ nhằm mục đích quay ngược bánh xe lịch sử để một lần nữa trói buộc dân ta trong cái cũi châu quận như thời Bắc thuộc. Thực trạng ấy làm rung động một bộ phận không nhỏ cấu trúc thượng tầng xã hội Việt Nam đương thời. Họ là những người thuộc giai tầng tinh hoa làm nên diện mạo thời đại nhưng đã thật sự run sợ trước gã khổng lồ có sức mạnh hủy diệt lại rất giỏi dùng bả danh lợi câu nhử mấy kẻ yếu bóng vía.

Lâu nay chúng ta rất biết ca ngợi những chiến công hiển hách chống giặc ngoại xâm của ông cha thuở trước. Nhưng chúng ta lại quên nhắc đến nỗi sợ hãi của dân tộc hay chí ít là của một bộ phận dân tộc trước một kẻ thù hùng mạnh và cường bạo. Song, nỗi khiếp sợ ấy có thật trong những năm đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XIII. Bởi tham sống sợ chết, nhiều người chấp nhận khom lưng quỳ gối hàng giặc rồi ngã lòng nuốt trọn miếng mồi vinh hoa phú quý của kẻ thù mà phản bội vương triều, phản bội đất nước. Trong lịch sử các triều đại Việt Nam, không có thời nào mà số người thuộc bộ phận tinh túy của xã hội lại đầu hàng giặc đông đảo như trước và trong cuộc chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai. Đó là Trần Di Ái, Trần Ích Tắc, Trần Kiện, Trần Tú Hoãn, Trần Lộng, Phạm Cự Địa, Lê Diễn, Trịnh Long, Lê Tắc và vô số vương hầu, quan tướng khác. Trong số ấy có đủ cả con vua, cháu vua, anh em vua và chú bác vua. Có những kẻ dẫn gia quyến

và tôi tớ hàng trăm người theo giặc, có những tướng đem cả đội quân về hàng Nguyên. Chính từ nỗi lo âu trong tình thế bi đát đã khiến Trần Thánh Tông phải ướm lời thử lòng xem Hưng Đạo Vương có ý định đầu hàng? Cũng chính từ sự lo hoang trong lúc bị vây hãm ráo riết đã dẫn đến một nước cờ đau lòng, khi các vua quyết định dâng công chúa An Tư cho Thoát Hoan với hy vọng sẽ khiến tướng giặc thỏa mãn mà không quyết liệt vây đánh. Cũng chính từ thực trạng hoang mang khiếp sợ và có ý hàng giặc của nhiều văn thần võ tướng, nên khi xét công luận tội quần thần sau hai cuộc chiến 1285 và 1288, vua Trần đã sai đốt cả một hòm chứa đây biểu sớ xin hàng “để làm yên lòng những kẻ phản trắc” (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Bản Kỷ – Quyển V*), trong đó chủ yếu thuộc về cuộc chiến 1285.

Nhưng cũng từ nỗi khiếp sợ ấy vẫn có một bộ phận ưu tú đã chiến thắng tư tưởng nhu nhược còn lẫn khuất đâu đó trong tâm can của chính họ và trong thái độ buông xuôi của những người quanh họ, mà vươn lên giương cao ngọn cờ dân tộc, tập hợp lực lượng toàn dân, nắm chắc gươm giáo, xông pha tuyến đầu, quyết một phen sống mái với kẻ thù phương Bắc. Nếu cho rằng Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông là linh hồn của cuộc chiến vệ quốc, thì Hưng Đạo Vương và một số cá nhân tiêu biểu khác chính là bộ khung vững chắc của cỗ máy chiến tranh Đại Việt, là lực lượng lãnh đạo chủ chốt quyết định sự thắng bại của chiến cuộc.

Để khắc phục tư tưởng hoang mang dao động đang hiện hữu trong nội bộ cầm quyền, nhằm nâng cao ý chí chiến đấu và rèn luyện khả năng đánh giặc, trước chiến tranh nhà Trần đã tổ chức nhiều hội nghị quân sự, diễn tập và duyệt binh lực lượng vũ trang.

Lịch sử không chấp nhận từ nếu, nhưng không thể bỏ qua mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả, để có thể đặt giả thuyết về nguyên

nhân khác sẽ dẫn đến kết quả khác, khi bàn về bài học quá khứ.

Nếu không cần chế ngự nổi khiếp sợ, sẽ không có hội nghị Diên Hồng lịch sử, một hội nghị mang tính dân chủ đi trước thời đại chỉ diễn ra duy nhất trong cả ngàn năm quân chủ, như nhà sử học Ngô Sĩ Liên bình luận: *“Giặc Hồ vào cướp nước là nạn lớn nhất của đất nước. Hai vua hiệp mưu, bày tôi họp bàn há lại không có kế sách gì chống giặc mà phải đợi đến ban yến hỏi kế ở các phụ lão hay sao? Là vì Thánh Tông muốn làm thế để xét lòng thành ủng hộ của dân chúng, để dân chúng nghe theo lời dụ hỏi mà cảm kích hăng hái lên thôi”* (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Bản Kỷ – Quyển I), Chính từ ý chí quyết chiến của lớp người già đã góp phần hạn chế thái độ hoảng loạn trong quân dân, đẩy lùi sự hèn yếu và thúc giục đại bộ phận tướng sĩ quyết tâm đánh giặc.

Nếu không cần chấn chỉnh lối sinh hoạt buông thả “sống chết mặc bay” và ươn hèn trước mối họa Mông Thát, có lẽ Hưng Đạo Vương chẳng cần viết *Hịch tướng sĩ*.

Nếu quân đã mạnh, tướng đã hùng, ý chí đánh giặc cao ngút trời thì chắc gì nhà vua cho triệu hồi và phục chức cho Trần Khánh Dư, một người vốn mắc trọng tội, để bổ sung thêm một vị tướng kiên gan vào đội ngũ, để tăng cường thêm một ý chí quyết chiến cho lực lượng.

Sẽ có ai đó không hài lòng với lập luận của tôi, song thời thế tạo anh hùng là điều có thật trong lịch sử. Bối cảnh rối ren trước cuộc chiến năm Thiệu Bảo với lòng người phân rẽ và mối uy hiếp rùng rợn từ phương Bắc đã sản sinh ra những con người tuấn kiệt vươn lên hàng đầu dẫn dắt cả dân tộc vượt qua nổi khiếp hãi mà quyết tử với kẻ thù. Giai đoạn đầu của cuộc chiến năm ấy thật gian nan, tàn khốc và không ít lần quân dân Đại Việt bị thảm bại, nhưng kết cục chúng ta đã toàn thắng do biết khai thác nhược

điểm của giặc, hạn chế điểm yếu của ta, phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc kết hợp với nghệ thuật quân sự tài ba và khả năng chỉ đạo chiến tranh của những vị tướng lĩnh kiệt xuất. Ngoài các tướng soái hàng đầu, sử sách còn ghi lại dấu ấn của rất nhiều nhân vật hiển hách như Trần Quốc Toàn, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái, Đỗ Khắc Chung, đến cả những gia nô tì tướng như Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Địa Lô, các thủ lĩnh miền núi Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn Truyền, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Lĩnh, Hà Đặc, Hà Chương cũng góp mặt. Sử sách còn ghi lại, nhiều hơn bao giờ hết trong thời Trần, các tình tiết, sự kiện đầy chất bi hùng về cuộc chiến này.

Không cuộc chiến nào là dễ dàng cả. Nhưng nếu khắc họa được nỗi sợ hãi và sự mất mát trong chiến tranh thì mới thấy hào quang chiến thắng đẹp để biết đường nào. Tại sao lại không nhỉ? Hãy mạnh dạn phơi bày sự khiếp đảm của con người khi bước vào cuộc chiến, từ đấy mà tôn vinh những bậc cái thế dũng mãnh đạp lên tư tưởng yếu hèn để phát cờ tụ nghĩa, đánh giặc cứu nước; từ đấy mà ghi nhớ công lao của hàng vạn chiến sĩ vô danh đã không tiếc máu xương trong cuộc chiến bảo vệ nền tự chủ của sơn hà xã tắc. Chiến thắng đâu chỉ là thành quả được nuôi dưỡng từ máu thịt đổ xuống, nó còn được kết tinh bởi hệ quả vượt lên chính mình, vượt qua nỗi run rẩy phải đối chọi với một thế lực ma quỷ đang làm mưa làm gió trên địa cầu. Theo tôi, nếu viết truyện sử nhà Trần, thời kỳ đen tối và bi tráng năm Thiệu Bảo là một lựa chọn xứng đáng nhất.

Đến trận chiến chống Nguyên Mông lần thứ 3 (1288), tình thế đã khác hẳn. Trải qua cuộc thử lửa năm Thiệu Bảo, quân dân Đại Việt đã vững vàng hơn lên, tinh thần đã cao, kinh nghiệm đánh giặc đã có, nếu theo cách nói hiện đại, có lẽ người đương thời sẽ bảo nhau: “Chúng nó cũng thường thôi.

Chẳng việc gì phải sợ.” Để minh chứng điều này, xin trích dẫn câu nói của Trần Hưng Đạo với nhà vua sau cuộc chiến 1285: “*Nước ta thái bình lâu ngày, dân không biết việc binh. Cho nên, năm trước quân Nguyên vào cướp, thì có kẻ đầu hàng, trốn chạy. Nhờ uy tín của tổ tông và thần võ của bệ hạ, nên quét sạch được bụi Hồ. Nay nếu nó lại sang thì quân ta đã quen việc chiến trận, mà quân nó thì sợ phải đi xa. Và lại, chúng còn nơm nớp cái thất bại của Hạng, Quán không còn chí chiến đấu. Theo như thần thấy, phá được chúng là điều chắc chắn.*” (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Bản Kỷ – Quyển V). Quả nhiên, cũng chính những con người của ba năm trước đã làm nên chiến thắng Bạch Đằng Giang lẫy lừng (1288), đập vỡ tan tành ảo mộng thống trị Đại Việt của Nguyên triều.

Tiểu thuyết lịch sử không phải là sách khảo cứu sử học, nhưng không vì thế mà quá xa rời thực tế lịch sử. Ngoài những nhân vật và tình tiết hư cấu, tôi đã lồng ghép vào cốt truyện nhiều con người và sự kiện có thật nhằm lột tả được phần nào diện mạo đương thời. Sách viết theo văn phong kể chuyện, dùng cấu trúc chương hồi và sử dụng nhiều ngôn từ xưa cũ, cũng chỉ cốt cho nội dung gần gũi hơn với văn hóa thời ấy, đồng điệu hơn với hơi thở của thời đại ấy. Tuy vậy, đôi khi “lực bất tòng tâm”, trong hoàn cảnh không có nhiều tư liệu về đời sống sinh hoạt, cảnh quan, vật dụng, nhà cửa, y phục, vũ khí... thời Trần, cho nên sự diễn tả có thể chưa thật hợp lý và trọn vẹn. Để mạch truyện không bị ngắt quãng, do có những chú thích, diễn giải khá dài (nhằm đáp ứng nhu cầu của người muốn tìm hiểu cận kề vấn đề), nên tôi chủ ý chuyển mục chú thích, diễn giải vào phần cuối của mỗi chương.

Trong truyện, có sự hiện diện của ba vị vua là Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông. Người đương thời gọi vua đang tại vị là

Quan gia, khi họ nhường ngôi cho con thì gọi là Thượng hoàng, còn sử sách nhiều khi chỉ gọi một cách chung chung là nhà vua. Do vậy, khi viết truyện nếu gọi các ngài bằng tên húy (tức tên thật, Trần Thái Tông tên thật là Trần Cảnh, Trần Thánh Tông là Trần Hoảng, Trần Nhân Tông là Trần Khâm) thì quả là bất kính. Trong một số trường hợp tôi đành phải mạo phép gọi các ngài theo miếu hiệu (Thái Tông, Thánh Tông và Nhân Tông). Cách gọi như thế suy cho cùng cũng phù hợp với lối văn kể chuyện của người thuộc thế hệ sau chuyển tải câu chuyện về các bậc đế vương đã vĩnh hằng yên nghỉ.

Thời gian trong truyện dùng âm lịch, các đại lượng đo lường cũng theo cách tính xưa, tất cả chỉ nhằm đem lại cảm giác cổ kính của thời đại. Để duy trì mạch truyện hợp lý, các tình tiết xảy ra không nhất thiết trùng khớp với ngày tháng trong chính sử. Các tranh vẽ mang tính chất minh họa, không nhất thiết phản ánh đúng nội dung sự kiện.

Trong quá trình viết lách, nhiều lúc tôi rất phân vân và đắn đo có nên viết tiếp hay bỏ dở, khi nghĩ về câu hỏi liệu truyện của mình sẽ được mấy người muốn đọc? Giữa thời buổi sử học suy vi, ở trường thì học sinh không thích sử, ngoài xã hội thì người ta ít đọc sử Việt, vậy tiểu thuyết lịch sử về một thời xa lắc xa lơ của dân tộc lấy đâu ra độc giả?

Nhưng nghĩ đi rồi nghĩ lại. Dẫu mình chẳng phải hạng văn hay chữ giỏi, song hãy cố thử một lần xem sao. Biết đâu cũng có được mấy người còn quan tâm đến lịch sử nước nhà mà sẽ chịu đọc. Rồi biết đâu họ lại hứng thú mà “hạ bệ” bớt trong tim óc mấy vua chúa bên Tàu, mấy kiếm khách bên Nhật, mấy soái ca bên Hàn – vốn được người ta du nhập từ phim ảnh, sách báo – để nhường chỗ cho dăm vị đại anh hùng Việt Nam. Từ ao ước nhỏ nhoi ấy, đã thắp lên trong tôi ngọn lửa hy vọng để viết nốt cuốn truyện của mình.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn những người đã bỏ chút thời gian quý báu mà ngồi đọc tiểu thuyết này và mong mọi nhận được sự đóng góp, phê bình của các bạn thông qua địa chỉ *thieubaochinhtruyen@gmail.com*.

Một đêm giữa tháng mười, sương giăng mờ mịt khắp vùng núi non trùng điệp. Nửa vầng trăng hạ huyền mọc muộn bị lớp mây mù bao phủ hắt xuống không gian một thứ ánh sáng lơ lơ như nước gạo chẳng thể xua đi màu tím tái của cánh rừng âm u. Cỏ cây sũng nước run lên bần bật mỗi lúc luồng khí lạnh rợn người theo cơn gió bắc ù ù thổi tới, hòa vang cùng tiếng gù khô khốc của con chim cu gáy ẩn mình trong bụi rậm tạo thành một thứ hỗn âm đặc quánh. Đâu đó vọng lại nhip vó câu tiếng được tiếng mất...

Rừng hoang không có lối mòn. Ba bóng người cúi thấp đầu trên những con tuấn mã đang len lỏi giữa dốc núi rậm rì cây cỏ. Một tay giữ dây cương, một tay vung mã đao chặt lia lịa đám dây leo chằng chịt, các tráng sĩ thúc gót chân vào bụng ngựa hối hả mở đường qua cánh rừng gập ghềnh đất đá. Phía dốc bên kia là khe Tả Pác Nặm, nơi có dòng Bản Thí chảy xuôi, đổ nước cuộn cuộn về hướng đông nam bấy giờ đang vào mùa lũ. Phía dốc bên kia là quê cha đất tổ, là cương vực được xác lập từ hàng trăm năm trước của giang sơn Đại Việt, sau ngày Ngô Vương cười sòng Bạch Đằng đại phá quân Nam Hán giành lại quyền tự chủ.

Họ là ba thám báo của triều đình được Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn mật phái sang phương Bắc để điều tra địch tình để chế Nguyên Mong vốn từ lâu nuôi dưỡng dã tâm rửa hận trận chiến thất bại năm Nguyên Phong thứ tám (1258). Sau khi diệt nhà Nam Tống (1279), Hốt Tất Liệt đã ráo riết chuẩn bị lực lượng Nam chinh, quyết thôn tóm cái lãnh thổ vốn bé nhỏ yếu ớt mà dám có thái độ khinh mạn nước lớn bằng việc năm xưa dụng binh đuổi đánh đội quân bách chiến bách thắng của Ngột Lương

Hợp Thai. Trong cách nghĩ của hoàng đế Trung Hoa, bọn phiên thuộc Nam man đáng bị trừng phạt, vua An Nam đã không biết lỗi phạm thượng còn viện cớ thoái thác qua châu cửa khuyết nơi kinh đô Đại Nguyên, lại mấy lần khước từ sứ giả thiên triều sang mượn đường diệt Chiêm Thành.

Đoán biết mối hiểm họa từ ý đồ của nhà Nguyên, sau ngày Thái thượng hoàng nhường ngôi cho Quan gia, Đại Vương đã bàn bạc kỹ lưỡng với nhị vị hoàng đế về kế sách phòng bị kẻ thù, ngài nhất thiết thỉnh cầu quân vương cho dùng chiêu nhập quan thám báo. Việc đưa người trà trộn vào đám lưu dân viễn xứ, vượt quan ải xâm nhập đất giặc nghe ngóng động tĩnh của chúng là để tránh bị động trước khả năng vó ngựa Mông Thát bất ngờ kéo vào giày xéo non sông ta. Năm năm trước, Vương tuyển lựa kỹ trong đội gia binh chọn được hơn chục tráng sĩ trung thành và tinh anh nhất, giỏi võ nghệ và quả cảm nhất, rồi chia thành ba nhóm theo ba hướng đột nhập lãnh thổ Đại Nguyên.

Nhóm thứ nhất gồm năm người vượt biển bằng thuyền buôn, đích đến là vùng Châu Giang, vốn miền châu thổ trù mật thường được các đế chế phương Bắc tập kết lương thảo, quân trong mỗi lần mưu đồ đánh dẹp phương Nam.

Nhóm thứ hai gồm ba chiến binh sơn cước vượt núi cao vực thẳm vào Vân Nam giả dạng làm thợ mộc lang bạt kiếm sống bằng nghề sửa nhà, dựng cửa. Đất này vốn thuộc vương quốc Đại Lý có quan hệ hữu hảo với nhà Trần, sau khi bị Mông Cổ tiêu diệt (1253), Vân Nam trở thành một tỉnh của đế quốc Đại Nguyên. Sử sách nhiều lần ghi nhận quân Trung Hoa tràn vào nước Nam theo ngã tây men sông Hồng, trong đối sách của Đại Vương không thể xao nhãng hướng đó.

Nhóm thứ ba gồm ba chiến binh do Đào Thế Quang làm nhóm trưởng

cùng với hai thành viên là Đỗ Thành và Phạm Thái giả dạng dân buôn thuốc bắc theo đường quan ải xâm nhập vào vùng Quảng Nam Tây Lộ, tức Quảng Tây ngày nay. Đây là hướng tiến đánh chủ yếu của các đạo quân phương Bắc khi kéo sang xâm lược nước Nam, Đại Vương hiểu rõ tầm quan trọng của hướng này nên giao phó trọng trách cho ba tráng sĩ tài giỏi nhất trong đội ngũ thám báo cảm tử.

Chương 1

Vung đao gạt tên, tôi trung phá bầy đèo Tam Điệp

Giả dạng mua thuốc, tráng sĩ dò tin nước Đại Nguyên

Đào Thế Quang người huyện An Định, châu Gia Lâm, lộ Bắc Giang, hình dung cao to vạm vỡ, mặt chữ điền, da bánh mật, thông thạo tiếng Tày-Nùng, tuổi đời mới ngoài ba mươi mà có đến mười hai năm đầu quân vệ phủ canh giữ tư dinh Đại Vương và tháp tùng hộ vệ khi ngài công cán xa nhà. Với tư chất thông minh tuấn tú, lại được rèn giũa võ nghệ từ người cha vốn là chưởng cơ trong vệ Tứ Thiên phò tá xa giá Thái Tông Hoàng đế chinh phạt Chiêm Thành phạm cõi năm Nguyên Phong thứ hai (1252), Thế Quang sớm thành trang tuấn kiệt tinh thông đao kiếm và cung tiễn. Tài múa đao của chàng từng nức lòng chiến hữu vệ phủ sau lần bảo đảm an nguy của Đại Vương trong trận thoát hiểm ở đèo Tam Điệp.

Mùa xuân năm Bảo Phù thứ năm (1277), người Man ở động Bồ Chính khởi loạn. Thánh Tông Hoàng đế thân chinh đánh dẹp, lần ấy Hưng Đạo Vương tháp tùng nhà vua nam hạ. Vừa dứt nhiều nhương thì được tin Thượng hoàng Trần Thái Tông băng hà, quân thần vội quay về kinh đô chịu tang, trong khi chưa thật yên bụng về lòng người ở vùng biên ải xa xôi cách trở.

Đến cuối hạ, Thánh Tông cắt cử Hưng Đạo Vương công du phương nam một chuyến nữa, cốt mục đích đôn đốc việc quân cơ các trấn, lộ miền núi, đồng thời thay mặt Quan gia phủ dụ thủ lĩnh các trại, động nhằm thu phục nhân tâm sơn cước. Tháp tùng theo Vương có Ngự sử Trần Trung

Chính.

Chuyến đi ấy, Đào Thế Quang góp mặt trong đội vệ binh phò tá Đại Vương. Muốn đến Hoan Ái, phải đi qua vùng núi Tam Điệp hiểm trở. Họ tới chân núi thì trời vừa nhá nhem, bầu đoàn chủ tớ hơn năm mươi người tranh thủ đốt đuốc vượt đèo trước khi tối mịt. Lúc đi vào hẻm núi thắt cổ chai, bất chợt có tiếng xé gió vào vèo của trận mưa tên từ hai sườn non tới tấp lao xuống.

Bị tập kích bất ngờ khiến đoàn người trở tay không kịp, nhóm vệ sĩ tiên phong bị trúng tên, người ngựa ngã nhào quằn quại trên mặt đất. Con ngựa chiến của Đại Vương cũng trọng thương, cặp chân trước khụy xuống hất chủ văng khỏi yên, làm chân trái của ngài mắc vào bàn đạp trong cái thế hai tay chống đất còn lưng phơi lên trời.

Thấy chủ tướng lâm nguy, nhanh như một tia chớp, Thế Quang từ hàng sau vọt ngựa lao lên vung đao múa bài *Cuồng phong bạt vũ*, gạt rụng hàng chục mũi tên bắn xuống, che chắn kín bưng khoảng không trên đầu Đại Vương. Đao pháp tuyệt kỹ của chàng trong ánh đuốc bập bùng như rồng phượng vờn mây, màu kim loại của thanh đao vun vút chói lòa tựa chớp giật, va đập vào tên bay tạo thành mớ hợp âm chan chát như tiếng phật tre trúc. Cùng đồng thanh hét vang, ba bốn tráng sĩ từ phía sau khẩn trương lao đến tiếp cận Đại Vương, vừa dùng khiên che chắn thân mình chủ tướng vừa hối hả gỡ chân Hưng Đạo khỏi con ngựa đang hấp hối.

Thoát tình thế hiểm nghèo, Đại Vương bật dậy, đồng dục điều khiển binh tướng bằng giọng trượng phu sang sảng:

– Ở giữa bố trí phòng thủ hình chữ điền, giương khiên bốn mặt chặn tên. Lương Bành lập đội thứ nhất đánh lên hướng trái, Tuấn Thọ lập đội thứ hai tiến lên hướng phải. Trung tâm bố điền thủ, tứ diện thương khiến đoạn

[tiền. Lương Bành lập nhất thế đội công tử, Tuấn Thọ lập nhị thế đội tấn hữu.](#)

Hơn bốn chục tráng sĩ còn khả năng chiến đấu nhanh chóng chuyển hóa từ thế trận hỗn loạn sang đội ngũ bài bản, kẻ công người thủ khẩn trương quyết liệt. Đội phòng thủ hơn hai chục người quây kín xung quanh Đại Vương và Ngự sử Dụng Vũ Hầu Trần Trung Chính, tạo thành một khối vững như bàn thạch. Biết Vương đã an toàn, Thế Quang bèn nhập đội phản công, cùng các tráng sĩ của hai tì tướng Lương Bành và Tuấn Thọ ào ạt đánh thốc lên hai sườn núi. Họ đều là những trang kiệt xuất, võ nghệ và sức khỏe hơn người, lại dày dặn kinh nghiệm trận mạc nên chốc lát đã tiêu diệt gần hết đám mai phục, trừ vài tên hoảng sợ lẫn vào bóng đêm trốn thoát.

Ba mươi mấy tử thi bí ẩn vện trang phục màu chàm, mặt bôi nhọ nổi đen kịt nằm phơi xác rải rác hai bên sườn núi. Quan Ngự sử Dụng Vũ Hầu phát hiện một xác chết chít dải lụa đỏ ngang hông nghi là kẻ cầm đầu, lại trông diện mạo khá quen bèn cho người chùi sạch nhọ trên mặt hắn thì ngài nhận ra đó là môn khách nhà Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc.

Hưng Đạo Vương đã nghi ngờ âm mưu phản nghịch của Chiêu Quốc từ dạo ấy, song không có tang chứng cụ thể nên không thể loại trừ mưu đồ bán nước của y từ trong trứng nước. Ngài cứ tiếc rẻ mãi vì không bắt sống được một tên thích khách nào để giải về kinh bắu tấu Quan gia. Về sau, khi quân Nguyên kéo sang, Ích Tắc đã dẫn gia quyến, thuộc hạ và bọn quan tướng đồng mưu phản loạn kéo nhau đi hàng giặc, tiếp tay cho lang sói giày xéo tổ tông xã tắc.

Sau trận thoát hiểm ở đèo Tam Điệp, Thế Quang được Đại Vương tin dùng lắm, ngài đối đãi chàng như thủ túc thân tín và thường giao phó những việc hệ trọng. Nhiệm vụ đột nhập Trung Quốc qua xứ Lạng, Vương cho

rằng không ai có thể gánh vác tốt hơn Thế Quang. Song ngặt nỗi nhà hãn neo đơn, cha đã qua đời nhưng còn mẹ già đau ốm, vợ lại đang có chửa, bây giờ mà sai đi xa nhiều ngày thì quả tình ngài không nỡ. Thành thử việc tuyển người đột nhập Ung Châu khiến Đại Vương cứ lẩn cấn mãi mà chưa quyết được.

Thế rồi chính Đào Thế Quang cảm thấy không vui lúc biết các toán vượt biển và xâm nhập Vân Nam đã lên đường cả, trong khi mình chẳng được giao nhiệm vụ gì. Chờ lúc thuận tiện chàng ta bạo mồm hỏi thẳng Đại Vương:

– Bẩm chủ tướng, nếu tiểu nhân có gì sai trái thì xin ngài cứ quở phạt?

Vương hỏi lại:

– Người nói vậy là ý làm sao?

Thế Quang đáp:

– Tiểu nhân thấy ngài cử nhiều anh em đi làm công vụ đặc biệt, trong khi tiểu nhân lại không được ngài sai việc, nên nghĩ rằng mình không xứng đáng tin dùng.

Hưng Đạo Vương nhìn thuộc hạ của mình bằng ánh mắt trù mến, rồi thủng thẳng nói:

– Ta hiểu rồi. Không phải như người nghĩ đâu, chẳng qua công việc này rất mạo hiểm, lại phải xa nhà hàng năm. Mẹ người thì yếu, vợ người thì sắp sinh con, nên ta không đành cắt cử.

Nghe chủ tướng nói vậy, Thế Quang đứng ngây người mà trào nước mắt cảm động. Rồi chàng quỳ xuống trước mặt Vương, khẩn khoản:

– Tiểu nhân tẻ quá, tấm lòng Đại Vương cao sâu như trời biển mà bây tôi lại không nghĩ ra. Mong ngài lượng thứ mà cho tiểu nhân được tham gia

trọng trách để báo đáp công đức của người. Còn mẹ già và vợ của tiểu nhân thì đã có mọi người trong thái ấp làm chỗ dựa, nên tiểu nhân không cần lo nghĩ nhiều.

Hưng Đạo xét thấy lý tình đều thuận, chấp nhận cử Thế Quang cầm đầu toán đột nhập Ung Châu thu thập tin tức của giặc Thát. Thế là cái khúc mắc trong lòng ngài đã được tháo gỡ nhanh chóng.

Giã biệt người vợ trẻ là Phạm Thị Hương đang bụng mang dạ chửa, tạ từ mẹ già vừa qua cơn bạo bệnh, lòng còn đôi chút băn khoăn việc nhà nhưng chí nam nhi đâu thể khoanh tay trước mối an nguy của quốc gia – dân tộc, Thế Quang tạm gác tình riêng để dẫn thân vào chốn sinh tử, mang theo niềm tin sắt đá về đời sống của gia đình mình sẽ được Đại Vương và đồng đội chu toàn.

Trước lúc chia tay, Thế Quang thổ lộ tâm ý của mình với người vợ yêu dấu:

– Khi nàng vượt cạm không có ta ở nhà, nhưng dù ở đâu ta cũng cầu mong mẹ tròn con vuông. Nếu nàng sinh con trai hãy đặt tên con là Thái Bình, nếu sinh con gái đặt tên là An Nhiên.

Thị Hương rưng rưng nước mắt, lặng lẽ gật đầu. Nàng hiểu ngụ ý sâu xa của chồng. Chàng sẵn sàng xả thân vì nước mà bỏn ba đất giặc nhưng cõi lòng chỉ ao ước được sống đời yên ổn bên những người thân yêu. Dầu mang thân phận chiến binh nhưng trái tim của chàng vẫn luôn khát khao về một chốn dung thân tốt lành cho gia đình, về một tương lai an hòa cho quê hương, đất nước.

Phạm Thị Hương là con một người tá điền trong thái ấp Vạn Kiếp của

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, bởi tính nết hiền thực lại có dung mạo xinh tươi, nên khi mới mười bốn tuổi đã được Thiên Thành phu nhân tuyển làm thị nữ phục dịch trong vương phủ. Đến tuần cập kê, hương sắc nở rộ như đóa hoa mùa xuân, cho dù mang thân phận tôi đòi, vẻ đẹp của Thị Hương vẫn làm rung động trái tim của không ít gia tướng, tiêu binh lẫn môn khách trong nhà Đại Vương. Song họ chỉ có thể chiêm ngưỡng và thầm ước trong lòng mà không thể ve vãn tỏ tình, bởi sớm tối nàng đều ở cạnh phu nhân. Phần nữa, chưa ai dám qua mặt nữ chủ hoàng tộc mà cả gan quyến rũ người hầu gái xinh đẹp được bà rất yêu quý, chẳng kéo lại mang tội phạm thượng với Trưởng công chúa.

Thiên Thành phu nhân hiểu hơn ai hết về tình cảm trai gái, bà thường xuyên dạy dỗ các thị nữ của mình:

– Con gái có nhan sắc hay bị đám mày râu ngắm nghía. Họ nhìn bằng mắt thì kệ họ, mấy đứa chó có đại mà nảy sinh tình ý vụng trộm với người ta kéo lại chuốc họa vào thân. Biết gìn hương giữ nhụy cho lành thời giá càng cao. Mai một đứa nào muốn hoàn gia lấy chồng thì ta sẽ kiếm cho một người phù hợp mà ăn đời ở kiếp với nhau.

Hưng Đạo nghe thấy Thiên Thành nói thế cứ tùm tùm cười mãi. Tối đến, khi chỉ có hai người, ngài bèn giỡn vợ:

– Phu nhân dạy tì nữ khéo quá. Sao ngày trước nàng không thực hành như vậy mà lại nảy sinh tình ý rồi hẹn hò với ta tại nhà Nhân Đạo Vương?

Biết Vương đùa cợt về chuyện cũ, Thiên Thành phu nhân đỏ mặt, bà lườm chồng rồi ăn miếng trả miếng:

– Tại Vương tán tỉnh ngọt ngào lắm khiến thực nữ xiêu lòng. Biết Quan gia gả ta cho người khác sao huynh không chấp nhận cho rồi lại lồng lên như cọp trúng thương? Thấy tội nghiệp nên ta chẳng nổi dút.

Vương bồi tiếp một câu:

– Trai trẻ nào mà chẳng hiểu cầu, vì nàng duyên dáng như hoa nên ta quyết giành cho được. Đây là chưa kể có người còn làm thơ nhắn nhe xa xôi, đến giờ ta vẫn nhớ hai câu Sen nhất ao tù buồn kém ngát. Quân tử vì sao ngại động lòng? Liên hoa phương tỏa bao trì uất. Quân tử vì hà pha động tâm.

Phụ nhân cả thẹn đành hạ giọng:

– Đừng nhắc lại nữa, xấu hổ lắm. Từ đó ta cũng rút ra được một bài học để khuyên bảo thị tì. Trước kia nhờ Thụy Bà và Quan gia bồi hoàn hôn sự cho Trung Thành Vương thì mình mới êm xuôi, còn bây giờ bọn gia nhân lụy tình lỡ vướng vào chuyện gian díu thời lấy gì ra mà bồi thường?

Vương nghe xong bèn cười khà khoái chí, ngài bảo với vợ:

– Ta và nàng đúng là trời sinh một đôi.

Phụ nhân nói nhỏ:

– Câu này ông nói mãi rồi. Đừng giỡn nữa, tôi tớ nghe được thì chúng cười cho. Có cả bảy cháu nội mà vẫn tưởng mình còn trẻ trung lắm.

Để thưởng công tùy tùng sau chuyến phò Vương ở đèo Tam Điệp, Hưng Đạo đặc cách cho ba người là Lương Bình, Tuấn Thọ và Đào Thế Quang được đề đạt sở nguyện. Khi ngài hỏi về yêu cầu, Thế Quang cứ ấp úng mãi rồi mới chịu bày tỏ:

– Bẩm, tiểu nhân không dám đòi hỏi gì to tát, quả tình nguyện vọng của tiểu nhân chỉ có Đại Vương phụ nhân mới giải quyết được.

– Thì người cứ nói, có gì ta sẽ bàn bạc với phụ nhân lo liệu cho. – Vương truyền bảo.

– Dạ thưa... tiểu nhân chỉ muốn cưới tì nữ Phạm Thị Hương làm vợ.

Đại Vương nghe xong cả cười, mà rằng:

– Đòi hỏi như thế không nhỏ đâu. Thôi được rồi, để ta nói với phu nhân một tiếng.

Hưng Đạo nói lại với vợ, Thiên Thành cho rằng Thế Quang cũng xứng với Thị Hương:

– Hẳn là trang tuấn kiệt dám xả thân cứu chủ, tính tình lại hiền lành dễ chịu, nhưng dù sao cũng không thể gả ép, phải hỏi ý của Thị Hương đã.

Được phu nhân ướm lời, Thị Hương mặt đỏ như gấc chín, then thùng nấp sau cây cột nhà mà không chịu nói một câu. Nhìn điệu bộ, biết thị nữ của mình đã mười phần ưng thuận, chẳng qua ngượng ngùng không dám mở miệng, bà bèn vờ như thật:

– Không nói gì chắc là không hài lòng. Thế cũng được, ta không nỡ ép. Để ta nói lại với Thế Quang rồi kiếm cho y một đứa khác.

Bấy giờ Thị Hương vội vã buột lời:

– Con ưng ý mà.

Thiên Thành phu nhân đứng ra làm chủ hôn cho đôi lứa, còn cho một ít tiền bạc làm hồi môn. Đại Vương cấp cho vợ chồng trẻ một khoảnh đất trong thái ấp để làm nhà và trồng cây. Dùng tiền dành dụm cùng món tiền chủ cho, họ dựng được một mái nhà xinh xắn với sự trợ công của anh em đồng ngũ. Lấy được người thầm yêu trộm nhớ, lại có nhà ngói ba gian và năm sào ruộng tốt, Thế Quang chẳng còn ao ước gì hơn, nên ơn nghĩa của Đại Vương đối với chàng sâu nặng không kể xiết.

Thỉnh thoảng mỗi lần vui chuyện, các huynh đệ thường đùa cợt Thế Quang “Đâu cần của cải đất đai, chỉ cần mỹ nhân là đủ. Cuối cùng lại được cả vợ đẹp lẫn đất đai nhà cửa. Huynh đúng là cao thủ có một không hai”. Bị

các bạn chòng ghẹo, Quang chẳng hề giận, chỉ tủm tỉm cười hiền lành, còn trong lòng thì mãn nguyện lắm.

Theo quy ước của chủ tướng, các nhóm thám báo sau khi trà trộn và ổn định vỏ bọc ở đất khách thì hằng năm cử người luân phiên về cố hương báo cáo địch tình. Ngài còn giao ước cứ vào tiết cuối thu sẽ cho người lên điểm hẹn ở vùng biên để chờ đón người về. Nhược bằng tình hình nguy cấp, bất luận thế nào cũng phải khẩn trương cấp báo.

Gần năm năm phiêu lưu đất khách, nhóm của Thế Quang đã bốn lần thay nhau về nước, chàng là đại ca nên nhường cho đàn em đi hai chuyến đầu, đến chuyến thứ ba mới lai đáo quê nhà. Ngày đi con chưa chào đời, ngày về cậu bé Thái Bình đã bi bô hát đồng dao:

*Trời xanh mây trắng
Đồng vàng ruộm nắng
Cho thóc đầy bồ
Vui đời nông phu
Phú cường Việt quốc...*

Nhìn vợ con khỏe mạnh tươi vui, mẹ già da dẻ hồng hào, nhà cửa khang trang thơm mát, Thế Quang quay mặt giấu giọt lệ mừng mà trong lòng tràn đầy cảm xúc trước ân nghĩa của Đại Vương dành cho gia đình mình.

Dù làm phận sự gián điệp trên đất Nguyên, nhưng Thế Quang luôn thầm ước trong lòng đừng bao giờ phải chứng kiến việc đối phương tập kết lực lượng sang chinh phạt nước Nam, đừng bao giờ phải báo tin về nước kế hoạch động binh của giặc, để họa chiến tranh chỉ là một cơn ác mộng không

có thật trong đời, bấy giờ nước nhà sẽ được bình an, mọi người dân sẽ được sống đời yên ổn. Song thực tế diễn ra lại hoàn toàn khác hẳn, những hiện tượng bất thường ngày một nhiều hơn từ lực lượng quân sự Nguyên Mông ở khu vực chỉ cách biên giới Đại Việt dăm ba ngày đường, đủ khiến nhóm thám báo của Thế Quang tin rằng tình hình đang chuyển biến cực xấu.

Cuối hạ năm ấy, trước những dấu hiệu rất đáng lo ngại, Thế Quang lo nghĩ về một lò lửa chiến tranh đang được nhen nhóm từ bên này biên giới, chàng bàn với anh em tăng cường thu thập tin tức, khi xác định rõ ý đồ của đối phương sẽ cấp báo một thế. Họ tỏa đi nhiều hướng lân la quanh các vùng có trại giặc đồn trú, mượn danh thương lái mua đường quy, đồ trọng rồi vui chuyện phiếm về cuộc sống và thế sự mà lượm nhặt thông tin thiết yếu từ người dân địa phương.

Hiện tượng các trại binh hoành tráng mới thiết lập tại Long Châu, Giang Châu; việc các đạo quân hàng vạn người từ Quý Châu, Hồ Nam kéo sang nườm nượp; việc những kho chứa tấp nập thu nhận hàng đoàn xe chở đầy lương thảo; việc các trại ngựa đón nhận hàng ngàn con chiến mã khỏe mạnh; việc đám tướng sĩ Nguyên Mông suốt ngày tập luyện cung kiếm, trận cờ, trận mã trên những cánh đồng, sườn đồi, bãi sông; việc quan lại địa phương đồn đốc tuyển dụng dân binh kèm theo những lời hứa về khả năng tha hồ vợ vét chiến lợi phẩm; những lời đồn đại râm ran trong dân chúng về một cuộc thanh tảo Nam man rầm rộ; tất cả những thông tin quý giá đó kết hợp lại thành dấu hiệu chắc chắn về một trận cuồng phong kinh thiên động địa đang vần vũ hướng đến trời Nam.

Đêm ấy, trong căn nhà nhỏ ở trấn Hồ Biên, Thế Quang bàn tính với hai chiến hữu:

– Tình hình rất nguy cấp, chắc chắn giặc sẽ động binh một ngày không

xa. Tối hẹn mà chưa thấy người về, Đại Vương ở nhà có lẽ lo nghĩ lắm, huynh xem lịch thì hai ngày nữa là tiết Tiểu tuyết, các em chuẩn bị ngựa và lương thực, ta sẽ lợi dụng sương mù để đào thoát về nước. Lần này chúng ta về cả, phải bằng mọi giá cấp báo với Đại Vương, ba người sẽ thuận lợi hơn một người, nếu gặp chuyện bất trắc cũng dễ bề thu xếp.

Đỗ Thành nghe huynh trưởng bảo vậy, đầu gật gù, tay vỗ đùi đôm đốp, rồi nói:

– Phải đấy, không thể chậm trễ nữa. Đệ mới nghe được một tên đội lẻ nhè trong tửu quán lúc say khướt: “Ta đặt trước ba vò rượu Kim Môn, ngày Đông chí khao thuộc hạ trước khi nhỗ trại”. Hằng năm, vào ngày này trời thường rét đậm, có lẽ lũ Nguyên thừa cơ các đồn binh quan ải của ta vì rét mướt ắt trễ nải phòng bị mà tiến đánh bất ngờ.

Thế Quang đồng ý với cách nghĩ của Đỗ Thành:

– Huynh cũng nghe bọn dân binh tải lương trò chuyện với nhau là sẽ lên đường vào ngày Đông chí. Kết hợp hai nguồn tin như vậy là chính xác rồi. Chúng ta chỉ còn một nhiệm vụ cuối cùng, đó là vượt ải trở về báo tin cho Đại Vương.

Cậu em út Phạm Thái ra chiều tư lự, cố nén cảm xúc mà nói rằng:

– Phải về thôi. Nhưng có nên nán lại thêm dăm bữa để điều nghiên kỹ lưỡng không? Với lại còn mấy chục cân thuốc bắc, ta nên bán đi để có tiền lo liệu đường về?

Thế Quang gạt đi:

– Không được. Bỏ lại hết, mình mang danh là người thu mua dược liệu, bây giờ lại đem bán sẽ tạo ra ngờ vực. Không chần chừ nữa, tính đến ngày Đông chí chỉ còn một tháng, ta không về kịp thì nguy lắm, phải cấp báo để Đại Vương và triều đình còn có thời gian tổ chức chống giặc. Vậy

hai em phân công nhau, người kiếm ngựa, người gói ghém hành lý và chuẩn bị lương ăn để tối mốt lên đường. Nghe nói chúng mới kéo đến một loại máy công thành, sớm mai huynh sẽ đi điều tra thực hư ra sao để còn về bẩm báo cụ thể với Đại Vương.

Ý của Thế Quang chắc nịch như đinh đóng cột, hai tiểu đệ biết đây là quân lệnh, nhất nhất gặt đầu. Phạm Thái lựa lời đề nghị:

– Ở thôn Mai Lâm dưới chân núi Phục Linh có một giống ngựa tốt, người dân thôn ấy đệ cũng quen biết nhiều, đệ xin nhận trách nhiệm đến đây mua ngựa.

Thế Quang nói:

– Vậy thì hay quá. Hiện còn sáu mươi lạng bạc và một ít bạc vụn, đệ mang theo cả mà mua ngựa. Đỗ Thành cầm chỗ bạc vụn mua thức ăn cho hai ngày đường, huynh giữ mấy nguyên cũng đủ chi phí.

Phân công trách nhiệm xong, Thế Quang hất hàm hỏi Đỗ Thành:

– Việc tổng hợp tin tức, đệ làm đến đâu rồi?

Vốn là người sáng dạ lại có học, Đỗ Thành đáp vanh vách:

– Theo con số ước tính, quân Nguyên tập kết trên ba mươi vạn quân bộ và khoảng hai vạn kỵ mã do Trấn Nam Vương Thoát Hoan đầu lĩnh, dưới trướng có bọn A Lý Hải Nha, Khoan Triệt, Lý Hằng, Bột La Hợp Đáp Nhĩ, Sát Tháp Nhi Đài, toàn là tướng lĩnh kiệt kiệt của nhà Nguyên. Chúng còn tích trữ được mười vạn thạch lương để nuôi quân, tuyển hàng vạn phu, chuẩn bị ba trăm thuyền lớn, đóng hơn ngàn xe ngựa chở lương thảo. Với lực lượng hùng mạnh như vậy, xứ Lạng chắc là hướng tấn công chủ yếu của chúng.

Thế Quang lại hỏi:

– Còn thông tin về hướng nam?

Đỗ Thành đáp:

– Mấy tháng trước, tướng Nguyên là Hốt Đô Hồ và Ô Mã Nhi chỉ huy hai trăm chiến thuyền vượt biển qua Chiêm Thành để tiếp ứng cho đạo quân hàng chục vạn của Toa Đô. Có khả năng chúng sẽ dùng lực lượng này đánh nước ta từ phía nam. Lúc đấy tổng số quân Mông Thát trên các mặt trận cũng ngót nghét năm mươi vạn.

Thế Quang dặn dò hai em:

– Huynh nhắc lại, các thông tin này phải ghi tạc trong đầu vì đây là nơi lưu giữ an toàn nhất. Trước nay ta đều vào ra theo ngã Lộc Châu bởi đường đi không quá hiểm trở, nhưng mấy bữa nay hướng này quân Nguyên tuần tiễu gắt gao lắm. Biết là mạo hiểm song đây là con đường ngắn nhất, mà chúng ta lại chẳng còn thời gian...

Nói đến đây, Thế Quang trầm ngâm nghĩ ngợi hồi lâu rồi rướn cặp mắt cương nghị nhìn hai em và khẳng khái ra lệnh:

– Sống chết cũng theo hướng Lộc Châu mà về, ai toàn mạng thì bẩm báo đầy đủ thông tin cho Đại Vương. Tránh bị chúng tra xét dọc đường, nhằm bảo đảm trót lọt, khi qua cửa ải ta không đi đường công khai, sẽ sử dụng mật đạo để vượt biên giới. Các em phải ghi nhớ thêm điều này: con đường tốt nhất để lũ Nguyên Mông kéo quân sang ta là con đường hướng đến Lộc Châu. Năm được ý đồ của chúng ắt triều đình sẽ có kế sách đối phó. Đêm đã muộn rồi, các em đi ngủ để mai còn lo liệu công việc.

Đỗ Thành và Phạm Thái phục tùng huynh trưởng mà lặng lẽ về chỗ nằm. Cả hai nhắm mắt ngủ nhưng tâm trí thì tỉnh như sáo. Họ còn đeo đuổi tâm sự riêng, những uẩn khúc được giấu kín tận đáy lòng nhưng không dám thổ lộ cả với đồng đội vào sinh ra tử.

Đã mấy năm gần bó như ruột thịt, ba anh em cùng phụng sự cho sứ mệnh cao cả liên quan tới an nguy của đất nước và vương triều, song trong mỗi con người đều có những ưu tư cá nhân mà khó lòng chia sẻ với người khác. Chẳng phải họ không tin tưởng ở đồng đội mà chỉ vì không muốn các anh em phải bận tâm lo nghĩ về mình.

Đối với Thế Quang, nỗi dằn vặt trong tâm trí của chàng là bốn phận về đôi đường công tư. Việc vua việc nước không thể không làm tròn, cho dù phải hy sinh tính mạng. Việc nhà cũng không thể xem nhẹ, mẹ già, vợ yếu, con dại cần một người đàn ông rắn rỏi để nương tựa. Trong tình cảnh hiện thời, chàng làm sao thu vén vẹn cả đôi đường? Dù tâm thức đã xác định việc nước phải đặt lên hàng đầu, nhưng khi nghĩ tới người thân ở quê nhà, Thế Quang thấy cay sống mũi.

Trời khuya se lạnh, hơi ẩm vùng cao len lỏi qua khe cửa làm không gian trong ngôi nhà nhỏ như chùng xuống, mờ mờ ảo ảo và trĩu nặng giá rét. Hai tiểu đệ đã ngon giấc trên giường, riêng Thế Quang vẫn ngồi bất động trước đĩa dầu leo lét, trong đầu chàng tràn ngập vô số cảm xúc buồn lo.

Chuyến về lần này lành ít dữ nhiều, mà trách nhiệm thì nặng nề quá, ta là huynh trưởng tất yếu gánh vác phần hơn, sự sống chết của cả nhóm không là điều quan trọng song chí ít cũng phải giữ được mạng sống của một người để cấp báo với triều đình âm mưu động binh của giặc. Chí nam nhi xem cái chết nhẹ tựa lông hồng, dù thịt nát xương tan ta vẫn cam lòng nhưng làm sao bảo toàn được tính mạng của tiểu đệ?

Bụng dạ mấy bữa nay như lửa đốt, tuy sắp về sao vẫn da diết nhớ nhà, giờ này chắc mẹ và vợ con đã say giấc nồng mà đâu biết cơn dông tố đang âm ầm kéo tới. Mẹ ơi, lòng con thốn thức thương người, bao năm nay con

chẳng có được mấy ngày thay cha chăm lo cho mẹ lúc tuổi cao sức yếu, bây giờ chiến tranh sắp ập đến mà thân con đã nguyện phó thác cho nước non thì chữ hiếu thật khó trọn vẹn, mẹ ời!

Thị Hương ời, huynh nhớ nàng lắm, tình nghĩa phu thê là một nhẽ, song sự tận tụy của nàng thay ta nuôi nấng mẹ già con thơ, còn vì ta mà đành lòng sống đời chinh phụ thì cả kiếp này ta báo đáp không hết. Mai một ngộ nhớ huynh có bề nào cũng mong nàng hiếu cho mà không quá buồn tủi bởi kẻ dẫn thân vị quốc đã chẳng thể giúp mẹ con nàng chống đỡ binh lửa tao loạn...

Ánh trăng khuya vàng vọt chột hắt vào mấy lỗ phen tre rọi xuống nền đất những tia sáng nhạt nhòa. Thế Quang đứng dậy nhẹ nhàng đẩy cửa bước ra sân lặng ngấm bóng trăng mờ ảo xuyên qua màn sương gieo xuống đồi cây vô vàn đốm sáng như hoa tuyết. Khung cảnh thật tĩnh lặng bình yên mà lòng thì ngổn ngang tâm sự, bất giác trong đầu chàng nảy ra mấy câu tứ tuyệt:

Ánh tỏa đồi cây vạn đóa lành

Tình quê theo gió gửi trăng thanh

Lối về hiểm độc, tin cần gấp

Lòng thấy thêm lo chuyện thái bình. Minh điệp an giao lạc vạn hoa

Tình ký phong vân đảo nguyệt gia

Phượng hội hiểm lộ kỳ tăng cấp

Tâm bất vô ưu đoạn thái hòa.

Chương 2

Phường Cơ Xá, cậu bé cứu người không quản lũ

Núi Quán Sơn, chàng trai giúp bạn chẳng màng công

Đỗ Thành, chàng trai có khuôn mặt trái xoan, vầng trán rộng, đôi mắt sáng rực, cao tới bảy thước sáu tấc, sinh trưởng trong một gia đình nho học ở đất kinh kỳ. Cha của chàng làm nghề gõ đầu trẻ, tuy không đỗ đạt khoa cử nhưng rất nổi tiếng trong vùng, nguyên do trong khoa thi năm Bính Dần (1266) có hai vị đậu Thái học sinh từng học thầy hồi nhỏ. Có cha dạy học nên từ thuở lên năm Đỗ Thành đã ê a Tam tự kinh “Nhân chi sơ, tính bản thiện”.

Vậy mà cậu chẳng chí thú học chữ theo nếp nhà như tâm nguyện của cha. Vốn bản tính nhanh nhẹn tháo vát, thích bay nhảy nghịch ngợm hơn là gò lưng trên chiếu đồ chữ nho, thời niên thiếu Thành đã không ít lần bị cha phạt roi bởi những trò phá phách tinh quái cùng lũ trẻ trong xóm. Nhà ở phường Cơ Xá ven sông Hồng, vào mùa cạn bãi sông là nơi cậu cùng chúng bạn chia phe đấu đá theo kiểu “cờ lau tập trận” như Đình Bộ Lĩnh thời xưa. Quần thảo đất cát chán chê rồi cả bọn lại rủ nhau ra chỗ nước nông vẫy vùng thỏa thích, nên từ nhỏ cậu đã giỏi bơi lội.

Phường Cơ Xá trước kia là làng An Xá vốn trong phạm vi thành Đại La, tương truyền khi nhà Lý dời đô về Thăng Long đã cho di chuyển cả làng đến chân đê sông Hồng để lấy đất xây kinh thành. Do thiếu đất làm ruộng, cư dân Cơ Xá chủ yếu sống bằng việc trồng dâu nuôi tằm và làm các nghề thủ công, lại có nhiều thế hệ hấp thụ lối sống nền nã của người phố thị

nên cái sự ăn ở và sinh hoạt cũng tươm tất, sáng sủa hơn hẳn những thôn làng khác trong vùng. Vì không làm nông nghiệp nên chẳng biết từ đời nào người ta đã quen gọi Cơ Xá là phường, giống như các phường thợ, phường buôn ở kinh thành.

Nhưng do ở gần sông thành ra cư dân Cơ Xá hay phải chạy lụt, trong mười năm có đến hai trận vỡ đê và một trận nước dâng cao vượt qua mặt đê đổ vào phường như thác lũ. Cái cơ cực vì lụt lội thì cả phường cùng chịu, nước ngập không phân biệt giàu nghèo, nổi khổ đồng hạng tự nhiên thành đờ khổ, cho nên bao năm nay người ta vẫn vui sống mà chẳng ai muốn dời nhà đi chỗ khác.

Bởi vì sự kiếm ăn dễ, thôi thì được thứ này mất thứ kia, người Cơ Xá chấp nhận ở cái chỗ thảnh thơi thừa nước còn hơn đến chỗ khô ráo mà thiếu ăn quanh năm. Kinh tế dư dật một tí thời người ta nghĩ tới chuyện kiếm cho con em cái chữ. Đương nhiên nhà ông đồ họ Đỗ là đích ngắm đầu tiên của các bậc cha mẹ năm mơ thấy con ngâm nga đọc sách dưới bậc cửa thánh hiền.

Sở dĩ tiếng tăm của ông thầy họ Đỗ nổi như cồn vì một lần cả phường chứng kiến quan Ngự sử trung tán Trịnh Quý Đường ngồi kiệu đến thăm thầy cũ. Nhìn vị trọng thần mũ áo xênh xang quỳ lạy thầy trên bậc thềm khiến ai cũng cảm động về nghĩa thầy trò. Họ càng khâm phục hơn nữa trước cử chỉ của thầy khi một mực không nhận cái lễ của trò, mà còn khiêm nhường nói:

– Xin đại nhân chớ có vậy, kéo tôi hổ thẹn lắm. Chữ của tôi dạy chỉ ở bậc sơ đẳng, có thãm tháp gì so với công rèn đúc mấy mươi năm đạo lý thánh hiền của ngài.

Quan Ngự sử đáp:

– Bẩm thầy, con nhận dù chỉ một chữ cũng đội ơn thầy một đời. Huống hồ ở dưới mái nhà này con đã được thầy dạy dỗ hơn ba năm.

Hồi đấy Đỗ Thành mới lên năm, nấp sau cây cột nghe cha và ông quan lớn nói chuyện mà chẳng hiểu cho lắm, nhưng cậu vẫn cảm nhận được cái việc học chữ để thành tài sao mà tốn nhiều thời gian đến thế.

Hằng ngày, bất kể mưa hay nắng, lúc ít thì năm đứa, lúc đông thì tới mười đứa trẻ gò lưng trên hai chiếc chiếu được trải ở giữa nhà, rồi theo hiệu lệnh của thầy mà đồng thanh đọc chữ bằng cái lối ngâm nga như thầy chùa tụng kệ. Ông đồ ngồi ghế cao, tay lăm lăm thanh tre, phải đứa nào ngủ gật hoặc đọc sai thì thể nào cũng bị cái que của thầy khò cho mấy cái vào đầu. Chẳng biết có phải từ lối dạy học bằng roi của ông thầy ở Cơ Xá hay vì một nguyên cớ nào khác mà từ đó người ta gọi công việc của thầy đồ dạy con nít là nghề “gỗ đầu trẻ”. Cũng may nhờ cách dạy nghiêm khắc của Đỗ sư phụ nên lắm học trò khi trưởng thành tuy chẳng đỗ trạng, đỗ nghè nhưng chí ít cũng bỏ được tật nói ngọng cố hữu. Trong số đám trẻ mài đũng quần trên chiếu, tất nhiên có Đỗ Thành, cậu con cả của thầy, vốn được ông rất kỳ vọng về con đường hoạn lộ mai sau.

Lâu nay dân gian vẫn cho rằng làm thầy đồ dạy học cho đám trẻ ranh hỉ mũi chưa sạch thời chẳng thể giàu, nhưng ở Cơ Xá thì khác. Cái nhà ngói năm gian của ông thầy họ Đỗ cũng bề thế không kém nhà phú hào trong phường. Nhà ngói vững chãi hơn nhà gianh, vì thế cái mái ngói của ngôi nhà trở thành nơi bầu vút sinh mạng của cả gia đình mỗi khi Nhị Hà trở chứng dâng nước thúc vờ đê. Và dụng cụ cứu hộ thường trực trong nhà không gì khác ngoài cái thang tre cao tới mái. Mỗi năm vào mùa lũ, chẳng cần biết nước sông đầy hay vơi, ông đồ đem thang ra dựa vào mái rồi chằng dây cột cho khỏi nghiêng đổ. Nếu cơ sự ập đến bất ngờ, dù ông có nhà hay

vắng nhà, thì lớn bé trong nhà ai cũng có thể tự leo lên mái mà thoát nạn. Cũng từ chuyện lụt lội mà cậu bé Đỗ Thành đã một lần thể hiện tính cách dũng cảm khi xả thân cứu người trong cơn hồng thủy của hà bá. Để rồi nhiều năm sau cái duyên nợ sinh tử ấy đã cột chặt vào tâm hồn tinh khiết của chàng trai tuấn kiệt vốn thề nguyện một đời tận trung báo quốc.

Mùa thu năm đấy lũ về nhiều làm đục đê, phường Cơ Xá ngập đỏ, nước sông tràn vào nhấn chìm ngõ xóm, nhà cửa, người và vật bồng bênh trôi dạt. Cả một vùng điêu linh, tiếng than khóc dội vào thính không đầy vơi nỗi niềm thống thiết.

Cha vắng nhà, Đỗ Thành khi ấy mới mười hai tuổi đã kịp cùng mẹ và hai em gái trèo lên mái ngói an toàn. Trời ngả chiều, nước dâng đến rìa mái thì dừng, thấy các em kêu đói, cậu mong nước rút vài thước để lặn vào nhà tìm mấy củ khoai lang chắt dưới gầm giường cho bốn mẹ con ăn lót dạ. Bất chợt có tiếng thều thào vọng lại “Ai cứu mẹ con tôi với”. Cách nhà cậu chừng mười trượng có người thiếu phụ một tay ôm đứa con gái nhỏ xíu, một tay quàng vào thân cây chuối đang bồng bênh chới với giữa biển nước.

Chẳng kịp nghĩ ngợi gì, Đỗ Thành tụt khỏi mái, nhảy ào xuống nước mặc tiếng kêu thất thanh của mẹ: “Thành con, cẩn thận, cẩn thận”. Cậu sải tay bơi đến chỗ nạn nhân, rồi níu lấy cây chuối vừa bơi vừa đẩy về phía nhà mình. Nước không còn chảy xiết nhưng cậu chỉ là đứa trẻ con nên phải vùng vẫy bằng toàn bộ sức lực mới đưa được thân chuối tới mái ngói. Thấy con thoát hiểm lại cứu được người, mẹ cậu mừng rỡ dò dẫm tụt xuống giúp kéo bị nạn lên nóc.

Người mẹ trẻ chưa hết kinh hoàng, nói thều thào trong nước mắt: “Đội ơn cháu cứu mạng. Đa tạ, đa tạ...”. Cô bé con ngược đôi mắt tròn xoe nhìn ngăm Đỗ Thành, tuy chưa biết nhận thức về sự việc vừa xảy ra, nhưng hình

như khuôn mặt dễ ứa của cậu trai đã làm cho nó có cảm giác gần gũi. Sự đũa trẻ bị cảm lạnh, bà mẹ của Thành xin bế, lấy vạt áo của mình ủ ấm cơ thể bé gái.

Nghe vợ kể ngọn ngành hành vi dừng cảm cứu người của cậu con trai, ông thầy đồ suy nghĩ mông lung lắm. Thân ông tài đức chẳng bằng ai nên đánh tan mộng quan trường, được mụn con nối dõi thì từ lâu ông đã ấp ủ ước mơ rèn giũa cho nó thành kẻ sĩ trong thiên hạ để mai sau đỗ đạt khoa bảng đem vinh hiển về cho gia đình, tộc họ. Vậy mà khốn khổ thay, ông dạy người khác thành tài còn dạy con lại chẳng nên nổi. Là đũa trẻ thông minh nhưng nó chẳng thích chữ nghĩa bằng những việc động chân động tay. Mới từng ấy tuổi mà đã sớm bộc lộ phẩm chất nam nhi chân chính, dám bất chấp hiểm nguy để làm việc nghĩa. Tính cách này giống trang hiệp sĩ cứu nạn giúp người, vậy cứ gò ép nó vào con đường nghiên bút thì có nên chăng? Giỏi chữ thánh hiền là điều đáng mừng, song trở thành người nghĩa hiệp cũng tốt lắm chứ. đành vậy thôi, miễn đừng làm mẹ cha hổ thẹn là được.

Càng nghĩ càng hãnh diện về con, bằng tình phụ tử cao cả, ông đồ nường tay hơn với Thành trong việc học chữ và để cậu tự do phát triển chí hướng. Nghe con nói thích học võ, ông lặn lội khắp vùng kiếm cho nó thầy giỏi. Ngày Đỗ Thành ứng thí rồi được tuyển vào đội Túc vệ thượng đô, hai vợ chồng vui mừng khôn xiết. Ông bà vô cùng hãnh diện trước xóm giềng và hai đảng nội ngoại khi có con góp mặt trong đội quân bảo vệ hoàng thượng, đêm ngày túc trực canh giữ an nguy của Người.

Mẹ con góa phụ được cứu sống năm ấy vốn người họ Lương ở xóm Thượng, cách nhà Đỗ Thành chừng vài dặm. Cái ơn cứu mạng, họ ghi nhớ suốt đời nên mỗi dịp lễ tết đều mang quà sang biếu gia đình ông đồ, khi thì cặp bưởi, lúc chục trứng gà. Phụ mẫu Thành áy náy lắm, nhận hoài quà ơn

nghĩa là việc không nên, nhưng từ chối không được đánh gửi quà đáp lễ, lúc thì giỏ cam, khi mảnh lụa trắng.

Từ đấy hai nhà qua lại thân mật trong cái sự “vô tâm” của nhân vật chính. Chẳng phải Đỗ Thành là người nhạt nhẽo, cái chính là chàng mãi lo chuyện khác, họa hoằn gặp người mang ơn cũng chỉ trao đổi vài câu chiếu lệ mà không để lại ấn tượng gì đáng kể. Lúc niên thiếu thì mê say học võ nghệ, đến tuổi trưởng thành thì đầu quân túc vệ, một năm mới về nhà được dăm ngày nên chàng không hề hay biết về mối giao hảo của gia đình với mẹ con nhà nọ.

Một lần được về phép, lúc rảnh rỗi Thành đi loanh quanh xóm chợ xem người ta mua bán. Bất chợt nhìn thấy một thiếu nữ mặc áo lụa đào đang lựa chỉ màu trong hàng vải, khi nàng quay người lại, tự nhiên lòng chàng cứ xao xuyến không dứt trước vẻ đẹp thanh tú của người con gái. Chỉ là cái nhìn tình cờ mà khiến Đỗ Thành ngơ ngẩn cả hồn, đến nỗi đôi mắt liểu long lanh và cặp môi hồng tươi rói của cô nàng xinh đẹp cứ ám ảnh chàng ta từ tháng này sang năm khác.

Sau ngày Hưng Đạo Vương bị đánh lén ở đèo Tam Điệp, Quan gia lo lắng cho sinh mệnh của Tiết chế thống lĩnh quân đội, vì dù danh nghĩa là quan hệ quân thần nhưng trong nội tộc Vương là người bác họ được nhà vua rất nể trọng nên ngài quyết định biệt phái sáu dũng sĩ túc vệ tài giỏi nhất bổ sung vào đội ngũ bảo vệ Vương phủ. Đỗ Thành nằm trong số sáu người ấy. Rồi lần sẵn hỗ bắt thành ở vùng núi Quán Sơn, chàng được Đại Vương lưu ý.

Dạo ấy có con cọp dữ về bắt gia súc của mấy bản Mường thuộc trấn

Quảng Oai khiến người dân vô cùng hoang mang lo sợ. Nghe tin báo, Đại Vương bèn cử mười tráng sĩ quả cảm đến bắt dã thú trừ hại cho dân.

Đội săn và dân bản dần trận bao vây dồn con hổ vào hẻm bẫy được đào sẵn ở hẻm núi cụt nhằm bắt cho được dã thú. Đỗ Thành và một chiến hữu cùng với nhóm năm người thổ dân được phân công chốt chặn bên sườn non để phòng con cọp lao lên trốn thoát sang vùng núi khác. Khi thú dữ bị xua đuổi vào thung lũng, trong thế cùng đường nó không chạy về phía hẻm cụt mà chạy lên sườn dốc rồi chùn bước trước hàng loạt mũi giáo nhọn hoắt giương sẵn. Mãnh thú chần chừ định chạy xuống lại bị mấy chục người phía dưới lăm lăm đón đợi, tay gõ thanh la inh ỏi, miệng hò hét vang trời.

Quá hoảng sợ, con cọp liều mình phóng về phía chiến hữu của Thành, bị người này đâm giáo trúng mạng sườn nhưng nó vẫn đủ sức hất tung chàng trai rơi xuống vực sâu, rồi vãi máu mà lết sang bên kia núi. Bấy giờ đám thổ dân chẳng còn hồn vía cứ đứng như trời trồng, mỗi Đỗ Thành ở cách đây mười sải chân vội nhảy vọt sang tiếp ứng. Con cọp bị thương khó mà thoát thân, với mũi giáo trên tay Thành thừa sức đuổi theo hạ sát mãnh thú trong chốc lát. Song thấy bạn gặp hiểm nghèo, chàng không hề dẫn đo lao xuống cứu người mà quên lập công. Chiến hữu bị thương nặng đang bấu tay vào mỏm đá chênh chên được Thành kéo lên an toàn, nếu chậm một chút chắc sẽ kiệt sức mà rơi xuống đáy khe lõm chồm đá nhọn.....

Ai mà chẳng ham công trạng, nhưng lập được công mà bỏ mặc đồng đội đang gặp nguy hiểm thì tệ quá. Việc như thế Thành không làm nổi. Từ nhỏ đã thấm nhuần đạo lý nhân sinh do cha dạy bảo, cho nên đối với chàng trai thấy chết mà không cứu thì không xứng làm người trên thế gian.

Lúc Hưng Đạo Vương nghe chuyện, ngài không hề khiển trách Đỗ Thành mà còn nghĩ tên này có lòng nhân, xứng đáng là trang nam tử nghĩa

hiệp. Còn con cộp từ đấy cũng đi mất dạng, làng bản yên bình trở lại.

Khi tổ chức đội ngũ thám báo, tuy không nói với ai nhưng trong thâm tâm Hưng Đạo đã đề ra tiêu chuẩn để cân nhắc. Nhân-trí-dũng là những tính cách hàng đầu mà ngài yêu cầu phải hội đủ trong phẩm chất của người chiến binh hoạt động bí mật trên đất địch. Bộ ba đột nhập Ung Châu đều là những tay tuần kiệt giỏi võ nghệ, quả cảm hơn người và dám xả thân vì đại nghĩa, nhưng điều Vương tâm đắc nhất chính là về lòng nhân của họ thông qua hành động liều mình cứu người khác mà bất chấp hậu quả. Trong đó, việc Đỗ Thành không màng lập công để lao ra cứu bạn được ngài đánh giá rất cao.

Lại nói về thực nữ Lương Thị Đào, người con gái năm xưa được Thành cứu sống. Ngày ấy nàng chưa đầy ba tuổi nên chẳng nhớ gì về lần thoát chết trong trận vỡ đê năm Ất Sửu (1265). Khi lớn lên một chút, nghe mẫu thân kể hoài về chuyện hai mẹ con được vị cứu tinh nhỏ tuổi cứu mạng, dần dà tâm trí nàng in sâu mọi tình tiết xảy ra như thể nó vốn có sẵn trong nhận thức của mình. Lúc năm, sáu tuổi cũng chưa nghĩ ngợi gì, nhưng năm lên mười theo mẹ đến nhà ân nhân thì cái cô bé có đôi mắt liếc đen nháy cứ nhìn mãi chàng thanh niên đẹp trai tuấn tú mà trong lòng lâng lâng cảm xúc. Không thể nào khác hơn, Đào coi chàng trai lớn hơn gần chục tuổi là người hùng của lòng mình với tất cả sự ngưỡng mộ chân thành pha trộn một chút mơ mộng vu vơ.

Những năm sau Đào vẫn theo mẹ đi tết nhà ông đồ, thế mà chẳng bao giờ gặp được chàng ta. Bởi thầm ước ao thấy mặt người ấy, nhưng không dám hỏi ai, nên thiếu nữ xuân xanh vẫn cười tươi với mọi người mà trong

lòng thì đầy ưu tư. Cho đến tận mùa đông năm nọ.

Ở tuổi của Đỗ Thành nhiều người đã yên bề gia thất. Ông bà giáo sốt ruột lắm khi chưa cưới được vợ cho con trai. Tuy hai người đã có cháu ngoại, nhưng cháu ngoại chung quy là cháu nhà người, còn cháu nối dõi tông đường cho nhà mình thì chẳng thấy đâu, khi mà cậu cả chưa lấy vợ. Nghe tin Thành sắp đi xa, vợ chồng ông đôn đáo tìm mối manh cho con nhưng Thành đều viện cớ thoái thác. Là trang nam tử chính trực, thân mang trọng trách của triều đình mà phiêu lưu xứ người, sống chết khó lường thì làm sao gánh thêm chuyện vợ con? Đây là cái lý đáng trân trọng của bề tôi trung với vua với nước, song đôi phần cũng bởi đối tượng cha mẹ dạm hỏi chẳng hề khiến chàng rung động như lòng từng rung động trước vẻ đẹp đôi tám của người thiếu nữ ở xóm chợ năm nào.

Thế rồi lần về nước năm kia, sau khi bẩm báo công việc, Thành được Đại Vương cho lai đáo thăm nhà nửa tháng. Hôm đó là ngày giỗ kỵ ông nội, chàng trai trẻ ngỡ ngàng sững sốt khi gặp lại bà góa quen thuộc đi cùng với một thiếu nữ có khuôn mặt thanh tú. Thành nhận ra ngay nàng là cô gái mà lòng thầm mơ ước kể từ khi tình cờ nhìn thấy ở xóm chợ. Bắt gặp ánh mắt của nàng nhìn mình chan chứa, trống ngực anh chàng đập rộn rã, mặt thì ửng đỏ ngượng nghịu còn đôi tay trở nên lóng ngóng thừa thãi. Lúc nghe mẹ bảo: “Đây là cô bé được con cứu trong trận lụt năm Ất Sửu” khiến Thành ngẩn người, rồi run bắn lên vì kinh ngạc trước mối giao cảm kỳ lạ. Là người lăn lộn việc nước, sẵn sàng xông pha hiểm nguy nhưng chưa từng trải chuyện trai gái nên lúc đối diện với cảm xúc khác giới thì điệu bộ của chàng thật ngô nghê tức cười.

Thái độ của cô cậu không lọt khỏi những cặp mắt ước ao tác hợp cho con trẻ của các bậc phụ mẫu. Cho là thiên duyên tiền định, cha mẹ Thành

và bà góa phụ cùng mở cờ trong bụng. Sau bữa giỗ, hai bậc sinh thành ướm lời với con về việc hỏi vào làm vợ, cậu chàng cả thẹn mà đáp rằng “Ừ thì tùy bố mẹ định liệu”. Hôm sau, vợ chồng ông đồ sắm sửa ít lễ rồi tong tá sang nhà bà góa. Được lời như cởi tắc lòng, bà mẹ thăm dò ý tứ của con gái về việc làm dâu nhà ông đồ, bèn được Đào nũng nịu trả lời “Ừ thì tùy mẹ sắp đặt”. Ôi chao, cách ăn nói của hai đứa chẳng khác gì nhau, chúng đồng tâm từ lúc nào thế nhỉ, đây ắt là ý trời.

Cứ thế đôi bên tán rộng ra rồi quyết định kết mối thông gia vào dịp Đỗ Thành về phép kỳ tới. Do chỉ còn dăm ngày nữa chàng trai phải đi xa, không kịp lo hôn lễ nhưng hai nhà cũng nên tạo điều kiện để con trẻ qua lại gặp gỡ nhau cho lương duyên mới chớm thêm bền chặt; thế là khi Thành qua nhà nàng thì bà góa xuống bếp thổi nấu đến mấy canh giờ, còn khi Đào qua nhà chàng thì vợ chồng ông đồ đánh tiếng lên phố thị mua giấy mực mất cả buổi. Năm ngày còn lại của chàng túc vạ, đôi lứa gặp nhau đến sáu bận, ai dám bảo là ít.

Hôm chia tay, Thị Đào tặng chàng trai một chiếc khăn lụa hồng có thêu cặp uyên ương bằng chỉ xanh rồi nghẹn ngào thổ lộ nỗi niềm:

– Huynh đi xa, muội chỉ kịp làm chiếc khăn này thay cho hình bóng của muội luôn ở bên huynh, để huynh tin tưởng rằng nơi quê nhà có một người con gái đang ngày đêm trông ngóng huynh sớm trở về.

Đỗ Thành cảm động lắm, chàng hiểu ý nghĩa sâu xa của chiếc khăn lụa đào, coi như nàng đã gói ghém linh hồn trong đấy mà theo chàng bốn ba khắp chốn. Nhưng Thành biết công việc của mình nên đành ngậm ngùi mà nói thật lòng:

– Huynh đi làm phận sự với triều đình nên không thể muốn về là về. Nếu không có gì thay đổi thì ba năm nữa huynh mới được về bên muội. Ba

năm chẳng hề ngăn ngủi, muối ráng đợi chờ huynh nhé.

– Muội nhất định chờ. Huynh đi làm việc nước thì bao lâu muội cũng chờ.

Cặp tình nhân nắm chặt tay nhau như thắm trao gửi nguyện ước, cùng chia sẻ cảm giác hai trái tim đang thốn thức nhịp đập yêu thương.

Nhìn đôi trẻ bịn rịn chia ly, đứng ở gần đấy, hai bà mẹ cứ khóc sục sịt không thôi. Ông thầy đồ cũng đỏ hoe con mắt nhưng vẫn nói cứng:

– Ôi dào, đàn bà chỉ được cái lắm lệ. Nó đi rồi nó về chứ có biệt tích đâu mà khóc lóc.

Những ngày trên đất khách, Đỗ Thành tìm mua được miếng ngọc bội vân lý chạm khắc long phụng rất đẹp, cốt để dành tặng ý trung nhân vào ngày cưới. Thành gói quà trong manh lụa hồng của Đào và luôn mang theo mình, ban đêm vắng lặng, mỗi khi thương nhớ đầy vơi chàng lại lấy khăn lụa và ngọc bội ra ngắm nghía.

Theo quy định, mùa thu năm nay đến kỳ Đỗ Thành về nước, cũng là dịp để chàng thực hiện mộng ước thành hôn với người con gái có mối lương duyên kỳ lạ với mình. Không ngờ thế cuộc xoay vần, thu qua đông tới, mọi dự tính đều đảo lộn, bấy lang sói rập rình trước cửa, vận nước đang dầu sôi lửa bỏng thì chuyện hôn nhân cũng đành gác lại. Nghĩ được như vậy, nhưng trong lòng chàng trai vẫn không khỏi ghen ngào tiếc nuối.

Mình ở đây vì mãi lo đại sự nên đành chấp nhận lỗi hẹn với gia đình và hôn thê, chỉ tội người ở nhà ngày đêm mãi mòn trông ngóng mà chẳng biết vì sao không thấy ta về như lời hứa? Họ không thể hỏi ai cho vơi bớt âu lo phiền não thì chắc lại gửi sầu muộn vào dòng nước mắt đọng đầy mỗi

canh. Đến giờ Hưng Đạo Vương còn chưa nắm được tin tức về anh em ta, huống hồ thảo dân như ruột thịt của ta, nỗi niềm của họ vô vọng biết mấy. Các huynh đệ đều biết ta có người yêu thương sắp cưới, tuy ta chưa có dịp thổ lộ nhưng chắc Quang huynh và Thái đệ cũng nghĩ chuyển về phép lần này ta sẽ cưới vợ. Rồi nay không được về đúng hẹn, có lẽ hai người ái ngại cho ta nhưng họ chẳng nói ra vì sợ ta lại buồn.

Đỗ Thành vờ nhắm mắt ngủ say trên nệm cỏ, mặc tâm trí trôi dạt vào miền ký ức mà tự vấn lòng về cuộc đời và thế sự. Nghe tiếng kệt cửa, mở mắt nhìn thấy Thế Quang đi ra sân, chàng bèn ngồi dậy móc gói lụa lặn trong lưng quần lấy miếng ngọc quý ra ve vuốt rồi lại mân mê chiếc khăn và thở dài não nuột...

Mãi trầm tư nhưng nhớ, Đỗ Thành không hay biết có người đứng sau lưng nhìn trộm. Người đó là Phạm Thái, vốn cũng trần trọc chưa ngủ nên khi thấy Thành nâng niu món đồ cầm trên tay bèn bước rón rén tới gần xem thử.

– Huynh đang xem gì thế?

Đỗ Thành giật mình quay lại, thấy Phạm Thái đứng lù lù bên cạnh, bèn đáp “Có gì đâu” nhưng bàn tay thì nắm vào để cậu em không nhìn thấy miếng ngọc bội.

– Để thấy rồi, cho xem đi. – Phạm Thái năn nỉ.

– Không có gì đáng xem cả. – Đỗ Thành cố khước từ.

Thấy chiếc khăn lụa để trên nệm, Thành nhanh tay chớp lấy xem rồi tấm tắc khen:

– Đôi chim uyên ương thêu đẹp quá, chắc là kỷ vật của nàng đây. Lấy kỷ vật gói đồ hản nhiên là đồ quý. Anh em sống chết có nhau thế mà lại giấu đệ?

Nghe Thái nói bằng giọng hờn, Thành hơi phân vân nên đành xòe tay ra và bảo:

– Đừng giả vờ dối như con nít. Ngồi xuống đây mà xem, kéo lỏng ngón rơi vỡ mất.

Thái cầm miếng ngọc ngắm nghía, còn miệng xuýt xoa:

– Đẹp thế này thì quý là phải, chả trách cứ ngắm mãi. Huynh mua tặng hôn thê à?

Thành lấy lại miếng ngọc, đáp:

– Ừ. Nhưng giờ cũng chẳng biết sao nữa. Thôi đệ về giường đi, huynh ngủ đây.

Phạm Thái trở về giường, nằm thở dài “Thành huynh có phúc hơn mình, ít ra còn hy vọng sum vầy đôi lứa. Ta mới là người vô phúc đây”. Tâm trí của chàng lại hướng về một người con gái không đồng tộc với mình. Nếu không vướng họa chiến tranh thì hay biết mấy, trai gái lân bang nên đôi lứa là chuyện bình thường. Còn khi xảy việc binh đao giữa hai nước, thế cuộc chia kẻ Bắc người Nam, sống chết còn chẳng lường nổi thì mơ gì đến chuyện nối duyên kết phúc?

Đỗ Thành nói ngủ nhưng nào ngủ được, nằm nghĩ quanh nghĩ quẩn rồi cất tiếng gọi khê:

– Thái à, huynh bảo này.

Nghe Thành gọi, Phạm Thái liền bật dậy sang xem huynh bảo gì. Đỗ Thành nắm cổ tay Thái, nhìn đệ bằng ánh mắt đầy cảm xúc rồi bộc lộ nỗi niềm:

– Chuyển trở về lần này chưa biết lành dữ ra sao, nếu ba anh em đều vô sự thì không nói làm gì, ngộ nhờ... huynh có bề nào thì nhờ đệ lấy chiếc

khăn và miếng ngọc huynh để trong túi ở cặp quần đem về giao tận tay cho Lương Thị Đào là hôn thê của huynh ở phường Cơ Xá phía đông thành Thăng Long, rồi nhờ nàng đưa sang nhà huynh, thay huynh vấn an cha mẹ.

Thái nhản mặt trách:

– Cứ nói gở. Binh thư có câu “Gặp nguy nan mà nhu nhược thì ba phần thất bại, đánh giặc mà lòng mạnh mẽ thì nhất định thành công”Đối nan nhược chí tam phần thất. Kháng địch cường tâm nhất đắc thành”. Chưa lên đường mà huynh đã lo ngại không về tới nhà. Đệ không giúp đâu, huynh phải về mà giao quà tận tay cho hôn thê, về mà vấn an cha mẹ.

Thành chống chế:

– Thì dặn hờ thôi, đâu nhất thiết như vậy. Chưa gì đã lôi binh thư ra giáo huấn rồi. Mà này, đệ học ở đâu ra thế?

Thái trả lời:

– Trong Binh thư yếu lược của Đại Vương, đệ học ở Giảng võ đường.

Thành tấm tắc khâm phục:

– Thế mà bây giờ mới kể. Huynh không ngờ đệ được học tại Giảng võ đường. Thời niên thiếu huynh cũng mơ ước lắm, nhưng hồi đấy người ta chưa tuyển con em thứ dân.

Nghe tiếng bước chân ngoài cửa, biết đại ca sắp vào nhà, Phạm Thái rảo cẳng về giường của mình, còn Đỗ Thành nằm ngay xuống, quay mặt vào tường như đang ngủ say. Nếu biết hai người chưa ngủ thì thế nào huynh trưởng cũng trách cứ.

Trước ngày lên đường, Đại Vương đã dặn dò kỹ lưỡng “Ba anh em phiêu bạt đất khách quê người, vì việc nước mà dấn thân vào chỗ hiểm nguy nên mọi cái phải theo quân kỷ, người trên bảo người dưới phải tuyệt

đối phục tùng. Đây cũng là bí quyết sống còn giữa động hùm hang sói”.

Chương 3

Hưng Đạo lập kế diễn võ thuyết vua

Thái Tông ở chùa niệm kệ răn cháu

Giảng võ tọa lạc ở phía tây nam kinh thành Thăng Long, vốn là trường đào tạo võ nghệ và binh pháp dành riêng cho con em hoàng tộc, được Thái Tông Hoàng đế thiết lập vào năm Nguyên Phong thứ ba (1253). Một lần có viên giáo thụ đến gặp Hưng Đạo Vương phàn nàn về sự yếu kém và chênh mảng học tập của bọn võ sinh, Đại Vương hiểu chuyện, vì ngài biết có kiểm đếm hết đám thiếu niên nội tộc trạc tuổi mười lăm, mười bảy cũng chỉ được dăm chục đứa, lại còn đứa có tài đứa bất tài, đứa thích võ đứa thích văn, nên thiếu vắng võ sinh ưu tú không hề lạ. Nghĩ tới vận mệnh xã tắc trước áp lực xâm lăng ngày càng quyết liệt của bọn Nguyên Mông, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn bèn bàn bạc với Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải:

– Người khí phách trong thiên hạ nhiều lắm, nay Giảng Võ chỉ dành cho con cháu trong họ thì e rằng khi quân Nguyên phạm cõi sẽ thiếu nhân tài giúp nước, vậy nên chẳng tẩn xin Quan gia cho tuyển lựa người trong nước có khả năng vào trường rèn luyện?

Chiêu Minh không thuận, ngài cho rằng:

– Hoàng thân quốc thích học chung với thứ dân thì còn ra thể thống gì nữa. Đem việc này mà bàn với Quan gia có khi còn bị quở.

Chiêu Minh Vương là tể tướng đầu triều nên Hưng Đạo Vương không nói gì thêm. Nhưng vốn đa mưu, Hưng Đạo nghĩ phải dùng thực tế hai năm rõ mười để thuyết phục Chiêu Minh và hoàng thượng. Nhân sắp lễ mừng

thọ Thái thượng hoàng, ngài bấm với đương kim hoàng đế bấy giờ là Thánh Tông:

– Trước kia khi nước nhà có biến Thượng hoàng đều đích thân cầm quân xông pha trận mạc, hẳn trong tâm trí vẫn nhớ việc binh đao. Hằng năm mừng thọ Người đều làm yến tiệc, thần cầu xin năm nay bệ hạ tổ chức thêm múa võ, ắt Thượng hoàng sẽ vui thích.

Vua Thánh Tông là người hiếu thảo, mừng rỡ chấp thuận:

– Phải đấy, phụ hoàng chắc rất vui. Theo khanh lấy ai ra múa võ?

Hưng Đạo đáp:

– Giảng Võ lập đã lâu, võ sinh là người trong nhà cả. Theo thần dùng chúng làm chủ đạo, cũng tiện dịp để con cháu phô diễn tài năng.

Thánh Tông truyền:

– Vậy ta giao cho khanh lo liệu.

Nghe Quan gia nói thế, Hưng Đạo bèn lựa lời đưa đẩy:

– Chiêu Minh Vương vừa là Tế tướng vừa là con Thượng hoàng, thần dưới đệ ấy một bậc nên không dám nhận, bệ hạ giao cho Chiêu Minh là hợp tình hợp lý.

Trần Quang Khải được hoàng huynh gọi vào cung giao việc, ban đầu thì cả mừng, về sau lại đâm lo vì không kiếm được người giỏi múa đao kiếm để làm hài lòng phụ hoàng. Theo chỉ dụ, ngài đã sang Giảng võ đường tuyển lựa, nhưng trong hơn ba chục học sinh hoàng tộc cuối cùng chỉ chọn được năm đứa gọi là tầm tạm. Thấy việc không xong, Quang Khải bèn rủ Nhật Duật cùng đến gặp Thánh Tông để thăm dò ý tứ của nhà vua về việc thay đổi khoản múa võ sang múa hát cung đình.

Sau khi nghe Chiêu Minh trình bày, hoàng thượng nhíu mày:

– Không được đâu, cho bọn đào hát đến mừng thọ thì tầm thường quá. Cứ vậy đi, đám Giáng võ kém cỏi thì đệ kiểm đám khác bổ sung.

Quang Khải nháy mắt cho Nhật Duật, hy vọng người em nói đỡ cho mình một câu. Chiêu Văn làm mặt tỉnh bơ, nói thủng thẳng:

– Hoàng huynh nói phải đấy, xem bọn đào hát thì để phụ hoàng nghỉ ngơi cho khỏe. Quang Khải huynh gắng kiểm làm gì mà chả ra người tài.

Thánh Tông tỏ thái độ dứt khoát:

– Cứ như vậy nhé, đừng thay đổi gì cả.

Khi cáo lui ra ngoài, Quang Khải trách Nhật Duật không giữ lời hứa, đã chẳng nói giúp lại còn xúi bẩy thêm vào để hoàng huynh giữ nguyên chủ ý. Nhật Duật cười trừ, đáp:

– Huynh có thấy bề hạ khăng khăng đòi múa võ không? Đệ có góp lời cũng chẳng ăn thua, thà cứ làm theo rồi tìm cách gỡ bí.

Chiêu Văn nói nhỏ với ông anh, Chiêu Minh nhăn nhó “Lại phải nhờ cậy cái lão này, tức chết đi được”. Nhật Duật bảo “Huynh ấy không nề hà đâu, có điều huynh đừng làm khó cho người ta thì đâu vào đấy cả”.

Bí quá, Chiêu Minh đành nhờ cậy Hưng Đạo kiểm người. Đại Vương đồng ý giúp, nhưng bảo:

– Việc của Tể tướng giao tất nhiên phải nỗ lực, chỉ sợ mấy thuộc hạ của ta tuy có chút võ công song đều là gia nô và hạng thứ dân, không biết có làm nhị hoàng phật ý?

Ngày mừng thọ đã cận kề, Quang Khải biết không thể làm khác hơn, đành gập gáp gật đầu:

– Không sao, thứ dân hay gia nô cũng là thần dân trong nước, nếu phụ hoàng và Quan gia có hạch sách gì thì ta nói đỡ cho. Huynh cứ chuẩn bị chu

đáo là được.

Hưng Đạo Vương mừng lắm, bèn quay về Vạn Kiếp cho triệu tập môn khách Phạm Ngũ Lão cùng bọn thủ túc là Yết Kiêu, Dã Tượng và Nguyễn Địa Lô lên dặn dò, sai việc.

Vào lễ mừng thọ Thái thượng hoàng, cung Trùng Quang tại phủ Thiên Trường rực rỡ cờ xí, đông vui tấp nập như thể triều đình dời cả về đấy; xa giá của Thánh Tông từ Thăng Long trở về có hơn ngàn người tháp tùng hầu hạ, quần thần từ tam phẩm trở lên đều góp mặt, kiệu, long rợp trời, ngựa, võng kín đất; các vương hầu xa gần cùng hội tụ, bậc thân vương mang theo hai ba trăm gia binh hộ tống, người tước hầu dẫn tới năm bảy chục gia nô phục dịch. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đến từ Vạn Kiếp, Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải từ thái ấp cũng ở phủ Thiên Trường kéo sang, Tĩnh Quốc Vương Trần Quốc Khang từ Diễn Châu ra, Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật từ đạo Đà Giang xuống, Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc từ phủ Đông Đô về...

Màn lễ nghi và yến tiệc kéo dài từ sáng tới xế chiều, khi mặt trời đã nhạt nắng, Quan gia đến bên cạnh Thái thượng hoàng, khoanh tay thưa gửi:

– Nhân đại thọ của phụ hoàng, năm nay hoàng nhi và các vương có tổ chức thêm tiệc võ góp vui, mong phụ hoàng chiếu cố.

Thượng hoàng Trần Thái Tông tuổi ngoài ngũ tuần, người cân đối quắc thước, mặc long bào gấm đỏ, đang ngự trên ghế Bảo Long thếp vàng liền bật dậy vượt chòm râu lổm đốm bạc, cả cười nói lớn:

– Khen cho bộ hạ và các khanh. Rượu thịt no say rồi thưởng thức võ nghệ thì còn gì bằng. Chu đáo quá. Chu đáo quá.

Quân thần vui vẻ kéo nhau ra đàn trì. Quang Khải đi sau vua, nhìn không thấy Quốc Tuấn đâu cả, mặt biến sắc lo lắng, cố nán lại chờ đợi. Chốc lát thấy Quốc Tuấn thùng thảng bước ra từ khu nhà ngang dành cho thuộc hạ trong cung, ngài vội hỏi:

– Huynh chuẩn bị đến đâu rồi? Ta lo quá.

Hưng Đạo ung dung trả lời:

– Yên trí. Đâu vào đấy hết.

Trên bậc thềm cao nhất đặt sẵn hai ghế lớn dành cho hai vua, các bậc thấp hơn đặt nhiều ghế nhỏ là chỗ ngồi của vương hầu và quần thần tùy theo vai vế lớn bé. Riêng có sáu chiếc ghế nhỏ hơn ghế của nhị hoàng nhưng xếp hai bên tả hữu ngang hàng với các vua, gồm năm ghế của các đại vương con Thượng hoàng và một chiếc đặc cách cho Hưng Đạo Vương. Đây là chủ ý của Thánh Tông Hoàng đế, từ đây thiên hạ bảo nhau: vương triều ta vua tôi một lòng, anh em hòa hợp gần gũi mà không quá xa cách, đó là cội rễ vững bền.

Khi mọi người an tọa, Quan gia ra dấu cho Tế tướng. Quang Khải đứng dậy vỗ tay ba cái làm hiệu rồi hô lớn:

– Nghiệp đế nhà Trần. Đại Việt tỏa sáng. Nước thịnh dân mạnh. Thượng hoàng muôn tuổi. Bắt đầu hội võ. Dâng lên hai rồng Đông A đế nghiệp. Đại Việt quang hưng. Quốc thịnh dân cường. Thượng hoàng vạn thọ. Khởi trình vũ hội. Phụng tấu lưỡng long.

Ngài nói dứt lời, bá quan văn võ cùng hướng về hai vua, chấp tay trước ngực mà đồng thanh hô vang “Thượng hoàng vạn vạn thọ. Thánh thượng vạn vạn tuổi”. Từ cánh cửa mé phải bước ra một tiểu tướng mặc võ phục màu trắng, đầu chít khăn lam, tay cầm cặp dùi đại, đôi chân bước chập chới như đang bay bổng giữa không trung, hai cánh tay uốn lượn nhịp

nhàng theo điệu “Bạch hạc hướng nhật” vừa múa vừa tiến về phía chiếc trống cái đỏ rực to ngang sải tay đặt ở góc sân, rồi vung dùi gõ ba hồi chín tiếng vang động trời chiều.

Tiếp đến là màn trình diễn của hai đội cờ, mỗi đội sáu người. Bước ra từ cửa trái là đội hoàng kỳ vận trang phục màu đen, trên tay mỗi người cầm một lá cờ vàng tượng trưng cho quân Thánh Dực. Bước ra từ cửa phải là đội hồng kỳ vận trang phục màu xám cầm cờ đỏ đại diện cho quân Thần Sách. Hai đội nhập một giữa sân, cùng hòa nhịp múa bài “Công lữ thượng kỳ” miêu tả khí thế đánh chiếm thành giặc, dụng cờ chiến thắng, đội ngũ biểu diễn rất nhuần nhuyễn đồng điệu, động tác uyển chuyển và biến hóa hoạt bát, tinh kỳ pháp phối trộn thật hào hùng và đẹp mắt.

Thượng hoàng vô cùng thích thú, gật gù nói:

– Hay quá. Bọn này là ai?

Thánh Tông mừng rỡ, bèn đáp:

– Bẩm, là gia tướng nhà hoàng đệ Chiêu Minh được giao quản các vệ đấy ạ.

Thái Tông quay sang Quang Khải, vốn ngồi cạnh ngài, khích lệ:

– Vương luyện binh được vậy là giỏi. Phải duy trì cho tốt để xứng danh quân triều đình.

Nghe phụ hoàng khen ngợi, Chiêu Minh kính cẩn đáp: “Dạ vâng” mà trong lòng vui sướng lắm. Bá quan hò reo sảng khoái và bàn luận nhiệt tình. Ích Tắc ngồi kế Quang Khải, mặt có vẻ kém tươi, nói to để vua cha nghe thấy:

– Bẩm phụ hoàng, tôi tớ nhà con đầy kẻ tài, dịp khác con mời người dự lãm.

Màn trình diễn của học sinh Giảng võ là trò “Đông A đả Thát”. Năm tiểu tướng mặc sắc phục quân Trần, áo tím quần nâu, đầu đội mũ đen, lưng thắt dải đỏ, dận ủng cao quá bắp chân, tay cầm đoản đao tiến vào từ cửa hữu; năm võ sĩ mặc binh phục Thát Đát, vận áo choàng vạt xéo ngang thân, đầu đội mũ lông, đi giày mũi hài da dê, vẽ mặt bôi râu, tay cầm trường giáo, từ cửa tả bước ra. Hai bên đối diện nhau giữa sân rồi kẻ vung đao người chĩa giáo, chém qua đâm lại tít mù, tuy cuối cùng giặc thua ta thắng nhưng xem ra có phần nhạt nhẽo. Cũng bởi vì đội ngũ kém cương kỷ, võ thuật chưa bài bản, lại còn thiếu khí thế hào sảng.

Thượng hoàng có vẻ không hứng thú, nhưng chẳng nỡ chê bai, lại nói câu an ủi:

– Xem cũng được, tuy còn non nớt lắm.

Rồi ngài hỏi chiếu lệ:

– Bọn nào đây?

Quan gia đưa mắt đùn đẩy Tể tướng trả lời. Chiêu Minh Vương đành ập ứng nói:

– Bẩm... bẩm phụ hoàng, bọn niên thiếu trong Giảng Võ đây ạ.

Thánh Tông quở trách:

– Thân mang tước hầu được nuôi ăn học mà bất tài quá.

Bấy giờ Thái Tông buột miệng than:

– Giang sơn xã tắc mai này giao phó cho chúng xem chừng không ổn.

Bất chợt từ hàng ghế ở phía dưới, có cậu bé trạc tuổi chín, mười khum bàn tay làm loa, hét tướng:

– Đánh dở quá.

Ông bố ngồi bên cạnh hoảng hồn, vội nạt đứa trẻ:

– Không được vô lễ.

Thánh Tông nhíu mày hỏi:

– Đứa nào thế?

Tĩnh Quốc Vương biết người, nên đáp:

– Bẩm, nó là Hoài Văn Hầu, con trai của An Bình Vương ạ.

Thượng hoàng phán một câu sâu xa:

– Không sao. Trẻ con không biết nói dối. Thằng bé này khác người đấy. Hình như tên nó là Quốc Toàn, năm xưa do ta đặt mà.

Thời cơ đến, Hưng Đạo Vương ngồi ghế cuối phía Quan gia, nói vọng sang:

– Bẩm tấu Thượng hoàng và bệ hạ, thần có mấy thủ túc tuy không qua Giảng Võ nhưng có chút tài mọn, nếu nhị hoàng cho phép thần sẽ gọi chúng vào hầu diễn?

Chiêu Minh góp thêm lời:

– Chúng là thứ dân không có danh phận gì nhưng võ nghệ khá lắm.

Quang Khải tuy chưa rõ Hưng Đạo đưa nhân vật nào ra múa võ nhưng cũng lên tiếng vun vào vì sợ phụ hoàng đang chán nản bởi đám võ sinh quý tộc mà không thiết xem nữa thì buổi lễ coi như thất bại.

– Cũng tốt. Vậy thử xem thần dân trong nước có hơn đám khanh hầu trong tộc.

Ý của Thượng hoàng khiến hai vị đại vương đầu triều thở phào nhẹ nhõm. Hưng Đạo đứng dậy, quay mặt về phía các vua chấp tay cung kính:

– Xin phép nhị hoàng cho thần được bắt đầu. – Rồi ông đồng dục hô lớn:

– Gióng trống làm hiệu. Màn thứ nhất “Quá hải đoạn kình”.

Một lão ông trắng kiện đến bên chiếc trống lớn gõ một hồi dài. Tiếng trống vừa dứt, một người thanh niên vạm vỡ bước ra sân, mình trần đóng khố, nước da màu đồng đỏ, cơ bắp nổi cuộn cuộn, lưng xăm hình giao long, trên tay cầm hai chiếc mái chèo đen bóng, vừa đi vừa khua chèo như đang đưa thuyền rẽ sóng nước, miệng hò sang sảng:

*Khoan dô hò đường
Đưa thuyền cười sóng
Biển trời tinh sương
Ta lùng cá dữ
Ta săn thường luồng
Diệt loài thủy quái
Biển trời bình yên
Dô khoan hò đường.*

Người ấy là Yết Kiêu, nô bộc trung tín của Hưng Đạo Vương. Đến giữa sân, chàng trai dụng cặp mái chèo chụm vào nhau rồi quay mặt về khán đài với hai vua và các quan. Trống lại nổi lên rộn rã. Nhanh như chim cắt vồ mồi, Yết Kiêu dùng song cước nhập hai mái chèo làm một, hất tung lên lại tách ra làm đôi rồi vươn tay bắt gọn và sử dụng như một cặp vũ khí lợi hại, rất tinh túy, rất điệu nghệ. Đang quay tít trên đầu chợt bổ xuống dữ dội, đang càn lướt dưới chân lại vút lên quyết liệt, người và cặp chèo tiến thoái khôn lường, xoay chuyển như gió lốc, biến hóa như sóng cả, đôi lần tạo ra ảo ảnh quay cuồng trong mắt người xem. Mọi động tác đều góp phần lột tả cuộc chiến sống mái trên biển lớn giữa người ngư dân với loài cá dữ và được điều tiết theo nhịp trống lúc dồn dập thôi thúc, lúc mạnh mẽ hùng hồn.

Cả khán đài im phăng phắc, từ vua chí quan đều say mê theo dõi. Khi màn diễn kết thúc thì khắp phía trời dậy tiếng hò reo tán thưởng. Nhìn sắc mặt hai vua, biết họ ưng ý lắm, Hưng Đạo yên lòng. Chờ sự nồng nhiệt lắng xuống, ngài lại đứng dậy hô to:

– Gióng chiêng báo hiệu. Màn thứ hai “Đăng sơn phục tượng”.

Từ cửa phải xuất hiện năm dũng sĩ sơn cước vận sắc phục chàm, tay cầm chiêng lớn, vốn người các trại ở châu Ái. Tiếng chiêng đồng thanh rộn rã, một tráng sĩ cao lớn hùng dũng bước ra, mặc bộ trang phục Thổ dệt hoa văn, lưng thắt dải đen, chân đi giày cỏ, tay cầm giáo nhọn, vai vác cuộn thừng to bằng ngón chân cái, miệng hát vang vang:

Ta vượt núi, ta băng rừng

Bắt voi về thuần phục

Sung vào đối tượng binh

Đợi quân thù kéo đến

Đánh cho chúng thất kinh.

Người này là Dã Tượng, thủ túc thân tín của Hưng Đạo Vương. Sau màn nghi lễ vái chào, đội chiêng xếp hình vòng cung, vừa đánh chiêng vừa nhảy nhót tạo thế trợ lực cho nhân vật chính động thủ. Dã Tượng một tay múa giáo, một tay vung thừng, tiến thoái vô cùng hợp lý, công tả tấn hữu rất quyết liệt mà bài bản. Giáo là vật cứng khi đâm lướt uy lực mạnh mẽ, khi gạt đỡ uyển chuyển kín kẽ. Thừng là vật mềm lúc tung ra thẳng đuột như tên bắn, lúc co lại uốn khúc như măng xà thủ thế, có lúc lại biến hóa thành chiếc thông lọng lợi hại. Mọi động tác võ thuật của Dã Tượng đều thể hiện tài nghệ quy phục voi rừng của hảo hán sơn cước.

Màn trình diễn hòa trong tiếng chiêng hào hùng khiến mọi người hưng

phần tốt độ, hoàng gia nhiệt liệt ngợi ca, bá quan nô nức cổ vũ. Trong vô số giọng nói cười, ai nấy còn nghe rõ mồn một tiếng hét khản đặc của cậu bé Hoài Văn Hầu “Võ công cái thế. Kỳ tài thiên hạ”. Lúc khí thế dịu bớt, Hưng Đạo lại hô vang:

– Mỗ ngân làm hiệu. Màn thứ ba “Xạ lạc ác điều”.

Một chú mục đồng lững thững bước ra, quần nâu áo vá, đầu để chỏm ba trái đào, tay cầm mõ tre vừa đi vừa gõ cốc cốc như đánh hiệu gọi trâu lạc. Màn này mở đầu bằng bối cảnh êm ả thanh bình, làm người xem khó đoán diễn biến. Giữa lúc quan khách đang phân vân thì từ cửa túa ra năm kẻ khoác áo tơ bằng lá cọ thay bộ lông vũ, mặt đeo đuôi mo cau cuộn tròn sơn son giống hình chiếc mỏ, đầu đội mũ cao trên đỉnh chóp gắn lông đuôi chim ó nhuộm xanh, nhảy múa la hét quay cuồng loạn xạ mà không theo quy củ nào. Trang phục và hành vi của chúng rõ ràng tượng trưng cho lũ chim bay đến phá hoại mùa màng. Bất chợt tiếng mõ nổi lên dồn dập như giục giã khẩn thiết. Cứu tinh xuất hiện, một chàng trai có khuôn mặt sáng sủa, áo vải quần thô, vóc dáng nhỏ nhắn, điệu bộ tinh anh, tay cầm cung, lưng đeo bao tên, miệng ca vang lạnh lạnh:

*Bớ này ác là
Phá ruộng phá ruộng
Ta đã về đây
Giữ đồng lúa chín
Ta sẵn chúng mày
Liệu đường mà bay.*

Người này tên Nguyễn Địa Lô, gia nhân thân cận của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Ca vừa dứt câu, Địa Lô dùng một tay quay chiếc

cung như chong chóng, một tay rút mũi tên sau lưng, rồi thoát cái dĩa giường cung bắn tên lao vút đi trong tiếng kêu kinh hãi của đám quần thần lẫn văn ít võ. Mũi tên xạ kích rúng mũ lông trên đầu một người đội lốt chim đang nhảy nhót không ngừng. Cứ thế năm mũi tên bắn ra từ nhiều tư thế khác nhau làm rung cả năm chiếc mũ mà không hề phạm vào chỗ nào khác trên cơ thể người. Khiến mọi người kinh sợ nhất là chiêu ngoảnh lưng về phía đối tượng, rồi bất thần quay lại và buông dây cung tức thì.

Khán đài rung chuyển tiếng hò reo sau màn trở tài căng thẳng, hồi hộp. Thái Thượng Hoàng xuýt xoa: “Rùng mình thật nhưng tuyệt kỹ, đầy bản lĩnh”. Hoàng thượng căn dặn: “Mua vui không nên diễn trò này. Tài nghệ như thế nên dùng vào việc đánh giặc”. Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật hỏi nhỏ Hưng Đạo Vương: “Huynh có thể cho mượn người này một tháng về luyện cung cho thuộc hạ nhà tôi?”. Hưng Đạo trả lời: “Được thôi. Nhưng ngài phải giúp ta một việc”. Rồi ông thì thầm điều gì đó vào tai Nhật Duật.

Trời đã nhá nhem, chốc lát thôi, khoảng không sẽ chìm vào bóng tối, Tiên lương trước thời khắc biểu diễn, Hưng Đạo Vương đứng dậy hô to:

– Nổi lửa làm hiệu, màn cuối cùng “Đại phá quân doanh”.

Từ cửa bước ra là hai mươi tám gã vận trang phục Bắc phương, giữa ngực đeo miếng vải đề chữ đại quốc 大國, mỗi người cầm hai bó đuốc cháy rực, soi sáng trưng cả chiếc sân lớn. Trong ánh đuốc bập bùng, đội ngũ “nước lớn” tách từ chữ nhất 一 dài thông thành chữ tam 三 tinh gọn rồi hợp lại thành chữ công 攻 sắc sảo.

Trên khán đài, hoàng thượng quay sang hỏi Hưng Đạo:

– Ý nghĩa của việc xếp chữ này thế nào?

Hưng Đạo đáp:

– Bầm bệ hạ, một đạo quân phương Bắc chia làm ba hướng kéo sang đánh phá nước ta.

Thái Tông nghe thấy bèn hỏi:

– Vương nghĩ vậy à?

Hưng Đạo trả lời:

– Bầm Thượng hoàng, thần suy đoán thôi.

Ở dưới sân, đám “đại quốc” lại chuyển hóa thành chữ **vi**  vuông vức, kín kẽ. Bất thần một võ quan xuất hiện trước cửa, tướng mạo oai phong lẫm liệt, đầu đội mũ sắt ngù lông, ngực bịt giáp đồng ở giữa có miếng vải trắng thêu chữ “Đông A” màu đỏ, một tay cầm trường thương, một tay ra vẻ giữ dây cương, người nhún nhảy như đang phi ngựa. Người ấy là Phạm Ngũ Lão, môn khách “hữu duyên hội ngộ” của Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Đến trước “trại giặc” hình chữ “vi”, Ngũ Lão kìm “cương ngựa” rồi cất tiếng hát hào sảng:

*Này lũ Bắc phương
Quen thói bạo cường
Nước non Đại Việt
Chớ có xem thường.
Ta đoàn hùng binh
Vâng lệnh triều đình
Sa trường đối địch
Quyết trận tử sinh.*

“Cửa trại” mở ra, ba tên giặc múa đuốc xông tới, chiến tướng Đông A khua trường thương nghênh chiến, chỉ bằng một đường rẽ quạt đã gạt tắt cả sáu ngọn đuốc của đối phương. Chữ “vi” bị thu nhỏ lại khi thêm năm tên

“nước lớn” hùng hù hỏ hỏ xông ra, vừa múa đuốc vây quanh tướng nhà Trần vừa gào thét điên cuồng “Giết giết Đông A”. Ngũ Lão hiên ngang chống trả, chỉ bằng một tay điều khiển chiếc thương lượn vòng tròn dập tắt ngóm toàn bộ đuốc giặc. Bất chợt tiếng trống vang lên hào hùng. Chớp thời cơ, dũng tướng lao thẳng vào trại giặc, tả xung hữu đột, thương công hạ thủ, thế tấn oai phong như hổ vồ, đường thương uyển chuyển như rồng lượn, tàn lửa bay tung tóe như hoa tuyết, cảnh tượng thật hoành tráng và hấp dẫn. Chưa dứt một hồi trống, với chiếc thương lợi hại kết hợp võ nghệ kỳ tài Ngũ Lão đã lần lượt dập tắt hết thảy đuốc lửa còn lại của chúng.

Ở trên khán đài, quân thần được dự lãm khung cảnh vô cùng dữ dội và oanh liệt của hào khí Đông A đã đưa đầy niềm xúc cảm của họ trôi bồng bềnh vào cõi tĩnh lặng của trí tưởng tượng mà chẳng hề để ý bóng đêm đã bao phủ tràn ngập. Cho đến khi Tế tướng Chiêu Minh Vương đồng dặc hô to: “Thắp sáng cung Trùng Quang. Mừng Đại Việt trường tồn. Mừng Đông A thịnh vượng”, tức khắc từ hậu cung xuất hiện đoàn thị nữ xiêm áo lả lướt, tay cầm đèn lồng tỏa ra hai phía soi tỏ rực rỡ hành cung, bấy giờ mọi người như bừng tỉnh, cùng hân hoan reo vui.

Tối đấy, khi bá quan đã lui về nghỉ, theo lệnh vua, các đại vương thân cận nhất được vời lại nghị đàm. Thái Thượng hoàng kêu mệt, không dự. Thực chất ngài né tránh để đương kim hoàng thượng toàn quyền định đoạt việc nước. Tuy nhường ngôi cho con nhưng trước nay Thượng hoàng vẫn điều hành chính sự, bây giờ nhà vua ở ngôi cũng đủ lâu, tinh thần đã vững vàng, trí lực đã thông tuệ, ngài cho rằng đã đến lúc hoàng thượng phải tự quyết mọi việc.

Quân thần không phân biệt ngôi thứ, cùng ngồi quanh một chiếc bàn dài, chỉ có trà bánh chiếu lệ. Ban đầu các vương e ngại không dám ngồi ngang với vua. Hoàng thượng bèn lên tiếng vỗ về bằng lời lẽ chân thành:

– Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, người nối nghiệp tổ tông phải cùng hưởng phú quý với anh em trong họ. Tuy bên ngoài có một người ở ngôi tôn, được cả thiên hạ phụng sự, nhưng bên trong thì ta với các khanh là đồng bào ruột thịt. Lo thì cùng lo, vui thì cùng vui. Các khanh nên truyền những lời này cho con cháu để chúng đừng bao giờ quên, thì đó là phúc muôn năm của tông miếu xã tắc.

Bấy giờ mọi người mới dám ngồi.

Đương kim hoàng thượng ở tuổi tam tuần, vóc dáng tầm thước, tướng mạo khôi ngô, tính cách cương nghị nhưng rất chan hòa với huynh đệ. Vua sai người rót trà mời các vương, rồi nói:

– Đây là trà Liên Hoa, một giống trà quý chỉ trồng ở vùng núi Thanh Sơn do quan huyện Đồng Hỷ dâng ngự. Huynh đệ thưởng thức để biết hương vị. Trẫm cũng cho gói sẵn mỗi gói vài cân để mọi người mang về dùng.

Các vương đồng thanh đáp:

– Đa tạ long ân.

Vua giơ tay ra dấu im lặng, ngài trầm ngâm giây lát rồi cất lời tâm huyết:

– Thế nước ngày một chông chênh trước áp lực dữ dội của Nguyên triều, khiến trẫm đêm ngày lo nghĩ. Nghĩ càng thêm tức, nhớ năm mới đăng quang, Hốt Tất Liệt gửi chiếu sang phong trẫm làm Nam Quốc vương và tặng cho ba tấm gương tây, sáu tấm gương kim thực. Vậy mà tháng trước chúng sai người đem thư sang hạch sách lễ khánh hạ, đòi hai trăm tấm tơ An Thái,

một trăm tấm lụa Vĩnh Bảo, mười đôi chim trĩ, sáu cặp ngựa voi, sáu chiếc sừng tê, lại còn nhăm nhe mượn đường đánh Chiêm Thành. Chúng vẫn buộc ta phải thực hiện sáu điều khoản nhục nhã mà bất cứ bậc quân vương còn chút liêm sỉ đều không thể chấp nhận. Lòng tham của chúng ghê gớm hơn Hán, Tùy, thủ đoạn của chúng thâm hiểm hơn Đường, Tống. Vậy các khanh có kế sách gì khả dĩ đối phó?

Quang Khải đồng dục lên tiếng:

– Tâu bệ hạ, theo thần không nên đáp ứng đòi hỏi của Nguyên triều, ta cứ vin cố nước đang hạn hán mất mùa, dân chúng đói kém, kho tàng trống rỗng, muông thú trên rừng cũng chết khát hết, nên chỉ có vài chục tấm lụa làm cống phẩm. Đồng thời tăng cường tích trữ lương thảo, tuyển quân, rèn binh, chủ động đề phòng chúng đánh bất ngờ.

Ích Tắc đề xuất hướng cầu an, chấp nhận nhường nhịn bằng mọi giá:

– Ta là nước nhỏ yếu, họ là Đại Nguyên lớn mạnh, đến ngay như Nam Tống còn hơn ta gấp bội mà chống không nổi bị họ tuyệt diệt rồi đó. Vậy nên chẳng ta cứ hòa dịu đáp ứng yêu sách của họ để đổi lấy yên bình?

Hưng Đạo hùng hồn đáp trả thái độ nhu nhược của Ích Tắc:

– Chiêu Quốc nói vậy mà nghe được sao? Nam Tống bị diệt vong chẳng qua vua hèn, tướng mặt, một quốc gia có muôn triệu người mà tôi trung đếm không quá mười ngón tay. Đại Việt ta vua tôi đồng lòng, quân dân vững chí, quân không nhiều nhưng tinh, dân không đông nhưng dũng, mấy năm được mùa nên thóc gạo đầy kho, ân mưa móc thấm nhuần khắp cõi khiến trăm họ vui đời thịnh trị, vậy thì hà cớ gì phải run sợ giặc Thát? Đáp ứng đầy đủ cống phẩm lần này thì lần sau chúng sẽ đòi hỏi nhiều hơn, bấy giờ biết lấy gì mà cống nạp? Còn việc cho mượn đường thì chẳng khác nào dâng nước cho giặc để chúng chiếm làm châu quận mà không thiệt một

tên tốt. Đích ngắm của chúng chưa hẳn là Chiêm Thành xa xôi mà dứt khoát là Đại Việt ta đó, chớ cả tin vào lũ hùm beo kéo hổ thẹn với tổ tông xã tắc.

Quốc Khang đề đạt yêu cầu:

– Lời của Quốc Tuấn chí phải. Không thể cho mượn đường. Tâu bệ hạ, thần phụng mệnh trấn giữ Diên Châu, nếu ta không cho mượn đường, giặc Nguyên ắt dùng đường thủy đánh Chiêm rồi uy hiếp Bố Chính, bấy giờ phương nam sẽ lâm nguy, vậy xin chuẩn tấu cho thần được tuyển thêm năm ngàn binh để tăng cường phòng bị.

Thánh Tông nói:

– Ta chuẩn tấu cho huynh. Nhưng chớ dùng ngân khố vào việc riêng đấy.

Biết hoàng thượng nhắc khéo về việc dựng phủ đệ nguy nga ở Diên Châu, Quốc Khang cười xuề xòa và chữa thẹn bằng lối nói đùa của anh em trong nhà:

– Đệ làm vua mà so đo với huynh quá. Chung quy huynh cũng biết sửa lỗi đấy chứ, nên dân gian cũng có thêm chỗ để thắp hương cúng Phật, thế là tốt rồi.

Sợ quân thần sa đà vào chuyện bông lơn, Hưng Đạo vội lên tiếng:

– Khởi bầm bệ hạ, việc phòng bị quốc gia phải lo nhiều hướng, hướng nam đã có Quốc Khang trù liệu, còn hướng tây bắc đã có Chiêu Văn trấn giữ, nhưng cũng cần chiêu dụ các trại chủ miền núi để tạo thế ỷ giốc sau này. Theo thần nên cấp thêm kinh phí cho Nhật Duật để đệ ấy giao hảo thuận lợi với các thủ lĩnh địa phương.

Thánh Tông đáp ứng:

– Ta chuẩn thuận.

Rồi ngài hỏi tiếp:

– Nhưng còn hướng đông bắc thì sao, ai đứng ra gánh vác?

Mọi người đều im lặng vì nghe vua hỏi vậy nhưng lại thấy ngài nhìn Quốc Tuấn. Vương né Quan gia mà hướng mắt về phía Quang Khải. Vua ngầm hiểu ý, bèn phán:

– Thôi được rồi, vùng đông bắc là địa bàn trọng yếu, ta giao cho Chiêu Minh và Hưng Đạo hợp lực tổ chức phòng địch. Ngoài ra ta phong cho Chiêu Minh làm Tướng quốc Thái úy điều hành mọi việc trong nước, còn Hưng Đạo tấn phong chức Quốc Công Tiết chế thống lĩnh quân đội cả nước. Khi về Thăng Long sẽ thiết triều ban chiếu.

Ích Tắc thấy vua không đả động đến mình, có vẻ không hài lòng, song chẳng dám nói gì thêm. Khi thấy Hưng Đạo nháy mắt, Nhật Duật vội lên tiếng:

– Thần muốn thỉnh cầu một việc, chỉ sợ bệ hạ phạt ý nên chần chừ không dám nói.

– Đệ muốn yêu cầu gì thì cứ nói, anh em một nhà cả, nếu không phải ta cũng bỏ qua cho.

Được nhà vua khích lệ, Chiêu Văn bày tỏ:

– Thần trộm nghĩ, nước có cường thịnh trước phải ở lòng dân chung sức, quân có tinh nhuệ trước phải cậy tướng tài. Nay tướng cầm quân ngoảnh đi ngoảnh lại chỉ có mấy vị vương hầu, còn đầu lĩnh các vệ, các lữ không nhiều người giỏi, một vài người tinh thông võ nghệ nhưng mù mờ binh pháp. Trông cậy vào đám võ sinh trong họ để bù vào chỗ thiếu hụt thì khó mà chu toàn đại nghiệp. Thần thỉnh cầu bệ hạ cho phép mở cửa Giảng

Võ đế tướng sĩ ngoại tộc đến học hỏi binh thư, ngoài ra cho tuyển dụng người tài trí trong thiên hạ đến rèn luyện. Nếu được vậy lòng dân càng phấn khởi, quân đội càng vững mạnh.

Thánh Tông trả lời:

– Ta cũng thấy khả năng của bọn võ sinh rồi. Song nhận người khác họ vào Giảng Võ sẽ trái với thông lệ do Thượng hoàng đề ra, điều này khó nghĩ đây. Vậy ý của Quang Khải thế nào?

Nghe vua hỏi, Chiêu Minh thoáng nghĩ:

– Chắc do Hưng Đạo bày vẽ thì Chiêu Văn mới lập luận được như vậy. Nhưng dù sao huynh ấy cũng vì vận mệnh nước nhà, chẳng lẽ ta lại hẹp hòi ngăn cản khi đã chứng kiến tận mắt màn diễn võ của đám trẻ nội tộc.

Ngài mạnh dạn bộc bạch:

– Thần nghĩ luật lệ là do con người đặt ra, cứ giữ khuôn sáo mà không thay đổi sẽ khó theo kịp thời thế. Hai chục năm trước Thượng hoàng lập Giảng võ đường thì áp lực của Nguyên Mông không lớn như bây giờ. Nay ta cần nhiều tướng giỏi về võ nghệ lẫn binh thư mới có khả năng đối phó với địch. Nếu xã tắc cầu tài, bệ hạ cho thứ dân vào học Giảng võ thì chắc Thượng hoàng cũng không nổi trách.

Nhà vua truyền bảo:

– Việc này cũng có thể được, ta sẽ lựa lời thuyết phục Thượng hoàng. Chiều nay có viên tiểu tướng múa thương phá giặc lửa rất tài nghệ. Nghe nói là môn khách nhà Hưng Đạo, nếu vương không phiền lòng thì ta cử hẳn làm Phó quản vệ Thánh Dực. Đêm đã khuya, các khanh về nghỉ.

– Thần phụng chỉ.

Hưng Đạo đáp rồi cùng các vương bá tạ hoàng thượng.

Sáng hôm sau, khi Trần Quốc Tuấn cùng đoàn tùy tùng chuẩn bị khởi hành trở về Vạn Kiếp thì có người chạy đến mời ngài qua chùa Phổ Minh gặp Thái thượng hoàng. Hưng Đạo vội vã sang chùa, mới vào đến sân đã nghe giọng tụng kệ của Thái Tông hòa trong tiếng mõ cốc cốc.

Sắc đêm vừa hừng sáng.

Ban mai rạng tinh không.

Tóc xanh giờ điểm trắng

Còn đâu vẻ tươi hồng

Sao tuổi xuân đà ngắn?

Bởi nghiệp quả tranh hùng. Dạ sắc sơ phấn hiệu

Thần quang tiếm xuất không.

Ám thôi tân phát bạch

Tiếm cải cự nhan hồng.

Bất giác niên hoa xúc

Do tranh nghiệp quả hùng.

Hưng Đạo đứng lặng người, không dám bước vào chính điện. Có cảm giác Thượng hoàng mượn lời kệ nhắc nhở mình, lòng xúc động mãnh liệt khiến con tim của Vương nghẹn ngào khôn tả. Nhiều năm trước, khi ngài còn ở ngôi, Vương đã bộc bạch tâm tư cả rồi, sao bây giờ Người lại dùng ẩn ý răn đe chuyện tranh giành hơn thua? Quốc Tuấn này từng thề nguyện một đời rũ sạch oán cừu để trọn đạo quân thần và tận trung báo quốc, mà nay Người vẫn chưa tin ư? Giang sơn của muôn dân, đại nghiệp của họ Trần,

Quốc Tuấn cũng người họ Trần, thà một lần đắc tội với vong linh cha chứ nhất quyết không tranh hùng mà gây chuyện nổi da xáo thịt để trăm họ oán thán, để sử xanh nguyên rửa.

– Sao đứng dưới nắng khiến mồ hôi ướt đầm thế kia. Vào đây cho mát.

Lời của Thái Tông làm Hưng Đạo tỉnh trí, vội cúi đầu vái rồi rào gót theo ngài vào trai phòng.

Thái Tông vận đồ tu hành màu nâu đất, chân đi giày vải, tay phe phẩy quạt nan, đưa Hưng Đạo sang căn phòng nhỏ có chiếc giường đơn kê sát góc, một bàn trà và hai cái ghế bài trí giữa nhà, một kệ gỗ áp tường chứa đầy kinh sách và bộ nghiên bút đơn sơ đặt trên cái án thư mộc mạc. Thấy Hưng Đạo đưa mắt nhìn quanh, Thái Tông giải thích:

– Đây là nơi ta ở mỗi lần vào chùa tụng kinh niệm Phật, chẳng nên cầu kỳ làm gì, sống thanh tao để lòng nhẹ nhõm.

Rồi ngài sai tiểu đồng lấy khăn mát cho Hưng Đạo lau mặt và tự rót trà mời. Vương hốt hoảng xua tay:

– Bẩm Thượng hoàng, thần không dám. Xin để bầy tôi rót nước dâng Người.

Thái Tông cười mà rằng:

– Đây là chỗ thiền môn, không cần câu nệ lễ nghĩa vua tôi. Ta cứ xưng hô chú cháu cho gần gũi.

Hưng Đạo không thể nói gì thêm, đành phục tùng đáp lại:

– Thừa chú, vâng ạ.

Màn dạo đầu thân mật của Thượng hoàng khiến Vương yên lòng. Thái Tông bắt đầu vào chuyện:

– Ban này chú mới nghe hoàng thượng thông báo việc giao cho cháu trọng trách Tiết chế. Như vậy cháu nắm quyền thống lĩnh toàn quân đấy. Hoàng thượng biết dùng người là cái phúc của xã tắc. Cháu xứng đáng nhận chức, nhưng chú cũng muốn biết cảm nghĩ của cháu về việc này?

Bây giờ Hưng Đạo mới vỡ lẽ, thì ra Thượng hoàng thăm dò thái độ của Vương cũng vì cái chức Tiết chế mới được quan gia chỉ dụ bằng miệng. Hẳn ngài chưa thật yên lòng về chuyện cũ. Có lẽ nỗi ám ảnh từ cuộc nổi loạn ở sông Cái năm Đinh Dậu (1237) khiến ngài phải lánh lên Yên Tử đã có lý do để trỗi dậy, khi con trai của người anh tạo phản năm xưa được trao quyền thống lĩnh quân đội. Lòng quặn đau bởi sự dao động niềm tin của Thượng hoàng đối với mình, Hưng Đạo thốt ra những lời chân thành nhất:

– Thừa chú, được chú và hoàng thượng tin tưởng giao trọng trách, đây là niềm hân diện lớn lao của cháu. Thiết nghĩ, cháu chỉ có thể tận tụy với công việc thì mới mong báo đáp được phần nào hoàng ân. Vậy chú cứ yên lòng, cháu sẽ nỗ lực vì đại cuộc mà phò vua giúp nước cho đến ngày lìa bỏ cõi đời.

– Rất tin tưởng, tin tưởng tuyệt đối. Chức Tiết chế là điều tiết việc binh, chế ngự và cai quản quân đội, sao cho hùng mạnh mà kỷ cương, tinh nhuệ mà khuôn khổ, tướng phải thông, binh phải nhon, thì mới khả dĩ đánh đâu thắng đó. Phàm làm tướng mà không tiết chế được ham muốn phi nghĩa, không kìm nén được danh vọng phi luân, bất trung với vua, bất chính với nước, bất nhân với binh sĩ thì sớm muộn cũng bị báo ứng. Như thân ta, cả tuổi thanh xuân mãi mê tranh bá đồ vương, nay sức cùng lực kiệt mới biết xa lánh hư danh mà tìm về cửa Phật, giờ ngồi ngẫm lại mới thấy có nhiều việc không nên làm, có nhiều điều không nên thái quá. Mong cháu ghi nhớ tâm huyết này như một lời khuyên chân tình của người chú ruột thịt

không còn ham hố phù du trần thế.

– Thừa hoàng thúc, cháu xin ghi lòng tạc dạ. – Hưng Đạo cảm động trước lời chỉ bảo của Thái Tông.

– Chú còn nghe nói Nhật Duật xin mở cửa Giảng Võ cho thứ dân vào học, ý cháu thế nào?

– Dạ thưa, được vậy thì tốt lắm. Nay ta thiếu người tài giỏi điều hành việc quân, cần phải tổ chức gấp, nếu để trễ thì khi có họa xâm lăng sẽ trở tay không kịp.

– Cứ vậy đi, nhưng cần có thầy giỏi thì trò mới nên người. Ngoài ra phải chú trọng việc dạy binh pháp, kéo dài tạo ra một đám hữu dũng vô mưu thì khốn.

– Cháu có soạn một cuốn binh thư phù hợp với điều kiện nước ta. Tiện mang theo đây nên dâng chú xem trước, nếu Người thấy được thì xin cho giảng ở võ đường.

Nói rồi, Hưng Đạo lấy trong ngực ra một cuốn sách dày hơn đốt tay, kính cẩn trao cho ông chú.

Chương 4

Giảng Võ đường, tiểu sinh trợ nghĩa bạn đồng môn

Mai Lâm thôn, nam tử nặng tình nữ đệ tộc

Phạm Thái vốn người huyện Thiên Thi, lộ Khoái Châu, chàng trai trẻ nhất trong nhóm thám báo có dáng vóc mảnh dẻ thư sinh nhưng cơ bắp rắn chắc như gỗ đá, với tính tình hòa nhã vui vẻ và một trái tim lạc quan yêu đời. Theo gia phả, Thái là dòng dõi chín đời của đại tướng quân Phạm Hạp thời nhà Đinh, người đã giữ trọn tấm lòng sắt son với đế nghiệp của Đinh Tiên Hoàng nên bị giết khi triều đại đổi thay. Con cháu ông từ đấy rời xa triều chính, không màng thế sự để sống đời nông phu chân lấm tay bùn từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Tuy vậy, trải hàng trăm năm trong huyết quản Pham gia vẫn lưu truyền chí khí anh hào của tổ tiên, vẫn âm thầm gìn giữ bí quyết võ thuật truyền thống. Đây là điều thiên hạ đồn đại, ai không tin thì người ta sẽ kể câu chuyện Phạm Ngũ Lão đầu quân Hưng Đạo Vương làm minh chứng.

Một lần Ngũ Lão ngồi đan sọt, vì mãi nghĩ binh thư mà không hay biết Đại Vương và đoàn tùy tùng đi qua nên bị quân lính dẹp đường lấy giáo đâm rách đùi. Kẻ bị đâm chảy máu đầm đìa nhưng vẫn bình thản chẳng hề biến sắc mặt, người ấy không tinh thông võ nghệ thì cũng cao thủ khí công, không anh hùng thì cũng hảo hán.

Biết người này là bậc khí phách, Hưng Đạo Vương mời về làm môn khách trong nhà. Chừng đâu được ít tháng, một hôm Ngũ Lão nói với gia chủ:

– Từ ngày đến tựa cửa nhà ngài, tiểu nhân thấy mình vô dụng quá, sớm tối rượu thịt no say rồi lại cùng mấy gã nhàn hạ ngồi đàm luận chuyện trời trăng mây nước, mà chẳng giúp được gì cho Đại Vương. Tiểu nhân không thiết làm môn khách nữa, hay là ngài cho kẻ hèn mọn này theo làm bầy tôi, trông nom dăm tên gia binh cũng được?

Hưng Đạo cười đáp:

– Tân khách mới đến nhà được mấy tháng, có người ở đây hơn ba năm rồi cơ. Bây giờ trông nhàn nhã thế nhưng khi hữu sự thì họ đều là kẻ tài trí cả đấy. Riêng Ngũ Lão không xứng làm tôi tớ ở đây mà phải có vị thế cao hơn chứ.

Vì mến mộ tài đức của Phạm Ngũ Lão nên Hưng Đạo Vương chủ ý để ông trình diễn võ thuật mừng thọ Thượng hoàng coi như một cách tiến cử nhân tài với triều đình, còn thuận lòng trao lá ngọc cành vàng trong nhà về nâng khăn sửa túi cho đấng mày râu có tương lai sự nghiệp hiển hách.

Thái là cháu ruột gọi Phạm Ngũ Lão bằng chú. Cha mẹ sớm qua đời, cậu sống cùng ông bà và các chú trong một mái nhà đầy ắp tình thương yêu. Sau ngày thúc phụ được Hưng Đạo cất nhắc, trở thành môn khách trong hương ấp Vạn Kiếp và được ngài dàn xếp gả con gái cho, dòng họ Phạm lại nở mày nở mặt, càng thôi thúc đám con cháu luyện tập võ nghệ, hy vọng khôi phục nghiệp đao kiếm.

Song vốn có dòng máu nghĩa khí, con cháu họ Phạm nhất quyết không cầu cạnh tiến thân mà cố gắng dùng năng lực của mình để vươn tới công danh sự nghiệp. Phạm Thái cũng vậy, khi ông chú đã làm đến chức Phó quân quân Thánh Dực thì cậu ta cũng chẳng cần nhờ vả mà lẳng lặng lên kinh thi tuyển vào Giảng võ đường.

Từ ngày Giảng Võ thu nhận con em bách tính vào học, cứ hai năm

một lần tổ chức thi thố sức lực và quyền cước để lấy vài chục người xuất sắc nhất. Trải ba vòng tỉ thí, với tố chất võ nghệ cơ bản kết hợp sự dẻo dai của nhà nông, Phạm Thái dễ dàng vượt qua và vươn lên nhóm đầu trong số hai mươi bảy người trúng tuyển năm ấy. Tuy ăn học ở kinh thành nhưng Thái không mấy khi qua quân doanh thăm chú. Cậu ngại điều tiếng có chỗ dựa là ông chú làm tướng triều đình.

Khi quý tộc và thứ dân học chung một trường thì khó tránh khỏi việc chia bè kết nhóm theo giai tầng. Ở Giảng võ đường cũng thế, đám võ sinh con cháu vương hầu coi rẻ đồng môn khác họ, thường kéo đảng ức hiếp những người không cùng dòng máu. Một số kẻ biết thân phận chẳng thể đối đầu với đám con quan nên cố nín nhịn. Một số đứa có khí phách, không chấp nhận bị làm nhục cũng lập hội để bảo vệ lẫn nhau. Thế là xảy ra xung đột, dẫn tới những trận ẩu đả toí bời, có lúc còn hẹn nhau ra bãi sông Hồng để đâm đá cho thỏa thích. Một điều lạ là tuy giải quyết mâu thuẫn và sĩ diện cá nhân bằng vũ lực, song giữa chúng có thỏa thuận ngầm là chỉ đánh nhau bằng tay không, nhất quyết không dùng vũ khí. Chúng cho rằng như thế mới quân tử, đồng thời tránh họa sát thương dẫn đến việc triều đình bắt tội.

Tất nhiên Phạm Thái thuộc phe bình dân và luôn góp mặt trong các trận thư hùng niên thiếu. Bấy giờ đã sang năm học thứ hai, ở cái “tuổi mười bảy bẻ gãy sừng trâu”, với sức vóc rắn rỏi, võ nghệ nổi trội và tính cách trượng nghĩa, Thái được anh em nể phục, suy tôn làm thủ lĩnh.

Chuyện xảy ra bắt đầu từ việc tranh giành tình cảm nam nữ giữa những cậu trai ngấp nghé trưởng thành. Trong nhóm của Thái có anh bạn tên Trọng Phúc vốn người đào hoa nên chiếm được cảm tình của Thị Huệ, cô gái vào độ trăng tròn người làng Quảng Bá ven Tây Hồ, thường giúp mẹ bán hàng ở quán nước gần Giảng Võ. Một đóa hoa xinh tươi nhưng lại có

hai người muốn chiếm thì khó tránh khỏi mâu thuẫn.

Kẻ thứ hai là võ sinh Lương Nhân Hầu Trần Hữu Tiệp, con Viên ngoại lang Bảo Trung Vương vốn thuộc tôn thất nhà Trần. Tướng mạo thô thiển, tính khí cục cằn, nhưng ỷ thế con quan nên Lương Nhân Hầu chẳng coi ai ra gì, động một tí là giở đấm giở đá đe nẹt người khác. Người như thế trách sao không chinh phục được con nhà hiền lương như Thị Huệ, cho dù hẳn dùng đủ chiêu trò tán tỉnh. Thấy Trọng Phúc thường lui tới quán nước lại được thực nữ tiếp đãi ân cần khiến Hữu Tiệp không khỏi đem lòng thù hận.

Một lần chàng trai thứ dân từ trong quán bước ra liền bị bọn thiếu niên quý tộc do Tiệp cầm đầu sinh sự đòi đánh. Biết một mình không thể địch nổi năm đứa nên Phúc đành bỏ chạy. Thế là đám võ sinh hoàng tộc được thể bóp méo sự thật, rêu rao khắp trường “Mấy thằng khố rách hèn nhất, thấy biến là tháo chạy thoát thân. Ngừ này chỉ giỏi ăn hại cơm gạo triều đình chứ làm nên trò trống gì”. Biết chuyện, Phạm Thái bàn bạc với anh em rồi hẹn quyết đấu sòng phẳng một chọi một để phân định hơn kém.

Buổi chiều hôm sau cả đám kéo nhau ra bãi sông Hồng chứng kiến trận tỉ thí giữa Trọng Phúc và Hữu Tiệp. Hai bên cam kết không đánh bè, kẻ nào thua phải từ bỏ tình cảm với Thị Huệ và cấm lai vãng đến quán nước. Gần ba chục đứa quay vòng tròn như xem chọi gà, hò hét cổ vũ cho người của phe mình.

Hai gã trai sàng qua sàng lại rồi lao vào nhau đấm đá túi bụi bằng đủ ngón nghề thuần thực. Hữu Tiệp to con tuy có cú đấm trời giáng nhưng ra đòn chậm chạp. Trọng Phúc nhỏ hơn song biết né tránh linh hoạt và phản công lại bằng các thế võ hiểm hóc nên từng bước chiếm ưu thế. Bị một cú đạp trúng ngực, Tiệp loạng choạng muốn ngã, bị dồn vào thế thua, hẳn bèn rút con dao nhọn giấu sau lưng nhắm bụng Phúc đâm thẳng. Thấy bạn gặp

nguy, Phạm Thái nhảy vọt tới, dùng chân đá văng con dao trên tay gã tiểu nhân quý tộc. Cú đá mạnh đến nỗi xương cánh tay của Tiệp bị gãy, khiến hắn đau quá nằm vật xuống đất kêu văng lảng nước.

Viên ngoại lang đâm đơn kiện kẻ đánh con ngài bị thương tật. Thẩm hình viện bắt Phạm Thái về giam chờ ngày xét xử. Nghe tin cháu bị nhốt trong ngục, Phạm Ngũ Lão đem lễ vật đến nhà Bảo Trung Vương xin nương tay cho cháu, song không được ngài tiếp. Việc chẳngặng chừng, tiện có Hưng Đạo Đại Vương lai kinh châu vua, Ngũ Lão đành muối mặt trình bày sự vụ với bố vợ. Nghe xong chuyện, Đại Vương bèn mắng hiền tể:

– Người là tướng triều đình mà mặc con cháu làm càn thì quá lắm. “Quốc có quốc pháp, gia có gia quy”, người không biết dạy cháu khuôn phép thì cứ để luật triều trừng trị cho biết thân.

Ngũ Lão hoảng quá phải phân trần:

– Bẩm nhạc phụ, thằng cháu nhà con tuy là đứa vũ dũng nhưng biết lễ nghĩa, chưa hề hung hăng, bạo ngược với ai. Con nghĩ trong chuyện này nó không hẳn là kẻ sai quấy hoàn toàn.

Hưng Đạo vẫn làm mặt nặng:

– Ta không hứa gì cả. Tội nó đến đâu thì trị đến đó.

Tuy Vương nói vậy, song ngài vẫn cho Đào Thế Quang bí mật đi điều tra sự tình.

Thế Quang dò la trong đám võ sinh và mẹ con bà chủ quán nước rồi bẩm báo với Đại Vương nguyên do đánh nhau dẫn đến thương tích. Khi nắm rõ hành vi ức hiếp người khác của đám con em hoàng tộc và tinh thần trượng nghĩa cứu bạn mà gây nên họa của Phạm Thái, ngài bèn quá bộ sang Thẩm hình viện rồi lại ghé chơi nhà Viên ngoại lang Bảo Trung Vương. Biết tin đứa cháu chỉ bị phạt đánh hai chục roi và giam một tháng, ông chú

ruột vui vẻ thốt câu “Ờn trời có mắt”.

Về sau triều đình xuống lệnh: Võ sinh tham gia đánh nhau thì bất kể là ai đều bị phạt hai mươi roi, sau đấy mới xem xét phải trái. Nạn đánh nhau từ đó giảm hẳn.

Nể phục cú đá uy lực của cậu trai hiệp nghĩa, sau này chính Thế Quang đã đề đạt với Đại Vương tiếp nhận Phạm Thái về vương phủ. Năm sau, Thái được ngài tuyển chọn tham gia vào đội thám báo do Thế Quang làm nhóm trưởng.

Lại nói về sự khó ngủ của ba chàng thám tử sau cuộc bàn tính tìm đường về nước cấp báo tin quân Nguyên động binh. Thế Quang và Đỗ Thành khó ngủ đã đành, Phạm Thái không ngủ được vì có uẩn khúc trong lòng mà chẳng dám thổ lộ với ai. Đêm ấy, được nghe Đỗ Thành giải bày tâm sự, Thái về giường nằm trằn trọc mãi, phần thì cảm thông nỗi niềm của huynh, phần lại cảm cảnh nỗi khổ của lòng mình. Nguyên do từ chuyện vương bản tình cảm với nữ nhi ngoại tộc mồ côi cha mẹ hiện sống cùng người ông ở thôn Mai Lâm dưới chân núi Phục Linh.

Quan hệ trai gái với người của nước đối phương là điều cấm kỵ trong nguyên tắc làm gián điệp mà Thái được học từ “Bình thư yếu lược”. Song khi lòng rung động thì chàng ta lại cho rằng trong nguyên tắc cũng cần có trường hợp linh động. Sau nhiều ngày bối rối, cuối cùng Thái chấp nhận lý lẽ của con tim, với niềm tin dứt khoát không để chuyện tình cảm làm tổn hại đến nhiệm vụ đang gánh vác.

Núi Phục Linh là một nhánh của dãy Vân Khai Đại Sơn, nơi quần cư của tộc người Tráng Nùng, sinh sống bằng nghề trồng lúa trên ruộng bậc thang và chăn thả gia súc. Họ là một dân tộc yêu tự do, không chấp nhận sự cai trị của người Hán nên thường xuyên nổi dậy chống đối.

Vào thời Tống, một thủ lĩnh tên là Nông Trí Cao đã lãnh đạo người Tráng khởi nghĩa đòi quyền tự chủ. Tuy thất bại nhưng tinh thần quật cường của ông trở thành niềm tự hào của cả dân tộc. Người Tráng phương nam cho rằng Trí Cao thuộc chi của mình nên muốn đề cao họ của ông để lưu truyền tinh thần bất diệt, thế là họ Nông nghiễm nhiên thành họ lớn nhất trong tộc. Do chữ Nông còn được phát âm là Nùng nên người ta tự nhận mình là người Tráng Nùng. Ở bản Mai Lâm với hơn năm chục nóc nhà mà có tới ba phần tư là nhà họ Nông, tuy không phải mọi nhà đều là bà con ruột thịt của nhau.

Mọi chuyện bắt đầu từ lần gặp gỡ tình cờ hơn một năm trước giữa chàng thám tử Đại Việt với ông lão chăn dê Tráng Nùng. Lần ấy Thế Quang nghe nói quân Nguyên mới lập mấy trại ngựa quanh vùng nên cử Phạm Thái đi tìm hiểu. Thái gánh bộ đạo khắp bản trên xóm dưới trong vai thương lái tìm mua thuốc bắc để dò hỏi tin tức về các trại ngựa. Chàng xác định được chỉ riêng vùng phía nam Tả Giang đã có ba trại, mỗi trại nuôi khoảng ba trăm đến năm trăm con ngựa thồ, nguồn cung cấp chính từ việc cưỡng ép thu mua với giá rẻ mạt ngựa nuôi của cư dân trong vùng. Đây là giống ngựa to khỏe, ức nở, chân lớn, thích nghi với điều kiện núi non, là phương tiện thồ hàng chủ yếu ở vùng cao.

Sau nhiều ngày lang bạt, Thái nhiễm mưa gió nên bị cảm mạo. Chàng quyết định quay về nhưng kiệt sức bước không nổi, đành chui vào hốc núi nằm nghỉ, rồi mê man bất tỉnh. Trời ngả chiều, có ông lão lừa đàn dê ngang qua tình cờ phát hiện một người nằm co ro trong hõm đá bèn tới gần xem thử. Thấy chàng trai mắt nhắm nghiền, mặt mũi tím tái, toàn thân run bần bật, biết kẻ lạ ốm nặng ông liền bỏ đi rồi quay lại cùng với một thiếu nữ và một con ngựa. Họ khiêng Thái nằm vắt lên mình ngựa và lấy dây cột lại. Cô

gái tay dắt ngựa, vai quay bờ, ông lão lừa dê, đưa người xa lạ về bản.

Phạm Thái tỉnh lại trên chiếc phản kê gần bếp lửa trong một ngôi nhà sàn của hai người không quen biết. Mồ hôi đầm đìa cơ thể, người đỡ sốt nhưng vẫn mệt rũ, chàng nhồm dậy nhìn ngơ ngác. Người đàn ông trạc ngoại lục tuần, mặc bộ đồ vải bông nhuộm đen truyền thống, đem lại cho chàng một bát nước rót từ cái siêu bằng đất, rồi bảo:

– Cậu bị mê man trên núi, ta và đưa cháu đưa về. Thuốc này sắc từ lá rừng, uống vào sẽ khỏi bệnh.

Thái cầm bát nước, miệng mấp máy “Xin đa tạ”, ghé môi nhấp thuốc, biết vị lành bèn uống cạn. Cô gái trẻ múc đồ ăn trong chiếc nồi đồng treo trên bếp lửa, để trước mặt Thái một tô cháo hầm thịt dê rồi nói nhỏ “Ăn đi, cháo nóng đây”. Thiếu nữ mặc áo ngắn năm thân bó sát bộ ngực căng đầy, cái bầu qạ đội đầu để hờ búi tóc được cài bằng trâm bạc sáng lấp lánh, chiếc váy xếp nếp xòe ra che gần hết đôi bàn chân trắng muốt khi nàng ngồi xuống phía đối diện nhìn chàng trai ăn cháo. Ánh lửa rọi vào khuôn mặt đôi tám xinh xắn làm cặp má của nàng ửng lên sắc đào khiến kẻ ốm cũng thấy xốn xang. Chờ Thái ăn xong, người lớn tuổi hỏi:

– Cậu đi đâu mà qua vùng này?

Thái đã nghĩ sẵn câu trả lời:

– Dạ thưa ông, cháu buôn bán dược liệu, thường đi đây đó tìm mua các vị thuốc. Thưa, còn gánh bò của cháu...

Ông lão nói:

– Đem về đây rồi, để dưới gầm sàn. Cậu mặc giống ta nhưng nghe giọng không phải người Tráng. Vậy cậu người ở đâu, tên gì?

Nhằm tránh bị dòm ngó, ba anh em thường ăn vận giống dân bản địa.

Thái cảm nhận ông lão là người tử tế, có những điều nên nói thật.

– Cháu tên họ Phạm Thái, người phương nam ở nước Đại Việt, qua bên này làm ăn.

Ông cụ nhú mào ngẫm nghĩ rồi nói:

– Tức cậu là người Keo. Nghe nói phải qua ba con sông, năm ngọn núi mới tới đất của người Keo.

Ở lâu trong nhà người không quen biết ắt bất tiện, Thái định cáo từ, nhưng vừa đứng lên thì mặt mày xây xẩm, đôi chân không trụ vững, loạng choạng ngã ngồi xuống tấm phản. Đoán được ý định của chàng trai, ông cụ liền bảo:

– Cậu chưa khỏi bệnh đâu, đêm hôm tắm tới đi đâu được. Cứ ngủ lại đây rồi mai tính.

Thế là ngủ lại một đêm thành ra năm đêm, phần vì bệnh lay lắt, phần nữa vì mến mộ lòng hiếu khách của ông lão chủ nhà và quyến luyến tấm chân tình của cô cháu gái dành cho chàng, Thái nghĩ mình tốt số, gặp cơn đau ốm giữa chốn hoang vu may có quý nhân phù trợ.

Qua mấy ngày làm khách, chàng được biết ông lão tên Nông Trí Tào, con trai bị nhà Nam Tống bắt phu, nghe nói chết ở Thường Châu khi quân Nguyên chiếm thành, hai năm sau nàng dâu qua đời vì bạo bệnh, để lại cho ông đứa cháu gái lên tám tên là Nông Thanh Khê. Từ đấy ông thay cha mẹ nuôi cháu, đến bây giờ Thanh Khê đã lớn khôn, biết đỡ đần ông mọi việc trong nhà. Thái cũng tâm sự về cảnh ngộ mồ côi của mình, được ông bà và các chú nuôi dạy nên người. Sự đồng cảm về hoàn cảnh đã phát sinh mối giao tình, ban đầu còn ngại ngùng về sau có chiều thân thiết, đôi trai tài gái sắc xem ra tâm đầu ý hợp.

Ông kể “Do mẹ nó đẻ rơi bên bờ suối nên đặt tên là Thanh Khê”.

Nàng bảo “Khi được mẹ sinh ra, vì da trắng như nước suối nên cha đặt tên Thanh Khê”. Thái nghĩ “Dù nguyên do thế nào thì tên Thanh Khê rất hợp với nàng, người con gái có dung nhan tươi sáng và tâm hồn trong trắng”. Tuy không còn ý nghĩ là kẻ ăn nhờ ở đậu mà cảm giác như đang ở trong ngôi nhà thân quen, nhưng Thái vẫn phải ra đi. Ngày lên đường, đôi bạn trẻ trao nhau ánh mắt lưu luyến, chàng hẹn với nàng “Có dịp huynh sẽ về thăm”. Ông lão chu đáo cho vào bồ của Thái một ống cơm lam và hai miếng thịt sấy gói lá chuối để ăn dọc đường.

Trở về trấn Hồ Biên, vừa bước vào nhà, thấy bộ mặt sa sầm của các huynh, Thái biết hai người đang buồn tức. Chú em chưa kịp mở lời, Thế Quang đã cất giọng nặng trĩu:

– Đệ đi những đâu, làm những việc gì mà hôm nay mới trở về?

Theo giao ước của nhóm, ai đi đâu, làm gì thì tối đa cũng chỉ mười ngày là phải trở về để người khác đỡ lo, vậy mà hôm nay đã sang ngày thứ mười hai, kể từ hôm Thái quấy bồ đi thám thính trại ngựa. Biết các huynh lo lắng cho mình, Thái thật thà trần tình sự việc: nào là điều tra ra ba trại ngựa, nào là bị ốm nặng dọc đường rồi được một ông lão đem về nhà cứu chữa. Riêng tình tiết trong nhà ân nhân có cô thiếu nữ xinh đẹp thì chàng giấu nhem.

Đỗ Thành đã tươi sắc mặt, nói cười thân mật với cậu em:

– Quá hẹn đệ không về làm anh em ở nhà đứng ngồi không yên. Muốn đi tìm cũng chẳng biết ở đâu mà tìm.

Thế Quang dịu giọng an ủi Phạm Thái:

– Họa trước phúc sau, coi như may mắn rồi, lại còn phát hiện ra ba trại nuôi ngựa thồ, thế là được việc đấy.

Đỗ Thành thắc mắc:

– Đệ chưa hiểu, tại sao ta phải dò la trại ngựa?

Thế Quang giải thích:

– Biết được quân Nguyên lập trại ngựa, nuôi bao nhiêu con, loại ngựa gì, từ đó mà phán đoán ý đồ của chúng. Nếu nuôi ngựa chiến thì ước lượng ra số kỵ binh, nếu nuôi ngựa thồ thì tính toán được số lương thảo vận chuyển. Biên cương ngăn cách hai nước toàn núi non trùng điệp, chúng muốn kéo vào Đại Việt ta bằng đường bộ thì không thể không nghĩ tới việc dùng ngựa thồ tải lương là thuận tiện nhất.

Kể từ lần được cụ Tào và cô cháu gái Thanh Khê cứu giúp khỏi bệnh, Phạm Thái trở lại Mai Lâm thường xuyên, tháng ít thì một lần, tháng nhiều thì hai lần, mỗi lần ở lại vài ba ngày. Bản tính nhà nông hay lam hay làm, chàng nhiệt tình giúp đỡ hai ông cháu từ chuyện nương rẫy cho đến việc lợp mái nhà bị dột, sửa cầu thang bị hư. Nhiều khi ông lão đi chăn dê hoặc vào rừng đốn củi, Thái và nàng vừa làm việc vừa vui đùa thoải mái, nên tình cảm hai người ngày càng bền chặt.

Theo tập tục của người Tráng, nam nữ được tự do tìm hiểu, ông cụ thấy đôi trẻ ríu rít bên nhau, trong bụng cũng chấp nhận. Đối với cụ, mai mối Thanh Khê kết duyên với người đồng tộc là điều ưng ý nhất, nhược bằng bén duyên với người ngoại tộc nếu là kẻ hiền lành chất phác thì cụ cũng không ngăn cản. Trong mắt cụ Tào, chàng trai mà cụ tình cờ cứu giúp là người thật thà, tốt bụng.

Dần dà, Phạm Thái quen mặt cả bản, việc chàng đến và đi thành chuyện bình thường trong mắt những người láng giềng của cụ Tào. Gần nhà cụ, cách chừng bảy chục sải chân là nhà của một gia đình họ Nông có hai người con trai, cậu lớn tên Trí Nãi trạc tuổi Thanh Khê, cậu nhỏ tên Trí Cầm kém anh ba tuổi. Hai nhà vốn qua lại mật thiết, nên Thái cũng dễ dàng

chiếm được cảm tình của hai anh em, nhất là cậu bé Trí Cầm.

Một bữa Trí Cầm rủ Phạm Thái vào rừng bắn chim. Thấy con chìa vôi đậu trên cành dâu da, Thái làm hiệu bằng tay, Cầm giương nỏ bắn, mũi tên sượt qua cánh, con chim bay vút lên cao. Phạm Thái nhanh tay giương nỏ mà không cần ngắm, bật lẫy hạ gục chú chìa vôi. Cậu bé tròn xoe mắt kinh ngạc, nhìn chàng bằng ánh mắt thán phục.

Có lần Thái hỏi Thanh Khê:

– Trong bản nhà nào cũng họ Nông, bà con với nhau à?

Nàng cười mà rằng:

– Cả tộc cùng một họ, đều là con cháu của cụ tổ Nông Trí Cao.

Thái nghe nói vậy không hỏi thêm, chàng nghĩ Thanh Khê có cụ tổ là Nông Trí Cao cũng như mình có cụ tổ là Phạm Hạp, cả bản cùng là bà con trong họ cũng như ở làng mình những người mang họ Phạm đều là họ hàng gần xa.

Cuối thu năm đó, Phạm Thái được lệnh về nước. Đến Vạn Kiếp bẩm báo công việc với Đại Vương rồi chàng lên kinh thành, trước là ghé thăm chú, sau đến thợ bạc đặt làm một chiếc xà tích bằng bạc ròng có gắn hình một con cá bơi trong dòng nước và mười bảy bông hoa mai nhỏ xinh. Ông thợ bạc nghe khách hàng phác thảo ý tưởng, ban đầu kêu khó không chịu nhận, sau được hứa trả công gấp rưỡi thì đồng ý liền. Chàng còn mua tặng cụ Tào một đôi hài gấm màu lam.

Sau hơn một tháng xa vắng, ngày trở lại Mai Lâm, lòng tràn ngập bóng hình thiếu nữ mà Phạm Thái đã tin yêu trọn vẹn, chàng mừng vui như được về nhà nên bước chân rộn ràng, phấn khích lắm. Quà của chàng làm hai ông cháu rất thích thú, cụ Tào ướm thử đôi hài rồi cất vào rương và bảo “Để dành trưng diện ngày tết”, còn Thanh Khê đeo ngay xà tích lên ngực

rồi nắm tay Phạm Thái lôi chạy băng băng ra suối. Nàng mượn mặt suối làm gương để ngắm nghía món quà hằng mơ ước. Khuôn trăng thiếu nữ soi lung linh làn nước trong veo, chiếc xà tích và những miếng bạc nhỏ sáng lấp lánh trên mặt gương huyền ảo.

Giữa niềm hân hoan tột độ, nàng hỏi chàng:

– Huynh nói cho muội biết, con cá mang ý nghĩa gì?

Thái nhìn nàng tủm tỉm cười rồi đáp:

– Mấy đường uốn lượn trên miếng bạc là làn nước, con cá đang bơi lội trong dòng suối. Con cá là huynh đấy, nhờ ông và tiểu muội cứu chữa nên mới được tung tăng trong lòng thanh Khê.

Câu nói đầy ẩn ý của chàng trai làm cặp má thiếu nữ đỏ hồng vì ngượng, nàng nũng nịu trách vờ:

– Muội không thích huynh đùa như thế. Chưa biết người ta có ưng ý không mà đã đòi bơi vào lòng.

– Huynh không nói đùa đâu, thật đấy. – Thái nói mà ánh mắt như đang cười tình tứ làm khuôn mặt chàng vô cùng quyến rũ.

Thanh Khê ngúng nguẩy:

– Thôi không nói chuyện này nữa. Thế còn mười bảy bông hoa mang nghĩa gì?

Thái đáp:

– Là số hoa mai tượng trưng cho tuổi của muội. Mỗi năm huynh sẽ tặng muội thêm một bông hoa. Khi đủ hai mươi bông thì không tặng nữa.

Thanh Khê thắc mắc:

– Sao vậy?

Phạm Thái tủm tỉm cười rồi nói tỉnh bơ:

– Lúc đấy mình tặng nhau cuộc đời, huynh sẽ hỏi cưới muội, rồi đưa muội về quê nhà của huynh.

Cô gái lúc lắc cái đầu nhưng đôi mắt thì làm nũng:

– Không chịu đâu. Ai biết nhà huynh ở chỗ nào, không có núi, không có rừng thì làm sao mà sống?

Chàng trai giải thích:

– Huynh người đồng bằng lên đây ở lâu rồi cũng quen, muội người miền núi xuống đây ở lâu cũng sẽ quen, huynh cam đoan đấy.

Nàng lại nói:

– Vẫn không chịu, muội theo huynh thì ông sống với ai?

Chàng ngó người ra, mà rằng:

– Ừ nhỉ. Hay là huynh cứ ở đây với muội, khi nào ông quy tiên thì muội về quê với huynh.

– Được đấy. – Thanh Khê thích chí cười sảng khoái, rồi nói tiếp. – Người Tráng Nùng sống thọ lắm, coi như huynh ở đây với muội cả đời.

Chợt nghĩ đến thực tại, Thái lẩm bẩm trong miệng “Ở đâu cũng được. Nhưng mà ơn trời Phật cho hai nước bình yên, đừng xảy ra chiến tranh, ly loạn”. Thanh Khê đang tràn trề vui sướng nên chẳng để ý đến thái độ của chàng trai.

Thực tế bây giờ còn tàn bạo hơn bội phần những điều Phạm Thái từng lo nghĩ lúc ở bên bờ suối cùng với người con gái mà chàng đã gửi gắm tin yêu. Ngược nhìn bầu trời mùa đông u ám, chàng nghe cõi lòng lắng sâu nhưng vẫn phải đành cất bước tìm về lần cuối, mang theo một khối tình nặng trĩu mà chưa biết cách hóa giải.

Chương 5

Anh em Trí Nãi lòng đen trắng

Ông cháu Thanh Khê dạ sắt son

Lưng cồng chiếc gùi tre chất đầy dược liệu, Phạm Thái ra đi khi trời đã sáng bạch. Con đường mòn vắt qua hai ngọn núi là lối đi quen thuộc và đầy phấn khích của chàng mỗi lần sang bản Mai Lâm. Nhưng hôm nay thì khác, con đường bây giờ mịt mù sương khói, buốt giá và trống trải lạ thường.

Chẳng phải vì mang vác làm chậm bước đi, mà do lòng nặng trĩu làm đôi chân chùn bước. Mỗi bước chân là một bước ngại ngần, một tiếng thở dài não ruột, một nỗi niềm đầy vơi; chàng ước gì không phải đi hôm nay, không phải đi tháng này, không phải đi mãi mãi, không phải đi gặp gỡ người yêu thương lần cuối, rồi sau đó là chia ly, xa cách mà không dám hẹn ngày trở lại. Chàng tự nhủ “Làm trai thời loạn không vì tình riêng mà phó mặc vận mệnh nước nhà trong cơn nguy khốn, đã nhất quyết như vậy, sao lòng còn thốn thức, gan ruột còn rối bời? Đành thôi, sau cơn binh lửa nếu thân này toàn vẹn ta nhất quyết tìm nàng”.

Mất hơn năm canh giờ Phạm Thái mới đến được Mai Lâm, lúc đã chập choạng tối. Cho dù trong lòng không yên ổn cũng không đến nỗi đi như rùa bò, chẳng qua Thái cố tình chậm trễ, vì chàng sợ phải ở lâu bên Thanh Khê khi chẳng thể nói gì nhiều với nàng về sự ra đi đột ngột. Để phòng bất trắc, Thái lánh mặt dân bản nên không đi đường chính mà theo lối tắt sau núi đến nhà cụ Tào. Chàng dự tính, việc mua ngựa sẽ nhờ cụ Tào lo liệu để tránh sự dòm ngó của mọi người, còn lý do mua ngựa sẽ tùy thái

độ của ông cháu Thanh Khê mà trình bày cho phù hợp.

Nghe tiếng chân lên cầu thang, Thanh Khê chạy ra mở cửa, miệng thì reo mừng “Ông ơi, Thái huynh đến”, còn đôi tay nhanh nhẹn đỡ chiếc gùi từ lưng huynh xuống rồi đem vào nhà. Cụ Tào đang khởi bếp lửa, ngược đầu nhìn và vui vẻ nói:

– Vào đây cho ấm, chờ ăn tối luôn. Cháu đi đâu mà đến vào giờ này?

– Cháu có việc cần làm, bây giờ mới đến được.

Thái trả lời người ông và tránh cái nhìn âu yếm của cô cháu gái. Thanh Khê không rời mắt khỏi chàng, lên tiếng:

– Trông mặt huynh nhợt nhạt thế kia, chắc đói lạnh lắm rồi. Để muội dọn cơm ngay.

Bát cơm nóng và khâu nhục béo ngậy chỉ giải quyết được cái dạ dày của Thái mà không thể khóa lấp được nỗi lòng của chàng. Mọi người cùng ăn trong im lặng, vẻ tư lự từ Thái khiến hai ông cháu linh cảm điều không vui, nhưng chẳng ai nở hỏi. Xong bữa, ba người ngồi quanh bếp lửa, song khác hẳn các buổi tối khác, không có tiếng cười giọng nói từ mấy khuôn mặt vốn dĩ vui sống lạc quan, chỉ thấy những cặp mắt ngại ngần ra vẻ băng quơ nhìn cúi reo tí tách. Thái là người lên tiếng phá vỡ bầu không khí lặng ngắt:

– Cháu mang lại gùi được liệu quý. Ông và Thanh Khê để dùng hoặc bán cũng được. Nếu đem lên trấn sẽ được giá, nhưng qua ít ngày nữa hẵng bán.

– Cháu thu mua được liệu, sao lại đem cho ta, xảy chuyện gì à? – Cụ Tào tỏ ra ngạc nhiên.

Thái đáp:

– Cháu phải về nước gấp nên không mang theo được. Xa ông và Thanh Khê chưa biết bao giờ gặp lại khiến cháu buồn lắm. Nhưng không thể không về.

Thái thổ lộ nỗi lòng mà hai tay úp lên mặt để che giấu cảm xúc muốn trào ra. Thanh Khê nghe nói vậy, chạy về góc cửa mình, nằm quay mặt vào vách khóc rưng rức. Biết nàng đau khổ, chàng dứt từng khúc ruột nhưng chẳng thể làm gì hơn ngoài một câu đánh tiếng ghen ngào “Dù sớm hay muộn cháu sẽ về thăm hai người”.

Nghĩ đến nhiệm vụ, Thái nén lòng, tháo cái ruột tượng cột trong người, đưa cho cụ Tào và nói:

– Cháu nhờ ông giúp cho một việc. Trong này có sáu mươi lạng bạc, mai ông tìm mua cho cháu ba con ngựa với đầy đủ yên cương. Cháu và hai người đồng hương phải đi một quãng đường dài nên cần ngựa khỏe, mọi sự trông cậy ở ông.

Cụ Tào để bao bọc xuống, đến cái rương ở góc nhà lúi húi lục lọi, khi quay lại thấy ông cầm trên tay một chiếc túi nhỏ nhưng chẳng nói chẳng rằng, khuôn mặt đăm chiêu như đang nghĩ ngợi về một điều nan giải khiến cho mấy nếp nhăn trên trán thêm phần cau lại. Thái hồi hộp chờ ông trả lời mà không dám nói gì nữa. Qua cơn xúc động, Thanh Khê bình tâm lại, nhìn bộ mặt căng thẳng của chàng trai lại thấy thương nhiều, nàng bèn đến ngồi bên ông rồi lên tiếng nài nỉ:

– Ông tìm cách giúp Thái huynh với. Có lẽ là việc hệ trọng nên huynh ấy cần ngựa để đi gấp.

Được nàng nói giúp, Thái mừng lắm. Đã từ lâu chàng biết người trong bản chẳng ưa gì nhà Nam Tổng trước kia lẫn lũ Nguyên Mông bây giờ, nên mạnh dạn bày tỏ:

– Việc của cháu liên quan đến sinh mạng của nhiều người, nếu cháu không về kịp thì quê nhà có thể gánh hậu quả khôn lường.

Nghe chàng trai bộc bạch cả những điều sâu kín, bấy giờ ông lão mới lên tiếng:

– Ta hiểu hết, nửa tháng nay tin đồn quân Nguyên rục rịch khởi binh đã bay đến tận cái bản heo hút này rồi. Nhưng mua được ngựa không dễ đâu, bao nhiêu ngựa tốt chúng đến bắt sạch, trong bản chỉ còn ngựa già yếu như con ngựa nhà ta thôi. Cũng có dăm nhà giấu trong rừng được mấy con ngựa tốt để gầy giống, nhưng chưa chắc họ chịu bán.

Thanh Khê tỏ ra lo lắng:

– Ông nghĩ cách gì đi.

Ông cụ trả lời cô cháu gái:

– Ta vẫn đang nghĩ đây. Cũng có một cách nhưng cần nghĩ thêm. Thôi để mai tính.

Phạm Thái khẩn khoản:

– Ngoài ông ra, cháu chẳng biết nhờ cậy ai. Dù mua được ngựa hay không, ông kín tiếng hộ cháu.

Cụ Tào đáp:

– Không cần dặn ta cũng biết.

Rồi ông lấy từ trong cái túi nhỏ ra một sợi dây vải ở giữa có cột chiếc răng lợn rừng bịt bạc, đặt vào tay chàng và bảo:

– Thái à, ông có thứ này cho con. Đây là chiếc bùa hộ mệnh đã truyền được mấy đời, ta già rồi chẳng cần đến nữa, con hồi hương chuyến này may rủi khó lường, hãy đeo vào cho bình an.

Năm xưa khi cha của Thanh Khê bị bắt phu, ông đã đeo cho nó vật

này. Vậy mà nó bị giết lúc thất thủ Thường Châu. Nghe người sống sót kể lại thì chiếc bùa của con trai ông bị kẻ khác cướp mất trước khi quân Nguyên chiếm thành. Kẻ cướp là tay phu trưởng ở bản bên, một đứa chuyên cậy quyền ỷ thế đè nén người dưới, ức hiếp đồng tộc. Loại người này không đáng sống ở đời. Ông đã tìm cách thu hồi về.

Thanh Khê giúp Thái cột sợi dây vải sau cổ. Chàng mân mê chiếc răng nanh trên ngực mà lòng bồi hồi xúc động trước thịnh tình của cụ Tào.

Nằm bên ông cụ kê bếp lửa ấm áp, Thái nhìn về phía Thanh Khê đang trần trọc không ngủ, nghe tim mình thổn thức nhịp thương yêu rồi lịm dần vào cơn mộng mị...

Khi chàng tỉnh dậy thì trời đã sáng rõ. Trong nhà không có ai, Thái mở cửa định xuống sân lấy nước trong lu rửa mặt, chợt nhìn thấy Thanh Khê đang đứng nói chuyện với Trí Nãi ở đằng xa, chàng lại quay vào nhà. Lâu nay Thái vẫn nghĩ anh em Trí Nãi là người cùng họ với Thanh Khê, hai nhà qua lại thân thiết và tử tế nên chẳng có gì đáng ngại, nhưng cản trở cũng không thừa.

Có điều Phạm Thái không tường tận, tuy chung họ nhưng nhà Trí Nãi với nhà cụ Tào không phải là bà con ruột thịt. Cùng trang lứa với nhau, Trí Nãi và Thanh Khê từng vui đùa gắn bó từ thuở ấu thơ, nên trong tâm khảm của cậu ta từ lâu vẫn tin rằng hai người là một đôi thanh mai trúc mã, khi khôn lớn nhất định sẽ được ông trời se duyên.

Thế rồi Phạm Thái xuất hiện, Thanh Khê ngày càng gắn bó với kẻ ngoại tộc mà phai nhạt dần tình cảm với bạn đầu xanh một thuở. Khác tính cách phóng khoáng và nhân ái của cậu em Trí Cầm, Nãi là đứa nhỏ nhen ích kỷ nên sinh lòng thù hận kẻ đã cướp không mối tình thâm kín của hắn. Sau nhiều ngày đau khổ dằn vặt, Nãi nghĩ cách tiếp cận Phạm Thái, làm mất tử

tế để tìm cơ hội rửa nhục.

Sáng sớm hôm đó, Trí Nãi và Trí Cầm soạn sửa lừa dê lên núi chăn thả. Bắt gặp cụ Tào đi đâu về có vẻ gấp gáp rồi lại vội vã cùng Thanh Khê lừa sáu con dê sang mấy nhà ở cuối bản, Nãi nghĩ bụng “Chắc là đem bán rồi, nhưng cần gì mà phải bán cả sáu con dê lớn?”. Lòng đầy nghi hoặc, Nãi vin cớ đau đầu, bảo cậu em đi trước, còn hăn mò qua nhà cụ Tào dòm ngó. Thấy Phạm Thái nằm ngủ say trên phản, Nãi tin rằng việc ông Tào bán dê nhất định có liên quan đến gã tình địch đáng ghét.....

Chờ Thanh Khê trở về, Nãi nín lại hỏi han:

– Muội lừa dê đi đâu vậy?

– Bán bớt ít con để có tiền sửa lại cái nhà.

Biết không thể nói dối trắng trợn với tên trai tò mò, Thanh Khê đành nói thật những điều khó giấu nhưng giấu kín những điều khó thấy.

Nãi lại hỏi vặn vẹo:

– Bán cả dê chữa à? Nhà muội có hư đâu mà phải sửa?

Nàng đập lại:

– Sao huynh cứ phải thắc mắc, nhà của muội thì muội sửa, liên quan gì đến huynh?

Thanh Khê đành nói thế cho xong chuyện, rồi rảo gót về nhà. Tên trai đứng chết lặng trước thái độ vùng vằng của người thiếu nữ mà hăn vẫn đêm ngày tơ tưởng. Nãi hăm hực trong người, lòng ngùn ngụt căm hận kẻ đã hớp hồn nàng sơn nữ của hăn.

Nghe Thanh Khê bảo đã mua được ngựa, ông đang dắt đi giấu ở cánh rừng mé đông núi Phục Linh, tâm trạng Phạm Thái buồn vui lẫn lộn. Mừng vì đã có ngựa để đêm nay cùng các huynh lên đường về nước, nhưng cỗi

lòng chàng lại ăm ắp buồn bã vì sắp phải ly biệt người con gái yêu thương và người ông đáng kính của nàng.

Thái mạnh dạn cầm tay Thanh Khê, giữ chặt tay nàng trong bàn tay thô ráp của mình như muốn cảm nhận lần cuối sự mềm mại của da thịt thiếu nữ trước lúc chia xa có thể là mãi mãi. Thanh Khê run rẩy ngả đầu vào vai chàng, cố kìm đôi giọt lệ nóng hổi long lanh trên khóe mắt sâu muộn. Hai người đứng bất động bên nhau hồi lâu nhưng không ai nói với ai một lời, để mặc tâm hồn chia sẻ cho nhau nỗi niềm nát tan từ trong tận cõi lòng thăm thẳm. Họ chẳng hề hay biết có kẻ đang rình mò bên ngoài.

Trí Nãi không chấp nhận câu trả lời chặn họng của Thanh Khê, mà quyết tìm cho ra sự thật nên lén sang nhà nàng, rón rén leo lên cầu thang nhìn lén qua khe vách. Thấy đôi trai gái ôm nhau nức nở, Nãi nổi cơn ganh ghét khiến máu trong người sôi sục, nhưng hấn đủ khôn ngoan để không làm điều dại dột mà gắng dõng tai nghe ngóng.

Qua cơn xúc động, hai người rời nhau. Thanh Khê bình thản bảo chàng trai:

– Sáng muội dậy sớm thổi cơm rồi. Chờ ông về, huynh ăn no hẵng đi.

Thái đáp:

– Muội chu đáo quá. Sang giờ Mùi huynh mới lên đường, nếu ngựa tốt thì từ đây tới chỗ huynh chỉ vài canh giờ.

Thanh Khê dặn dò:

– Cả ba con đều khỏe mạnh. Muội thấy con ngựa ô mua của nhà Trí Phàn tốt nhất, huynh phải cưỡi con này.

Thái xúc động mà bảo:

– Ba anh em sinh tử có nhau, huynh cưỡi con nào cũng được, nhưng

muội muốn vậy thì huynh sẽ nghe lời muội.

Nàng hài lòng:

– Như thế mới không phụ lòng muội, để muội tin rằng huynh sẽ trở lại.

Chàng trấn trở:

– Chiến tranh sắp nổ ra, sống chết khó lường, nếu toàn mạng đứt khoát huynh sẽ về với muội.

Nàng lại hỏi:

– Từ đây về quê nhà bao xa?

Chàng trả lời:

– Khoảng hơn ba trăm dặm. Bọn huynh phải về gấp để bảo động người trong nước chuẩn bị chống quân Nguyên.

Thanh Khê thổ lộ:

– Cha muội bị người Nguyên giết, chuyện này huynh trả thù cho muội luôn nhé.

Thái đáp:

– Dứt khoát huynh sẽ trả thù cho muội.

Rồi chàng chợt hỏi:

– Thanh Khê này, từ nay đến giờ huynh cứ nắc nỏm không hiểu số bạc có đủ cho ông mua ngựa không? Nếu ông phải xoay xở thêm thì huynh ân hận lắm.

Nàng nói như thật:

– Đủ mà, vừa tròn số bạc của huynh.

Thanh Khê trả lời vậ để Thái khỏi bứt rứt. Sáng nay, khi lừa sáu con

dê ra khỏi nhà, ông bảo với nàng “Trước kia sáu mươi lạng thừa mua ba con ngựa. Bây giờ khan hiếm người ta đâu chịu bán. Ông ra giá một con ngựa tốt đổi hai mươi lạng bạc kèm theo một con dê chữa và một con dê đực, họ thấy lời to thì ưng bụng liền”.

Thấy ông Tào đang đi về, Trí Nãi vội tụt xuống thang, chạy biến vào bụi rậm. Hăn khắp khởi mừng khi thời cơ rửa hận đã đến, bèn quay về nhà lấy ngựa phóng như bay lên trấn Long Châu.

Huyện lệnh Long Châu là Dương Tự Quán, vốn người Hán làm quan dưới thời Nam Tống. Khi nhà Nam Tống sắp diệt vong, Quán đón gió trở cờ, nhanh chân về hàng Thát nên được tiếp tục trấn nhận tại nhiệm sở cũ. Lâu nay y thường vỗ ngực đắc chí là người thức thời, sớm nhận biết thế sự chuyển vần nên chẳng dại gì mà khư khư cái tiết tháo trung nghĩa thủ cựu, thà một lần rũ sạch hơi hám nặng mùi phế thải của chủ cũ để lấy sức mà hít hà dư vị thơm tho của chúa tể mới.

Mấy bữa nay Tự Quán đang rất buồn bực vì bị quan trên khiển trách do tuyển phu không đủ số lượng. Cái huyện Long Châu thừa thớt dân được bổ chỉ tiêu năm trăm đinh lực, Quán cho yết bảng dán khắp nơi cũng chỉ mộ được ba chục đứa, sai mã bộ đi bắt phu chỉ gom được hơn trăm đứa. Bọn trai tráng sơn cước ngày càng quý quyết, hễ thấy bóng dáng lính huyện là trốn như trạch, tuy thỉnh thoảng cũng lôi đầu về được một mớ, nhưng được mớ này lại tuột mất mớ kia. Chẳng qua vì ít người nên trông không xuể, huyện lệnh cả thầy có mười hai mã bộ, lúc lính ngó nghiêng đằng trước thì bọn chúng bocc hơi đằng sau, lúc lính nghiêng ngó đằng sau thì tụi nó lại độn thổ đằng trước.

Khi nghe thuộc hạ bẩm báo có người đến tố giác kẻ gian từ An Nam sang dò la bản quốc, Quán cho kêu vào để hỏi. Trí Nãi thuật lại điều tai

nghe mắt thấy và nói:

– Một trong ba tên thám báo đang ở Mai Lâm, đại nhân bắt được tên này sẽ tra xét ra hai tên còn lại. Thảo dân mong huyện lệnh đại nhân khẩn trương vây bắt kéo hẳn trốn mất.

Viên tri huyện mừng lắm, hứa sẽ thưởng công cho Trí Nãi, rồi cho điều ngay sáu mã bộ theo kẻ cáo giác đi truy lùng gián điệp An Nam. Đám lính đi rồi, Tự Quán vội thay áo xống, phóng ngựa một lèo đến thẳng quân doanh của Tả thừa Lý Hằng báo cáo sự vụ. Ý cho rằng đây là cơ hội tốt để lập đại công với quan lớn triều đình, sau này đám quan trên tỉnh muốn ức hiếp hẳn cũng phải kiêng nể vài phần.

Thái cổ nuốt mà ăn không nổi, bụng chẳng no chẳng đói nhưng đầy ứ ưu tư. Sau bữa cơm, cụ Tào bảo Thanh Khê:

– Ngựa ông cột ở khe Pò Vạc. Quá ngộ rồi, nấn ná mãi cũng phải chia tay thôi. Cháu dẫn Thái huynh đến đó lấy ngựa.

Theo tập quán của người Tráng ở vùng cao, cái gì không phải của mình thì không lấy. Nếu ai đó tình cờ đi ngang qua Pò Vạc thấy mấy con ngựa đang cột ở đấy, họ biết là vật có chủ sẽ dứt khoát không động đến. Thái hiểu điều đó nên không lo mất ngựa, có điều được cụ Tào tạo điều kiện để hai người đưa tiễn nhau một đoạn làm chàng phần chấn lẫm, muốn đi liền. Thanh Khê khoác lên vai Thái một chiếc túi vải đựng ít đồ ăn và chiếc nệm sành chứa nước. Thái ôm ông cụ, nghẹn ngào nói:

– Ông ráng giữ gìn sức khỏe.

Cụ Tào vỗ vai chàng mà rằng:

– Con lên đường bình an. Đừng quên ông cháu ta đấy.

Thái không trả lời, chỉ gật đầu, nhưng đôi mắt đã đỏ hoe. Chàng vội vã bước xuống cầu thang như trốn chạy cảm xúc mềm yếu. Cụ Tào đứng lặng nhìn theo, cặp mắt già nua nặng trĩu.

Bản trưa vắng người, nhìn quanh không thấy ai, đôi trai gái bước nhanh về phía sườn núi. Hai người đi trong im lặng chỉ thỉnh thoảng nhìn nhau bằng ánh mắt buồn vời vợi. Vừa lên đến đầu dốc, họ gặp Trí Cầm đang lừa dê về bản. Cậu bé cất tiếng hỏi:

– Anh chị đi đâu vậy?

Thanh Khê trả lời:

– Mình không đi, chỉ tiễn Thái huynh một đoạn. Mà sao hôm nay có mỗi em lừa dê lên núi?

Đàn dê nhà Trí Cầm nhiều gấp ba đàn dê nhà nàng. Thường hai anh em họ cùng đi chăn mới xuể, hôm nay lại chỉ có mình cậu bé. Cầm đáp:

– Nãi huynh kêu đau đầu nên bảo đệ đi trước, rồi lên sau. Từ sáng đến giờ có thấy huynh ấy đâu, có lẽ ốm rồi.

Thanh Khê ngạc nhiên nhưng không nói ra. Buổi sáng gặp Nãi, nàng thấy mặt mũi hẩn tỉnh khô, chẳng ốm đau gì cả. Cầm nói với Thái:

– Hôm nào ở chơi lâu, Thái huynh lại đi bắn chim với em nhé. Mùa này nhiều chim gáy lắm.

Lời gợi ý của Cầm làm Thái nao lòng, chàng trả lời băng quơ:

– Nhất định rồi.

Họ tạm biệt nhau. Cậu bé lừa dê xuống núi. Đôi trai gái vượt đèo để tới cánh rừng có khe suối Pò Vạc.

Mới đi được vài chục bước, Phạm Thái quay về phía Trí Cầm, vừa chạy xuống vừa gọi í ới:

– Trí Cầm à, huynh bảo này.

Thanh Khê đứng từ xa nhìn thấy Thái lấy con dao ngắn cài trên lưng dúi vào tay Trí Cầm rồi lại nhanh chân chạy lên. Biết chàng trai tặng cậu bé con dao làm kỷ vật, nàng hỏi:

– Huynh cho Cầm à, sao không để phòng thân.

Thái nói:

– Huynh còn thứ khác để phòng thân. Cầm là đứa trẻ tốt bụng, huynh quý nó lắm.

Trên đường dẫn mã bộ về bản bắt người, Trí Nãi tự nhủ nếu xuất hiện cùng đám lính huyện thì chẳng khác gì nhận mình là kẻ chỉ điểm. Khi cách Mai Lâm chừng một dặm, Nãi dừng ngựa và nói:

– Bản kia rồi. Tiểu dân phải tránh mặt nên xin khiêu ở đây. Các đại ca cứ xông thẳng vào nhà Nông Trí Tào là bắt được gián điệp ngoại bang. Lão ta là người chứa chấp kẻ gian, còn đứa cháu gái ngây thơ không biết gì, xin các huynh nương tay cho.

Sáu viên mã bộ quát ngựa phi nhanh tới cái thôn đìu hiu dưới chân núi Phục Linh. Đám lính đi rồi, Trí Nãi cười hả hê vì tự phụ mình cao tay, chỉ bắn một mũi tên mà trúng liền hai đích, vừa diệt trừ được gã dị tộc cướp đoạt mối tình đầu của hắn, vừa phế bỏ lão già đáng ghét luôn ưu ái kẻ từ trên trời rơi xuống mà không thèm ngó ngang tới cảm nghĩ trong lòng người bạn láng giềng tri kỷ của đứa cháu gái. Thế là hết chướng ngại cản đường, Nãi nhất quyết sẽ giành bằng được Thanh Khê về làm vợ.

Trí Cầm đang lùa dê vào chuồng chợt nghe tiếng vó ngựa phi rầm rập ngang qua, cậu chạy ra nhìn thì thấy một toán lính xông vào nhà ông Tào,

lôi ông cụ xuống sân vừa đánh vừa tra khảo về tên thám báo Phạm Thái. Chúng trói ông bằng dây thừng, dùng gậy tre quật vào người làm rách toác chiếc áo đang mặc, máu tứa ra đỏ lôm. Ông Tào một mực kêu oan, không nhìn thấy ai làm thám báo, không biết ai dò la tin tức. Chúng hỏi “Chiếc bố chất đầy dược liệu của ai?”. Ông trả lời “Của người ta gửi”. Chúng lại hỏi “Họ đi đâu?”. Ông nói: “Không biết”.

Dân bản sợ liên lụy, chẳng ai dám can thiệp, chỉ đứng thập thò trong nhà nhìn ra. Trí Cầm cũng sợ lắm, lần đầu tiên cậu chứng kiến việc bắt bớ và tra khảo như thế. Cầm không biết thám báo là gì, nhưng biết chắc Thái huynh đang gặp nguy hiểm, cậu muốn ai đó cứu huynh ấy, mà trong nhà lại chẳng có ai, cha mẹ đang ở trên nường, còn Nãi cũng mất dạng. Phải liều thôi, Cầm ngó quanh tìm ngựa, nhưng không thấy đâu. Thấy con ngựa già của cụ Tào cột ở gốc cây sau nhà, cậu len lén mò sang, tháo dây dắt nó đi một đoạn, đến chỗ khuất mới nhảy lên mình ngựa, giục phi nước đại về hướng đôi trai gái vừa đi qua.

Tới khe Pò Vạc đã thấy ba con ngựa thấp thoáng sau bụi cây rậm rạp, Thái biết đã đến lúc phải từ biệt Thanh Khê, chàng giang tay ôm thiếu nữ vào lòng, hôn lên búi tóc cài sau gáy rồi thủ thỉ vào tai nàng:

– Dù ở đâu, làm gì huynh sẽ mang theo hình bóng muội. Lúc vui hay lúc buồn, muội mãi là dòng suối trong lành tắm mát lòng huynh.

Bất chợt khu rừng chiều tĩnh lặng dội vang tiếng gọi khẩn thiết “Thái huynh, Thanh Khê tử, đang ở đâu?”. Nhận ra tiếng của Trí Cầm, Thanh Khê gọi lại “Trí Cầm phải không? Huynh tử ở đây này”. Một con ngựa lao đến, Trí Cầm nhảy vọt xuống, chạy lại chỗ hai người, vừa nói vừa thở hổn hển:

– Quân lính đến bắt Thái huynh... bảo... bảo là truy tìm thám báo. Chúng trói, đánh ông Táo đầm đìa máu, huynh mau trốn đi.

Nghe thấy vậy, Thanh Khê hoảng hốt kêu lên:

– Chúng đánh ông chết mất. Làm sao bây giờ?

Rồi nàng bật khóc nức nở. Mặt Phạm Thái biến sắc, tâm trí rối bời, chàng hỏi Cầm:

– Chúng có đông không?

Trí Cầm đáp:

– Khoảng sáu, bảy đứa.

Thái bảo với Thanh Khê:

– Để huynh quay về bản tìm cách cứu ông.

Nói rồi, chàng bước xăm xăm ra chỗ mấy con ngựa. Thanh Khê vội níu lại, mà rằng:

– Không được. Một mình huynh không thể đánh lại từng đấy người. Huynh đi ngay kéo hòng việc lớn. Chúng không tìm được huynh thì chẳng có cơ để bắt tội ông. Đừng chần chừ nữa, đi đi.

Thanh Khê nói như quát, Thái sức tỉnh tâm trí, vội vào bụi cây tháo dây cột ngựa, một con cưỡi, hai con còn lại thông dây dắt theo, vẫy tay tạm biệt người ở lại rồi phi nước kiệu về hướng nam. Thì ra trong cơn nguy cấp, đôi lúc nữ binh thường tinh táo hơn trượng phu hảo hán.

Chương 6

Nổi trận lôi đình, Lý Hăng tung quân lùng thám báo

Thừa cơ đốt trại, Thế Quang dẫn đội vượt quan phòng

Lý Hăng có tướng mạo hộ pháp, mặt vuông chữ điền, mắt sâu mày rậm, để râu ba chỏm, thân thủ bất phàm, tính khí nóng nảy, phi ngựa vượt năm trăm dặm không cần nghỉ, thường mặc áo da báo thay giáp trụ mỗi khi đánh trận, bất kể ngày đêm luôn có hai viên tả hữu là Đái Thập Nhã và Nhan Hợp túc trực để sai khiến. Trong kế hoạch chinh Nam, mãnh tướng Lý Hăng được giao phó chỉ huy một đạo quân thiện chiến dưới quyền điều động trực tiếp của Trần Nam Vương Thoát Hoan, thống soái tối cao cuộc xâm lăng Đại Việt.

Vốn người Tây Hạ, tổ tiên của Hăng thuộc bộ tộc Đảng Hạng từng lập nên một quốc gia hùng mạnh ở vùng tây bắc Trung Quốc, tồn tại gần hai trăm năm thì bị diệt vong bởi người Mông Cổ. Y sinh ra khi nước đã mất, do được nuôi dạy trong lều trưởng thảo nguyên vốn lấy triết lý “mạnh được yếu thua” làm cơ sở sinh tồn trên vùng đất bán hoang mạc, nên kẻ mang dòng máu chính thống của liệt tổ Hạ Cảnh Tông đã chẳng mảy may trui rèn ý chí phục quốc, gây dựng lại đế nghiệp của cha ông, mà sớm nuôi hoài bão đầu quân để chế Mông Cổ, làm thuộc hạ dưới trướng soái phủ Hốt Tất Liệt lẫy lừng. Cho rằng, thà lĩnh ấn tiên phong của ngoại tộc trong cuộc chinh phạt thế giới để được lưu danh thiên cổ, còn hơn nuôi ảo vọng vun đắp tro tàn tô đắp lại một vương triều đã tận số, Hăng năng nổ lập công như một cách tỏ lòng trung thành với Đại Hãn, vừa tham gia bắt sống Văn Thiên

Tường, đã xằng xái cất quân tiếp ứng Nhai Sơn, hóa kiếp nhà Nam Tống.

Bấy giờ Lý Hằng đang thao dợt võ nghệ với bộ hạ trên bãi cỏ rộng lớn phía sau doanh trại. Giữa cái rét căm căm, Hằng cởi trần cưỡi ngựa, tay cầm xà mâu đấu với thương và đao của hai thủ túc Đái Thập Nhã và Nhan Hợp. Ba cặp người ngựa quần thảo tít mù trong tiếng hò reo tán thưởng của đám binh sĩ vây quanh. Đang giữa trận đấu, một tiểu tốt từ ngoài cổng trại chạy vào hét rõ to cốt để chủ tướng nghe được:

– Bẩm đại nhân, có người xin tiếp kiến.

Hằng nghe thấy nhưng vẫn đánh hết hiệp mới dừng, hỏi:

– Ai muốn gặp?

Tên lính thưa:

– Quan tri huyện Long Châu muốn gặp ngài để bẩm báo việc hệ trọng.

Hằng bảo:

– Kêu vào đây.

Tên lính lại chạy nhanh ra cổng.

Gã huyện lệnh được dẫn vào bãi tập. Thấy thái độ khinh khỉnh của đám lính tráng trong sân, sự oai vệ của một huyện quan biến mất, thay vào đó là điệu bộ rụt rè, ngơ ngác. Binh sĩ dưới trướng Lý Hằng đa phần là người thảo nguyên với tướng mạo to cao, mặt mũi hung tợn, lại từng nửa đời chinh chiến trên mình ngựa nên chẳng việc gì phải kính cẩn một viên quan nhỏ Hán tộc mới quy phục hoàng đế Đại Nguyên được mấy năm.

Hằng không thèm xuống ngựa, ngồi trên cao hỏi vọng xuống:

– Người cần gặp ta có việc gì?

Quan huyện khúm núm vái chào và nói:

– Bẩm Tả thừa đại nhân, hạ quan Dương Tự Quán, huyện lệnh Long

Châu muốn báo cáo với ngài về hành tung của bọn thám báo An Nam.

Lý Hằng nghe thấy vậy, liền xuống ngựa, mặc áo xống và cho giải tán thảo trường, rồi mời khách về phủ soái.

Nổi bật giữa hàng chục dãy lầu hình bát úp là một khu lầu hoành tráng vượt bậc, đấy là phủ trung quân, nơi trú đóng của chủ tướng Lý Hằng. Trước cửa phủ cắm tướng kỳ đuôi nheo màu nghệ thêu đại tự Lý tả thừa đồ chói. Tám lính canh vác đoản đao tuần tiểu qua lại bốn mặt phủ, hai hàng giáp binh cầm trường kích uy nghi trước lối vào. Túc trực sau rèm gấm trong phủ soái là hai vệ sĩ to như trâu mộng, mặc trang phục nỉ xanh bó sát làm hằn lên những bắp thịt cuộn cuộn, thắt đai lưng da bò to bản cài dao ngắn mũi cong, thấy chủ tướng bước vào cả hai cúi rạp người kính cẩn. Nội thất bên trong được soi sáng bởi sáu đôi bạch lập cỡ bằng cổ tay, nền phủ lót thảm Ba Tư rực rỡ, chính diện kê trường kỷ không chân bọc da cộp đặt những chiếc gối nhồi lông ngỗng dùng để dựa lưng và gác đùi, phía sau kỷ treo nhiều liễn vàng son chói lóa, trước kỷ là án thư chân quỳ chạm mặt quý La Hầu, trên án đặt nghiên bút và ấn kiếm tướng soái, xung quanh vách phủ bày biện vô số binh khí và các vật phẩm quý hiếm được vơ vét từ các cuộc chinh phạt.

Viên Tả thừa lơ dềnh ngả người vào chiếc gối nhồi lông trên kỷ, tay chống cằm, mắt lim dim như chẳng buồn chú tâm vào những lời thưa thốt của viên huyện lệnh đang đứng chấp tay rúm ró.

Nguyên do trong một lần hội tướng, Trấn Nam Vương chỉ thị cho Lý Hằng “Việc tập trung binh lực thảo phạt khó mà tránh được sự dòm ngó của bọn người Nam. Thế nào chúng cũng phải thám báo đột nhập đất Nguyên để dò la tin tức. Người trú đóng gần biên giới phải cẩn trọng đề phòng, thường xuyên tuần tiểu các nơi xung yếu, cử người giỏi lòng sục gian tể,

thấy kẻ khả nghi thì bắt về tra xét”. Thừa lệnh đại vương, Hăng lập một đội thám tử gồm mười hai tên do viên chiêu thảo dưới quyền là Lâm Trung Đối đầu lĩnh, giả dạng làm dân thường, chia nhau đi các nơi tìm kiếm dấu vết gián điệp. Đối có chút công lao từ hồi trà trộn vào quân Nam Tống thu thập thông tin quân sự của đối phương báo về cho Lý Hăng, nên được y rất tin tưởng. Hăng nghĩ, “Cả đội thám tử chuyên nghiệp của ta chẳng phát hiện được đứa An Nam khả nghi nào, tên huyện lệnh này chắc chỉ phong thanh tin dấm dớ.”

Đến khi nghe Tự Quán nói, “Một chục tên thám báo dự định đêm nay trốn về An Nam,” Hăng liền bật dậy, mắt trợn trừng quát lính kê ghế mời khách an tọa rồi hỏi han đầu đuôi cặn kẽ.

Huyện lệnh tuy chẳng biết gì nhiều nhưng muốn tăng công với Tả thừa nên làm mặt quan trọng mà thêm thắt bày đặt thông tin về thám báo theo trí tưởng tượng của y:

– Theo điều tra của hạ quan, bọn này đã thu lượm được nhiều tin tức về đại quân thiên triều. Lực lượng binh mã, khí giới, lương thảo, ngày khởi binh, đường tiến quân của ta, chúng đều nắm được hết. Nghe nói chúng còn vẽ cả sơ đồ để đem về nước. Hạ quan đã cho người đi vây bắt, nhưng lực lượng ít ỏi quá, chỉ sợ chúng trốn thoát.

Nghe đến đây, bản lĩnh năng động của viên tướng dày dạn trận mạc trỗi dậy, biết cơ hội lập công đã đến, Lý Hăng gầm lên như cọp rống:

– Đái Thập Nhã và Nhan Hợp nghe lệnh.

Hai viên thủ tục cùng đáp, “Có tiểu tướng,” rồi bước ra giữa lều đứng khoanh tay đợi lệnh.

Hăng sai truyền:

– Đái Thập Nhã điều động một trăm quân bộ chia làm nhiều hướng

hỏa tốc cấp báo các quan phòng và ải trấn, phong môn bắt xuất từ Giang Châu đến Ninh Châu, tăng cường phòng bị, tuần tra ráo riết các đường mòn lối nhỏ, thấy kẻ tình nghi phải bắt cho được, nếu chống cự thì giết không tha. Nhan Hợp dẫn hai trăm quân kị càn quét các làng bản, thị tứ ở Ninh Châu hễ gặp người An Nam thì bắt hết giao cho quan sở tại canh giữ, tiếp ứng cho Đái Thập Nhã khi cần bao vây tiêu diệt thám báo.

Thập Nhã và Nhan Hợp đồng thanh hô lớn, “Xin phụng lệnh,” rồi khẩn trương ra ngoài thực thi công vụ. Quân lệnh như sơn, đám lính đang ăn trưa vội buông bát, sửa soạn binh khí, cài nịt áo, thắt yên cương, leo lên ngựa phóng rầm rập ra cửa trại, tỏa đi các hướng theo sự điều động của hai viên tiểu tướng. Quân Thập xưa nay vẫn vậy, với một bao đựng thịt sấy và một túi da dê đựng nước, chúng có thể vừa hành quân vừa ăn uống trên mình ngựa.

Điều quân xong, Lý Hằng quay sang bảo Tự Quán:

– Nay ghi nhận công lao của huyện lệnh, mấy ngày nữa Trấn Nam Vương thân chinh ngự đảo, bấy giờ ta sẽ bẩm báo để Người khen thưởng.

– Đội ơn đại nhân. Được ngài chiếu cố quả là phúc lớn của hạ quan, xin nguyện trung thành với ngài mãi mãi về sau.

Tự Quán mừng khắp khởi, lòng tự nhủ phen này phải leo cao, lúc ấy sẽ trả cho hết ân oán với những kẻ ức hiếp y lâu nay.

Chiêu thảo Lâm Trung Đối và một tên thuộc hạ La Tiểu Hiệt mò tới trấn Hồ Biên, liền đến gặp chức sắc hỏi han tình hình dân cư. Viên quản bạ địa phương cho biết:

– Cư dân trong trấn chủ yếu là người Hán và người Tráng, người An

Nam không cư ngụ ở đây, nhưng thỉnh thoảng cũng có vài ba người đến buôn bán.

Đới hỏi:

– Hiện họ còn trong trấn không?

Quản bạ đáp:

– Còn đấy. Có mấy người đến đây chừng bốn, năm tháng trước, thuê căn nhà nhỏ ở cuối trấn. Nghe nói là dân buôn thuốc.

Gửi xong ngựa, theo chỉ dẫn của quản bạ, Đới và Hiệt tìm đến nhà của anh em Đào Thế Quang khi trời đã chạng vạng. Do địa hình trống trải, hai tên thám tử không thể tiếp cận ngôi nhà, đành ẩn náu trong bụi cây, rình mò từ xa. Chờ tối mịt, viên chiêu thảo lên vào nghe trộm qua khe vách. Khi trăng mọc, sợ bị lộ, Đới đành quay ra. Hắn nói với thuộc cấp:

– Chúng có ba tên, khả nghi lắm. Ta chỉ nghe lồm bồm được ít câu. Tên đại ca nói sớm mai sẽ đi điều nghiên cái gì đó, nó còn dặn đưa em gắng kiếm cho được ngựa. Phải ở đây đêm nay mà theo dõi động tĩnh của chúng, xác định đúng người rồi sẽ cấp báo cho chủ tướng để ngài đưa quân đến vây bắt.

Khi Thế Quang bước ra ngoài sân nhìn ngắm khung cảnh đêm trăng tịch mịch, ánh sáng bàng bạc soi tỏ mặt người, Đới chỉ tay và dặn dò Hiệt:

– Nó chính là đầu lĩnh, khi cần động thủ phải hạ tên này trước.

Tiểu Hiệt đề nghị:

– Nó đứng một mình, hay ta áp sát bắt sống?

Trung Đới gạt đi:

– Liều lĩnh chỉ tổ hỏng việc. Nếu chúng là thám báo tất giỏi võ nghệ. Sơ sinh làm kinh động hai thằng trong nhà, chúng kéo ra thì ta và người

khốn to.

Trời tảng sáng, Tiểu Hiệt dựa gốc cây lơ mơ ngủ, bị Đới đánh thức bằng cái hích cùi chỏ vào hông. Từ trong ngôi nhà có một người khoác tay nải bước ra nhìn quanh, rồi nhắm hướng bắc bộ hành. Xác định đúng kẻ khả nghi hàng đầu, với bảo đàn em:

– Phải theo thằng này. Xem nó định điều nghiên cái gì?

Chờ cho đối tượng đi được một đoạn, hai tên thám tử của Lý Hằng âm thầm bám gót.

Đào Thế Quang rời nhà từ sáng sớm, khi các em còn ngủ say. Chàng quyết định đến một trại Nguyên cách Hồ Biên chừng hai chục dặm. Năm bắt thông tin từ những người chào bán thuốc về một loại công cụ to lớn công kênh được kéo đến trại dăm ngày trước, Thế Quang muốn tìm hiểu thực hư và xác định có phải là vũ khí dùng vào cuộc thảo phạt Đại Việt? Đi được nửa đường, linh cảm có kẻ bám theo, đôi lần chàng đảo mắt nhìn mà không thấy ai cả.

Tới gần trại giặc, từ đằng xa đã thấy mười hai cỗ cự thạch pháo to như cái tháp canh xếp hàng hai trên một bãi đất rộng, xung quanh có đầy lính túc trực, chàng nghĩ: “Bọn Mông Thát vận chuyển nhiều máy bắn đá đến sát biên giới hẳn nhiên dùng vào việc phá thành nước Nam. Bằng mọi giá đêm nay phải trở về, Đại Vương sớm biết tin ắt có đủ thời gian trù liệu kế sách đối phó”. Mặt trời lên cao, đứng nấp sau gốc cây thấy bóng cây và bóng mình để dài một hướng nhưng không liền khít, Thế Quang chột ngoái lại hàng cây phía sau. Nhìn bóng nắng, chàng phát hiện hai gốc cây có người ẩn nấp, bèn vội tháo lui vào rừng.

Nhờ có kinh nghiệm nguy trang, hai gã thám tử Nguyên kịp thời ẩn nấp vào gốc cây, mồm đá hoặc nằm rạp xuống đất khi đối tượng có cử chỉ

ngoảnh đầu. Thấy kẻ khả nghi náu mình quan sát trại Nguyên, Đới bàn bạc với Hiệt:

– Nó chắc chắn là gian tế. Chỉ có thám báo thì mới mò đến đây rình rập. Chờ nó đi khỏi, ta sẽ bám theo, còn người nhanh chóng quay về lấy ngựa, khẩn cấp báo tin cho Lý tướng quân, dẫn đường cho ngài đến Hồ Biên vây bắt cả bọn.

Ngoảnh đi ngoảnh lại đã thấy đối tượng mất hút phía bìa rừng. Biết hành vi theo dõi bị lộ, kẻ gian đang nhanh chân đào tẩu, ý hai chọi một, Trung Đới quyết định ra tay tức thời. Chúng hộc tốc đuổi theo Thế Quang, hy vọng sẽ tóm cổ được người đội trưởng thám báo nước Nam.

Cho rằng kẻ đeo bám đã phát hiện được hành tung của mình từ Hồ Biên, cần sớm loại trừ để tránh hậu họa, Thế Quang chẳng hề trốn chạy như chúng tưởng, chàng cố tình dụ hai tên thám tử rời xa trại Nguyên, bấy giờ sẽ động thủ mà không đánh động bọn lính trong trại.

Lâm Trung Đới và La Tiểu Hiệt lăm lăm dao nhọn dáo dác tìm kiếm bóng dáng của đối thủ trong khoảnh rừng hoang vắng, chợt có tiếng động sột soạt phía sau, cả hai quay đầu phòng thủ. Dùng chiêu liệng đá đánh lạc hướng, từ một nhánh cây cao, Thế Quang bất ngờ nhảy vọt xuống sau lưng đối phương, chân chưa chạm đất thì mũi dao nhọn của chàng đã cắm vào mạng sườn của Tiểu Hiệt, chớp nhoáng lại vung dao lia ngang bụng Trung Đới. Viên Chiêu thảo ngả người tránh đòn rồi khua dao đánh trả. Tiểu Hiệt gục trên vũng máu, tình thế một chọi một chẳng hề làm ai nao núng. Quyền cước và kiếm thuật được cả hai thi triển quyết liệt hòng giết cho được người kia. Trung Đới dùng cánh tay chặn tay dao bổ xuống của Thế Quang, còn tay kia đâm dao vào ngực đối thủ. Thế Quang vịn người né đòn, mũi dao trượt qua sườn làm manh áo rách toạc, Trung Đới mất đà, loạng choạng.

Chỉ chờ có thế, Quang quay ngang tay dao chích thẳng vào cổ họng Đới. Gã Chiêu Thảo buông dao, dùng tay bịt vết đâm đang phun máu thành vòi, rồi ngã vật xuống giãy chết.

Thấy một toán kị mã rời trại hướng về phía mình, biết bọn tuần tiễu sẽ đi qua, Thế Quang lẩn sâu vào rừng, tìm đường trở về Hồ Biên.

Phạm Thái về đến Hồ Biên khi trời trặng vắng tối. Dọc đường mấy lần suýt chạm trán quân Nguyên, may chàng phát hiện sớm nên người ngựa kịp thời ẩn nấp, tránh được trận đụng độ bất đắc dĩ. Thấy các toán lính phi như bay về hướng biên ải, Thái biết quân Nguyên đã được báo động, đang tổ chức ngăn chặn mọi nẻo đường tẩu thoát của thám báo Đại Việt.

Tìm chỗ giấu ngựa, Thái khẩn trương về nhà. Thấy Thế Quang và Đỗ Thành đang thối nấu bữa tối, chàng kể vắn tắt tình hình rồi đề nghị không chờ đến nửa đêm mà nên đi ngay, đề phòng quân Nguyên ập đến vây bắt. Thế Quang không kể với các em về việc loại trừ hai tên thám tử Nguyên, chàng cho rằng chúng đã chết, không còn là mối nguy hại nên chẳng cần lưu tâm. Bỏ lại bữa cơm chưa kịp dọn, ba anh em cạy tấm phản chỗ Thế Quang ngủ, lấy một bọc vải lớn từ ngăn gỗ bên dưới, cắt dây cột, lôi ra ba thanh đoản đao sáng loáng. Mỗi người mang một túi lương thực và nước uống, huynh trưởng cầm theo chiếc nỏ treo trên vách nhà, ngoài ra bỏ lại tất. Họ thối đèn và cài cửa, lặng lẽ hòa vào bóng đêm, lấy ngựa rồi phi nước kiệu về hướng đông nam.

Thái không hề chọn ngựa theo lời Thanh Khê dặn dò, chính các huynh bảo chàng cưỡi ngựa ô, vì là em út nên được nhường con ngựa to khỏe nhất, còn Thế Quang và Đỗ Thành mỗi người cưỡi một con ngựa nâu.

Do tình thế biến chuyển bất lợi, nên phải hành động quyết đoán mới mong thoát được về nước. Trên đường đi, Thế Quang nát óc suy nghĩ tìm cách vượt qua lưới vây bủa của địch. Cách nào cũng mạo hiểm, song táo bạo bất ngờ có lẽ là phương cách khả dĩ nhất. Nghĩ sao quyết vậy, Thế Quang kìm ngựa, chờ hai em đi sau bắt kịp, chàng nói:

– Phía trước là Tam Đầu, nơi phân chia ba con đường dẫn đến ba quan phòng. Đường đến quan phòng Trạm Nhai và Pắc Pình hiểm trở, heo hút. Giặc Nguyên biết ta đã bị lộ tất nghĩ ta sẽ chọn nơi khó tìm kiếm, khó vây bắt để vượt qua, chúng sẽ tăng cường đón lõng, mai phục chờ ta đến. Đường qua quan phòng Quế Khẩu dễ đi hơn nhiều, cũng dễ bị phát hiện nên chúng sẽ nghĩ ta không dám đi đường này, vậy ta cứ đi đường này rồi tùy cơ ứng biến.

– Cứ theo ý huynh trưởng vậy. – Đỗ Thành nói.

– Nhất trí. Nào ta đi thôi. – Phạm Thái tiếp lời.

– Khoan đã.

Thế Quang nói rồi nhảy xuống ngựa, dùng đao chặt một nhánh cây ven đường, đưa cho Đỗ Thành và bảo:

– Đệ cột vào đuôi ngựa để xóa dấu chân trên đường, chỉ cần xóa vài dặm đầu thôi.

Trong lúc Thành lo cột cành cây vào đuôi ngựa của mình, Thế Quang tranh thủ dặn dò các em:

– Còn một điều rất quan trọng các đệ phải ghi nhớ để về trình với Đại Vương. Hôm qua huynh phát hiện bọn Nguyên vận chuyển tới Ninh Châu mười hai cỗ cự thạch pháo, đây là loại máy bắn đá dùng để phá thành rất lợi hại, mỗi máy có nhiều sào, khi vận hành mỗi sào phóng ra một viên đá to cỡ người ôm có thể phá sập tường thành, tháp canh và nhà cửa bên trong.

Nghe nói trong trận công thành Biện Kinh quân Thát dùng tám cỗ cự thạch pháo mà phá tan hoang kinh đô nước Kim. Chúng đem loại máy này sang ta chắc định dùng vào việc công phá Thăng Long, nếu nắm được ý đồ của giặc thì Đại Vương sẽ có cách trừ liệu. Các đệ đã rõ chưa?

– Đã rõ. – Đỗ Thành và Phạm Thái cùng đáp.

Ba tráng sĩ thúc ngựa hàng một, men theo sườn núi hướng về quan phòng Quế Khẩu cách chừng bảy mươi dặm đường. Đỗ Thành đi sau cùng, đám lá cây xòa nhòa dấu chân ngựa in lên bụi đường, song cũng để lại lác đác vài chiếc lá rơi rụng.

Thời bấy giờ, nhà Nguyên bố trí quan phòng tại những đường hiểm yếu dẫn tới biên ải với chức năng phòng thủ vùng biên và cấp báo bằng hỏa đài khi biên cương bị xâm lấn, mỗi quan phòng biên chế năm mươi lính thú. Cách quan phòng vài ba chục dặm thì tới đồn biên, là cửa ải nằm sát biên giới với ba mươi lính tuần làm nhiệm vụ kiểm soát người qua lại và tuần tiểu đường ngang lối tắt.

Sau khi cử mười hai toán quân hỏa tốc cấp báo tới các quan phòng, biên ải mệnh lệnh chốt chặt quan ải để phòng thám báo An Nam vượt thoát, Đái Thập Nhã dẫn theo năm mươi quân vận động phía sau làm nhiệm vụ tương trợ các hướng khi phát hiện dấu hiệu của kẻ gian. Sự phán đoán của Thế Quang hoàn toàn có căn cứ, vì trước đó khoảng một canh giờ, đội truy sát của Đái Thập Nhã đã dừng lại ở Tam Đầu bàn tính đường tẩu thoát của thám báo đối phương. Chúng tin rằng kẻ chạy trốn sẽ không dám đi đường quang mà tìm cách lẩn vào miền rừng núi âm u để khó bị phát hiện. Thập Nhã quyết định chia số lính làm đôi, trực chỉ Trại Nhai và Pắc Pênh.

Đám kỵ binh của tiểu tướng Nhan Hợp cũng chia làm hai mũi càn quét các làng bản trong vùng. Một mũi kéo đến Mai Lâm, đi dọc đường gặp lũ

sai nha đang áp giải một lão già lụ khụ về huyện, chúng hỏi thì được biết nghi phạm đã cao chạy xa bay, đám kị mã bèn quay sang hướng tây tiến vào vùng Giang Châu. Một mũi do Nhan Hợp đích thân chỉ huy ập vào Hồ Biên, sau khi nhận được tin báo từ cửa miệng tên thám tử La Tiểu Hiệt.

Số là Tiểu Hiệt chưa chết, vết thương không đoạt mạng nhưng ra nhiều máu khiến hấn kiệt sức. Khi bọn tuần tiểu phát hiện thấy, hấn thều thào được một câu, “Cần cấp báo với Tả thừa Lý Hằng...” Viên đội trưởng cho băng bó tạm rồi khiêng Hiệt lên mình ngựa, sai hai tên kị mã tháp tùng hấn về quân doanh của Lý tướng quân. Dọc đường họ gặp đội truy kích của Nhan Hợp.

Được viên bá hộ địa phương dẫn lối, chúng tới căn nhà của ba anh em Thế Quang, đập cửa xông vào nhưng chẳng có ai để bắt. Thấy bếp lửa còn than chưa lụi, nồi cơm đầy còn bốc hơi, biết nghi phạm vừa rời nhà không lâu, Nhan Hợp bèn dẫn quân khẩn trương truy kích về hướng biên giới, bỏ qua việc lùng sục vào các bản làng khác, đồng thời sai người quay về doanh báo cáo tình hình với chủ tướng.

Đến Tam Đầu, lấy đuốc soi đường, Nhan Hợp nhìn dấu chân ngựa biết Đái Thập Nhã chia quân kéo lên Trại Nhai và Pắc Pênh, còn lối về Quê Khẩu không thấy dấu hiệu người ngựa đi qua.

Nhan Hợp cho rằng phải có nguyên do thì Thập Nhã mới kéo lên các quan phòng hiểm trở kia, nên y cũng chia đôi số quân, một nửa đi Trại Nhai, một nửa theo y đi Pắc Pênh, coi như hướng nào đụng độ thám báo cũng có quân tiếp ứng.

Đi được chừng năm dặm, Nhan Hợp dừng ngựa đột ngột khi chợt nhớ đến một điều khác lạ mà lúc ban đầu nhìn thấy y chẳng hề nghĩ đó là dấu hiệu khả nghi. Lúc ở Tam Đầu, trong ánh đuốc bập bùng, Nhan Hợp loáng

thoáng thấy một lùm cây bị gãy cành, nhưng cành gãy hình như không thấy có. Trên đường rừng thiếu gì cây gãy đổ, sao lùm cây gãy cành có vẻ không tự nhiên? Hợp muốn đích thân tìm hiểu, bèn lệnh cho binh sĩ tiếp tục tiến lên Pắc Pình, còn y dẫn theo năm kỵ mã quay về Tam Đầu.

Soi đuốc vào bụi cây khả nghi ở Tam Đầu, Nhan Hợp nhận ra vết chặt cành bằng dao sắc, bấy giờ y đã hình dung được phần nào động cơ của kẻ chặt, bèn ngắt một chiếc lá làm mẫu rồi cùng mấy tên lính vừa đi về hướng Quế Khẩu vừa soi mặt đường tìm kiếm. Quả nhiên như hần đoán, có những chiếc lá rụng rải rác trên đường giống hệt chiếc lá vừa hái trên cây. Biết chắc có kẻ dùng cành cây xóa dấu chân ngựa, như vậy hướng đi đã xác định, nếu đuổi gấp có thể vây bắt được đối tượng. Song cả đội đã đi xa, chỉ với sáu người, Hợp nghĩ muốn tiêu diệt mười tên thám báo không phải dễ. Viên tiểu tướng quyết chơi ván cờ mạo hiểm, liền cử hai người phi ngựa lên Trạm Nhai và Pắc Pình điều quân quay lại hướng Quế Khẩu, còn y và ba kỵ mã tiếp tục bám theo dấu vết thám báo, với hy vọng binh lính ở quan phòng Quế Khẩu đã được báo động trực chiến.

Nhận được tin thám báo ở Mai Lâm đã tẩu thoát, Lý Hằng giận dữ, luôn mồm nhiếc móc đám mã bộ người Hán là một lũ ăn hại, không bắt nổi mấy con chuột nhắt An Nam. Hồi lâu sau lại có tin báo về cho biết Lâm Trung Đới bị giết chết, Nhan Hợp đã tìm ra hang ổ của bọn thám báo ở Hồ Biên, song chúng đã nhanh chân chuồn mất, hiện các đội đang tầm nã trên đường Tam Đầu hướng ra biên giới, Hằng lại nổi trận lôi đình, rửa xả đám quân dưới quyền chậm chạp như rùa bò nên mấy thẳng giặc có lân bang mới có cơ trốn thoát.

Mất niềm tin vào đám tiểu tốt, Hằng cho rằng phải đích thân ra tay thì mới xong việc, bèn vận giáp phục gọn nhẹ, xách xà mâu, dẫn theo năm

mười kị mã to khỏe, phi thẳng đến Tam Đầu.

Lại nói về ba anh em Thế Quang, khi đến gần Quế Khẩu, nhìn qua màn sương đêm thấy đèn đuốc lập lòe phía trước, biết chúng tăng cường tuần tra canh gác, cả nhóm xuống ngựa, ẩn nấp sau mấy tảng đá lớn ngồi bàn tính phương án vượt quan phòng. Thế Quang quyết định men theo vách núi tiếp cận quan phòng để thám thính địa thế và cách bố phòng của địch. Lúc quay ra, chàng vẫn tắt tình hình với các em, rồi nói:

– Cửa quan đã đóng, trên đường có tới bốn chục lính bộ và năm kị mã lẫn lẩn đao kiếm, nếu công bừa vào khó mà toàn mạng. Phải bày kế nghi binh may ra mới vượt thoát.

Chợt Phạm Thái chỉ tay về phía mấy ánh đuốc đang di chuyển ở khúc đèo phía dưới, nơi mà họ vừa đi qua. Tính theo đường chim bay từ đây đến Quế Khẩu chỉ chừng năm dặm, nhưng theo đường đèo uốn lượn thì phải đến ba chục dặm. Họ biết quân Nguyên đang đuổi tới, nếu hai đầu thọ địch thì khó mà chống nổi, bấy giờ cả nhóm sẽ rơi vào tình thế hiểm nghèo.

Quan phòng Quế Khẩu án ngữ con đường độc đạo vắt ngang núi Phú Lĩnh, mặt đường rộng chưa tới ba trượng, một bên là vách đá lởm chởm, một bên là vực sâu, người ngựa muốn vượt núi buộc phải qua quan phòng. Ở chỗ đường thắt lại có chiếc cổng lớn bằng gỗ, mặt cổng quay về phía biên giới, sát cổng có một tháp canh cao tới bốn trượng. Bình thường cổng không đóng, trừ khi có biến động. Cách cổng chừng năm mươi bước là khu đất thoai thoải ăn lõm vào núi có hai dãy nhà dùng làm trại cho quân đồn trú.

Là huynh trưởng, người chịu trách nhiệm chính về nhiệm vụ thám báo

và sự an nguy của cả nhóm, Thế Quang quyết đoán tức thời kế hoạch vượt quan, biết rất mạo hiểm song không còn cách nào khác:

– Ba anh em mỗi người một nhiệm vụ, phải làm thật tốt mới có cơ hội thành công. Trại giặc gồm hai dãy nhà, dãy lớn nhiều cửa là nơi ở của chúng, phía trước nhà có một tên lính canh cùng với một bó đuốc cầm trên cọc tre; dãy nhỏ chỉ có cửa đi, không có cửa sổ, chắc là kho chứa lương thảo và vật dụng, bên cạnh đấy là chuồng ngựa. Đỗ Thành đột nhập vào trại, hạ sát lính canh rồi dùng đuốc đốt kho, xong việc là nhanh chân thoát ra phía mặt đường chờ ngựa chạy qua, nhớ tuyệt đối không lộ diện, nếu ngựa không qua thì lẩn vào rừng núi lợi bộ về nước. Huynh sẽ áp sát tháp canh, chờ Thành nổi lửa là diệt tên lính trên tháp, thấy kho cháy lớn, bọn tuần tiểu trên đường sẽ lao về cứu chữa, bấy giờ huynh động thủ hạ nốt hai tên gác cổng và mở toang cánh cửa. Phạm Thái chờ tín hiệu kho cháy, thấy đám lính nháo nhào chạy về trại thì vọt lên ngựa, dắt theo ngựa của các huynh, phi nhanh tới cổng, nếu kẻ nào cản đường phải giết bằng hết để vượt qua. Các đệ đã nắm rõ chưa?

– Đã rõ. – Anh em Thành, Thái cùng đáp lại huynh trưởng bằng giọng chắc nịch của người chiến binh chấp nhận đương đầu với sinh tử.

Thế Quang nắm chặt tay hai em, quả quyết huấn lệnh:

– Nào ta cùng hành động, không chần chừ nữa.

Đỗ Thành quàng đao sau lưng, cầm dao ngắn trên tay, luồn lách qua từng mô đất đá, âm thầm như con chồn ăn đêm mà không làm di chuyển một viên đá nhỏ có thể phát ra tiếng động khiến bọn tuần tiểu dưới đường để ý. Thế Quang cầm theo chiếc nỏ, lưng cài đoản đao, di chuyển hình vòng cung, tụt khế khàng xuống khe núi rồi bò lên như một con trăn gió rình mồi và trườn vào bụi cây gần kề ngọn tháp. Phạm Thái một tay nắm chặt dây

cương hai con ngựa nâu, một tay vỗ về con ngựa ô và thầm thì với nó:

– Ngựa ô ơi, Thanh Khê tin tưởng mày lắm, nàg dẫn ta phải cùng mày trở về quê nhà. Mày gắng giúp ta vượt qua ải này nhé.

Hình ảnh người con gái thương yêu hiện về trong tâm trí làm Thái ngơ ngẩn cả người. Băn khoăn trước hậu quả tồi tệ mà ông cháu Thanh Khê đang gánh chịu, lòng chàng trai bị dày vò ghê gớm bởi ý nghĩ không biết giờ này nàg ra sao, liệu có thoát khỏi nanh vuốt của bọn sai nha hung bạo? Còn ông nữa, nỗi khốn khổ của ông là từ con cả, con biết lấy gì đắp điểm vết thương đau trên da thịt của Người? Rồi chợt nhớ đến tình đồng đội cao đẹp, thực tại lại sống động trong trí óc trang nam nhi tuấn kiệt từng đứng trước Đại Vương mà thề nguyện “Trung quân vị quốc, bất quản nguy nan, hoàn thành diệp vụ”. Các huynh đã giành lấy phần nguy hiểm nhất, nhường cho mình nhiệm vụ dễ hơn, nhất quyết phải làm thật tốt để không phụ lòng hai anh. Bụng nghĩ thế khiến tim óc thêm phần chấn, Thái căng mắt bao quát tình thế, chờ cơ hội hành động. Ánh đuốc đã biến mất sau khúc ngoặt trên đèo, như vậy đám quân đuổi theo chỉ còn cách không đầy mười dặm. Mà sao chưa thấy động tĩnh phía trại giặc, liệu Đỗ Thành có gặp trở ngại gì không? Lòng hồi hộp lo âu, Phạm Thái đứng ngồi thấp thỏm.

Bò vào tận hiên nhà lớn, bấy giờ Đỗ Thành mới biết nó được ngăn làm nhiều gian. Trong gian ngoài cùng có tiếng cười nói ồn ào, chàng nhìn qua khe cửa thấy một tên đội đang ăn uống với năm tên Mông Cổ. Thì ra viên chưởng quản quan phòng tiếp đãi bọn lính truyền tin cấp báo, điều này Thế Quang không lường được, vì huynh ấy tiếp cận mục tiêu từ xa. Nhiệm vụ trở nên khó khăn hơn, Thành quyết định làm khác đi so với phương án ban đầu, trước tiên phải hạ thủ gọn nhẹ tên gác cửa để tránh kinh động bọn bên trong, đồng thời ngăn chặn khả năng chúng lao ra truy sát.

Thành nhón chân áp sát gã lính canh từ phía sau, một tay thít vào cổ rồi bịt chặt miệng, một tay vung dao nhọn đâm xuyên ngực tên địch, khi người hấn nhũn ra, chàng kéo xác dựa lưng vào cột nhà như tư thế đang ngồi nghỉ. Xong một việc, Thành lặng lẽ cạy cửa căn nhà nhỏ, đúng như huynh trưởng phán đoán, đây là kho chứa cỏ khô và lương thực. Chàng nhẹ nhàng ôm một đồng cỏ chất bên ngoài cửa gian nhà có đám lính đang say sưa rượu chè, cũng không quên thả dăm bó trước chuồng ngựa. Xong việc thứ hai, Thành rút bó đuốc trên cọc tre, nhanh tay châm vào các bộ cỏ trước nhà rồi chạy sang đốt chuồng ngựa, bó đuốc được chàng quăng vào kho, chờ nó bùng lên mới lao ra cửa quan.

Thế Quang nấp trong bụi rậm chỉ cách tên gác cổng đứng bên phải không đầy mười bước chân. Chàng tìm chỗ thuận tiện để khi cần có thể hạ gục tên lính trên tháp canh đồng thời quan sát được động tĩnh từ phía cậu em đang đột nhập trại giặc. Vốn từng trải trận mạc, chàng biết mục tiêu đầu tiên của mình là tên địch trên tháp. Kẻ canh chòi tháp thường mang cung nỏ, vì xưa nay đây là vũ khí phòng thủ lợi hại nhất từ trên cao. Quân Nguyên nổi tiếng về khả năng cưỡi ngựa bắn cung, lúc phi ngựa chúng vẫn có thể buông tên trúng đích, hưởng hồ khi tĩnh tại. Nếu không diệt được tên này, Phạm Thái phi ngựa tới dễ trở thành mồi ngon của hấn. Căng thẳng chờ đợi Đỗ Thành ra tay, lòng nóng như lửa đốt, Thế Quang dõi mắt dăm dăm qua kẽ lá mà mãi vẫn chưa thấy dấu hiệu hành sự. Bọn lính truy đuổi đang áp sát phía sau, chẳng biết chúng có bao nhiêu tên nhưng thêm một tên kị mã kéo đến thì nhóm của chàng thêm một phần bất lợi. Cơ hội đang tuột dần, chậm trễ là thất bại.

Chợt ánh lửa bùng lên phía trại lính, trong chớp mắt thêm hai ngọn lửa nữa bốc cháy rừng rực soi sáng trưng một góc núi. Chỉ chốc lát, gió đông

bắc thối lửa cháy phần phật lan khắp tòa nhà lớn, ngọn lửa bốc cao dữ dội tạc lên nền trời đáng vẻ hã hê của vị hỏa thần đang nuốt chửng ngon lành mớ tre gỗ nhỏ nhoi do bày người xếp đặt. Tiếng ngựa hí hoảng loạn vang rờn rợn rừng đêm. Tiếng la hét tuyệt vọng của mấy kẻ bị vây hãm trong hỏa ngục dội vào vách núi cũng khiến ma quỷ rùng mình.

Ánh lửa vừa lóe sáng, Thế Quang đã chĩa nỏ lên tháp canh rồi bật lầy tức khắc. Mũi tên xuyên thẳng vào cổ họng tên lính, hấn ngáp được vài cái và đổ ập xuống. Chỉ chờ có thế, trên tay nắm chặt đoản đao, chàng phi thân khỏi bụi cây rồi hiện ra sừng sững như một vị thiên lôi từ trên trời nhảy xuống ngay giữa hai tên lính gác đang luống cuống không biết chuyện gì xảy ra, rồi với một chiêu tuyệt đao cuồng phong bạt vũ, đầu của hai kẻ vẫn sống đã lăn lông lốc trên đường. Loại xong đám lính canh, Thế Quang dùng hết sức bình sinh khẩn trương đẩy thanh gỗ dày đến sáu tấc bật ra khỏi mấy cái đai sắt, mở toang hai cánh cửa.

Khi lửa bốc lên, nghe tiếng kêu thét cầu cứu của viên chưởng quân và mấy tên Mông Cổ, đám lính đang tuần tiểu nhốn nháo lao về cứu chủ. Năm tên kỵ mã giục phi nhưng tới gần đám cháy thì mấy con ngựa hoảng loạn, khiến chúng không điều khiển nổi đành bỏ ngựa xuống bộ; đám lính thì cuống cuồng chạy về rồi quất lác nhau ôm tòi do không biết cách nào dập lửa, cảnh tượng chẳng khác gì đàn ong vỡ tổ mất phương hướng. Còn lại đám ngựa vẫn lăm lăm khí giới trên đường, chúng sợ mắc bẫy của gian tế.

Nhìn ngọn lửa cháy rực, Phạm Thái biết thời cơ đã đến, nhưng chàng vẫn nán đợi cho thật chín muồi. Chờ đám lính đổ xô về chữa cháy, thấy huynh trưởng đang nỗ lực mở cửa, Thái liền nhảy lên mình ngựa, tay trái cầm cương và sợi dây nối với hai con ngựa nâu, tay phải vung đoản đao, phi nước đại tới quan phòng. Ba con ngựa lao vun vút trên đường, tiếng vó

câu nện xuống mặt đất thành thạch khiến mấy tên lính bị bất ngờ cứ trở mắt ra nhìn mà không phân biệt nổi địch ta. Rồi có thằng hét toáng “Quân giặc”, bấy giờ đã quá muộn, con ngựa ô đã ở ngay trước mặt chúng. Một tên lúng túng khua câu liên loạn xạ, hồng ắn may móc trúng chân con ngựa đi đầu. Chú ngựa phản xạ nhanh nhẹn, co hai chân trước vọt lên cao, rồi dùng chân sau đạp lên lưỡi câu liên làm tên lính mất đà ngã dúm dụi về phía người cưỡi ngựa, Phạm Thái tiện tay phất một nhát dao vào vai hấn. Ba tên chắn ngang đường, chĩa giáo xia vào thân ngựa, một đứa đổ gục bởi trúng tên của Thế Quang từ giữa cổng bắn tới, một đứa bị lưỡi đao của Thái bổ thẳng vào đầu, một đứa bị con ngựa nâu hất tung người xuống khe núi. Hai tên còn lại hoảng sợ quá nên chạy dạt vào vách đá ẩn nấp.

Ngựa phóng tới cổng, Thế Quang nhún chân nhảy lên chiến mã của mình. Qua khỏi cổng một đoạn, đã thấy Đỗ Thành xuất hiện từ bụi cây ven đường. Ba anh em giục ngựa phi nước đại về phương nam, chẳng mấy chốc bóng họ nhạt nhòa sau màn sương.

Đám lính đang xúm xít tìm cách cứu người trong căn nhà cháy, thấy ngoài đường đánh nhau dữ dội, mấy tên lính kị nhảy lên ngựa quay ra tiếp ứng đồng đội. Ra đến nơi thì kẻ địch đã cao chạy xa bay, chỉ còn mấy cái xác nằm ngổn ngang giữa đường. Biết gặp phải đối thủ sừng sỏ, không dễ gì đương đầu với họ, lại không được ai ra lệnh, chúng chấp nhận kìm cương ngựa, chẳng đại lao vào bóng đêm truy đuổi.

Nhóm kị mã của Nhan Hợp trên đường truy kích thám báo, khi vừa qua khúc đèo cua tay áo đã thấy quan phòng Quế Khẩu cách chừng hai dặm phía trước đang bốc cháy rừng rực. Biết đã xảy chuyện chẳng lành, Nhan Hợp hò hét đám kị sĩ thúc ngựa nhanh hơn nữa. Ấp đến nơi, y được bọn lính thú cho biết:

– Gián điệp An Nam đột kích trại, hỗn chiến với quân trấn thủ rồi tháo chạy trên đường Ma Nhai.

Hợp hỏi:

– Chúng có bao nhiêu tên?

Bọn lính trả lời:

– Chắc khoảng mười mấy đứa.

Hợp lại hỏi:

– Từ đây đến biên giới bao xa?

Chúng trả lời:

– Không đầy ba mươi dặm.

Nhìn ngọn lửa đang thiêu rụi lán trại, biết không thể cứu vãn được nữa, Hợp hạ lệnh dừng tay, chấn chỉnh đội ngũ, tiếp tục tầm nã địch quân. Đội kị mã trước sau được chín người tiên phong truy kích. Đám lính trấn thủ, trừ mấy tên ở lại giữ cổng và thu dọn chiến địa, còn lại hơn ba chục tên chạy bộ tiếp ứng. Cả bọn nhanh chóng lên đường đuổi theo nhóm thám báo của Thế Quang ở cách đây không xa.

Theo lệnh của Nhan Hợp, chúng không dùng đuốc, để đối phương không nhìn thấy ánh lửa mà xác định được khoảng cách giữa hai bên.

Chương 7

Sinh lộ Ma Nhai, mãnh tướng Nguyên ý tài thiết mạng

Mật hang Tam Thạch, tráng sĩ Việt vọng quốc dẫn thân

Ma Nhai hay còn gọi là Ma Nhai Đạo là con đường đèo từ quan phòng Quế Khẩu đến quan ải Tây Phong nằm trên biên giới Việt – Nguyên, đường đất đá tuy không bằng phẳng nhưng cũng không quá gập ghềnh, người cưỡi ngựa khỏe phi nhanh thì ước chừng một phần tư canh giờ là đi hết quãng đường ấy.

Dân Nam sang đây làm ăn buôn bán lại quen gọi con đường là Sinh lộ, mà theo họ, tên gọi này do chính danh tướng Lý Thường Kiệt đặt ra. Nguyên do hơn hai trăm năm trước, Lý Thường Kiệt dẫn mười vạn quân kéo vào Trung Hoa nhằm đập tan kế hoạch tập trung quân lực của nhà Tống để chuẩn bị tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta. Sau khi làm cỏ Khâm Châu, Liêm Châu và Ung Châu, quân Việt bắt sống được nhiều người Tống đem về nước. Trên đường trở về, đoàn quân của Lý Thường Kiệt qua Ma Nhai Đạo, khi nghe tướng sĩ báo tin “Bọn tù binh thà chết không chịu đi, vì sợ sang ta phải làm nô lệ”, ngài bèn đến tận nơi bảo với họ rằng:

– Các người bại trận, theo lý thì phải giết. Ta đã tha chết còn cho sang Đại Việt sinh sống, đây chính là sinh lộ của các người đó, ai theo ta tới nước Nam sẽ được cấp đất mà làm ăn bình thường.

Thế là họ đồng lòng theo ngài cả. Nghe nói nhà Lý cho đám tù binh, hàng binh đến vùng Hoan Ái khai khẩn, sinh cơ lập nghiệp yên ổn đến nay đã được sáu, bảy đời.

Nhan Hợp đã rõ về quăng đường, y biết nếu không bám đuôi khấn trương thì chốc lát thôi bọn gian tặc có thể đào thoát sang biên giới, bấy giờ thành công toi. Vừa thúc ngựa phi hồi hải, Hợp vừa nghĩ trong bụng: “Mấy tên thám báo nhãi nhép mặc sức đốt giết vì chưa gặp phải đối thủ xứng tầm, nếu ta đến sớm hơn thì chúng có chạy đằng trời. Năm xưa ta từng độc chiến với bảy, tám dũng sĩ Nam Tống, còn đánh chúng thua liểng xiểng. Huống hồ bây giờ đối đầu với lũ An Nam bé nhỏ, tầm thường.” Tuy vậy, y cho rằng cũng không nên khinh suất, nếu gặp phải đối thủ lợi hại thì vừa đánh vừa cố hãm đường tháo lui của đối phương, chờ quân bộ kéo tới, bấy giờ sẽ bao vây tiêu diệt. Đây là chưa tính đến toàn quân trên đường Trạm Nhai và Pắc Pình đang quay về, nếu họ tới kịp lúc thì coi như mười mấy tên thám báo đến ngày tận số.

Mấy con ngựa của huynh đệ Thế Quang đã thấm mệt, là ngựa thồ mà phải phi nhanh như ngựa chiến làm chúng mau xuống sức, bước chạy càng lúc càng uể oải, nếu không được nghỉ và uống nước thì chúng có thể gục xuống bất cứ lúc nào. Ba anh em cũng mệt và đói khát, mấy bình nước lại chẳng còn một giọt. Đi ngang một con lạch chảy ra từ khe đá, dù biết rất mạo hiểm, Thế Quang vẫn quyết định dừng chân cho ngựa uống nước, họ cũng tranh thủ ăn uống để có thêm sức lực vượt qua biên giới. Thực phẩm mang theo đủ dùng cho hai ngày, ngoài mấy vắt rơm được bẻ vụn cho ngựa ăn, số còn lại vứt hết, bình nước cũng bỏ đi, áo bông mặc trên người cũng cởi ra, tất cả nhằm giảm bớt sức nặng cho ba con ngựa đã đuối sức.

Theo ước tính của Thế Quang, đi chừng bảy dặm nữa sẽ tới ba tảng đá chồng, vốn được mấy anh em đặt biệt danh là Tam Thạch. Đó là một mỏm núi lớn bị nứt ngang dọc, tạo ra những khe nhỏ trông như ba tảng đá được chồng lên nhau, gồm hai tầng ở dưới và một tầng ở trên. Lâu nay khi vào ra

Trung Quốc họ đều qua quan ải Tây Phong như mọi người dân vẫn qua lại làm ăn buôn bán. Nhưng phòng trường hợp nguy cấp, Đại Vương đã nhờ người địa phương tìm một con đường kín đáo để các tráng sĩ khi cần thiết có thể đào thoát nhanh chóng. Mỗi dịp qua Ma Nhai Đạo, ai cũng ghi nhớ trong đầu vị trí Tam Thạch, nơi có lối đi bí mật dẫn đến khe Tả Pạc nằm ở phía tây Lộc Châu, cách cửa khẩu Tây Phong chỉ bốn dặm.

Nghe trong hơi gió vó tiếng có câu dồn dập, nhưng không nhìn thấy ánh đuốc trên đường, Thế Quang đoán bọn Nguyên bám đuôi đã tắt hết đuốc nhằm đột kích bất ngờ, chàng và các em vội vàng nhảy lên mình ngựa, phóng thẳng. Quả nhiên mấy con ngựa đã hồi phục một phần sức lực, nên bước chạy khỏe khoắn hơn nhiều. Chỉ vượt qua một đoạn ngắn nữa thôi, khi mấy anh em rẽ vào lối mòn bí mật thì khả năng thoát hiểm đã ở trong tầm tay.

Nhưng họ không ngờ rằng có những yếu tố chẳng thể lường trước được.

Đã một tháng nay, các quan phòng và cửa ải tiếp giáp Đại Việt được lệnh tăng cường tuần tra, đề phòng gian tế xuất nhập dò la đại binh thiên triều. Bất luận ngày hay đêm, mọi kẻ qua lại vùng cận biên giới đều bị tra hỏi, khám xét kỹ càng. Trên cung đường Ma Nhai Đạo, bọn chưởng quản Quế Khẩu và Tây Phong thỏa thuận trách nhiệm chung, cứ hai canh giờ luân phiên cắt cử một đội gồm sáu kỵ mã tuần tra trên đường. Vào thời điểm ấy, có một toán lính cưỡi ngựa từ Tây Phong đang tuần tiểu về hướng Quế Khẩu.

Đang nỗ lực phóng tới cột mốc ba hòn đá chồng, bất chợt anh em Thế Quang nhìn thấy ánh đuốc đằng xa, định tìm chỗ ẩn nấp, nhưng xung quanh chỉ có vực sâu và đá núi dựng đứng.

Huynh trưởng nói:

– Cứ đi tiếp rồi tùy cơ ứng biến.

Họ thả nước kiệu, dàn hàng ngang tiến về phía trước.

Khi vừa đối diện sáu tên kỵ mã, thì đám quân phía sau cũng ập đến, ba tráng sĩ kìm ngựa, tay nắm chặt đoản đao, chờ xem động tĩnh của đối thủ. Biết rơi vào tình thế hiểm nghèo, Thế Quang nghiêm giọng bảo hai em: “Khi có lệnh, các đệ xông lên phá vây, huynh sẽ quyết tử với đám phía sau, chặn đường không cho chúng đuổi theo. Rõ chưa?”. Đỗ Thành và Phạm Thái cùng đáp: “Rõ” mà không dám nói gì thêm. Họ biết huynh trưởng chấp nhận hy sinh để các em có cơ hội vượt thoát.

Hai tiểu đệ vẫn hướng ngựa về phía trước, riêng Thế Quang quay ngựa lại, sẵn sàng nghênh chiến với bọn giặc bám đuổi đằng sau. Ba người họ tạo thành thế chân kiềng vững chãi, lăm lăm khí giới trên tay, quyết một phen sống chết với quân thù.

Tiểu tướng Nhan Hợp chợt dạ khi thấy đối phương chỉ có ba người mà không phải mười mấy người, hấn sợ bị tập kích nên dặn đàn em “Đề phòng quân mai phục”. Nhưng nhìn quanh chỉ thấy đá núi dựng thẳng và vực sâu hun hút, không có chỗ nào để em quân. Hợp cho rằng “Thôi kệ, nghĩ nhiều ắt phân tâm, chúng ít quân ta càng dễ diệt”. Ước lượng tình thế đôi bên, Nhan Hợp chắc mẫm mấy tên thám báo khó trốn thoát, nhưng bắt được để khai thác vẫn hơn là giết chết. Hấn bèn giơ tay ra lệnh cho đám kỵ mã án binh bất động, một mình cưỡi ngựa tiến đến cách anh em Thế Quang mười trượng, rồi nói:

– Mấy người An Nam nghe đây. Các người hết đường chạy rồi. Nếu xuống ngựa quy hàng, ta sẽ mở cho một con đường sống. Nhược bằng ngoan cố thì đây chính là tử lộ của các người.

Thế Quang cười gằn, cao giọng:

– Quân bay đông thật đấy. Nhưng đừng tưởng dễ hạ gục bọn ta. Cờ mình người thì ta không thêm đánh, thách năm tháng xông lên một lúc đó.

Chàng biết, nếu diệt được tên chỉ huy, đám quân như rắn mất đầu ắt rúng động, bấy giờ sẽ có cơ hội thoát hiểm.

Hợp nóng mặt bởi lòng kiêu hãnh bị xúc phạm mà không biết đang bị đối phương khích tướng, hấn hét to:

– Giặc An Nam chớ có ngạo mạn. Mình ta cũng đủ tiền người về Diêm phủ. – Rồi khua giáo, sẵn số lao đến.

Thế Quang cũng chẳng kém, vung đao quát trả:

– Giặc Nguyên ngông cuồng. Sinh lộ của ta chính là tử lộ của người đấy.

Họ quần thảo quyết liệt trên khúc đường nhỏ hẹp, tiếng binh khí va chạm chan chát, người ngựa đôi bên lúu rúu vào nhau tạo thành một cái bóng không rõ hình hài chuyển động thoăn thoắt dưới ánh trăng mờ mới ló qua ngọn núi. Nhan Hợp to khỏe và dày dặn trận mạc, đường đâm lực gạt từ ngọn thương của hắn có thể giết chết một con bò rừng. Thế Quang nhanh nhẹn và dũng khí, lại có võ công điêu luyện, lưỡi đao sắc bén của chàng thừa sức chặt đôi một gốc tre già đặc ruột. Lợi dụng ưu thế ở chỗ đường rộng, Hợp đâm một nhát mạnh như vũ bão vào đối phương bấy giờ đang ở phía vách núi nên khó bề xoay sở, Thế Quang gập người sát vào bụng ngựa tránh đòn, đường giáo đâm vượt qua lưng làm rách bung chiếc áo, chàng nhanh tay lia đao chém vào chân con chiến mã của đối thủ. Khi con ngựa khụy xuống khiến người Nhan Hợp đổ về phía trước làm hở phần lưng, cũng là lúc Thế Quang nhổm lên xả một nhát đao chí mạng ngang hông tên tiểu tướng nhà Nguyên. Hắn vừa gục ngã, chàng liền hét vang: “Các em

đánh đi”.

Lúc Thế Quang nghênh chiến tướng giặc, Đỗ Thành và Phạm Thái vẫn hướng ngựa đối diện với sáu tên tuần thám, nhưng cách nhau một khoảng đủ chỗ cho ngựa đối hướng nhanh chóng. Phạm Thái theo dõi động tĩnh của bọn ngáng đường, đề phòng chúng xông tới. Đỗ Thành quay đầu nhìn phía sau để có thể tiếp ứng cho đại ca khi nguy cấp. Nghe Thế Quang phát lệnh, hai người thúc ngựa xông vào đám kỵ binh dàn hai hàng ngang trước mặt.

Chú ngựa ô chạy mé ngoài nhảy chồm vào giữa đội hình địch, Phạm Thái thúc cán đao trúng sườn con ngựa của đối phương, lực mạnh đến nỗi làm nó lao đảo, trượt chân ngã nhào xuống vực cùng với tên kỵ binh. Tên đi giữa vung mác chém xuống, Thái giương sống đao đỡ đòn rồi vặn tay xoay lưỡi phạt ngược lên chặt lìa cánh tay của hắn. Tiếp cận hàng hai, chàng bổ đao vào mặt ngựa phía bờ vực, nhưng bị trúng một thương vào bắp tay trái từ tên lính ở giữa. Thái thúc ngựa vọt lên trước, song không phóng ngay mà có ý chờ đợi.

Khi áp giặc, Đỗ Thành vung đao xả ngang vai tên kỵ mã phía trong rồi điều khiển ngựa húc thẳng vào con chiến mã ở hàng dưới làm nó hoảng sợ lồng lên hất chủ ngã lăn, đầu đập vách đá. Do va mạnh nên Thành cũng ngã xuống đường, thấy Thái bị trúng một thương, chàng liền bật dậy bổ thẳng đao vào sườn thẳng giặc đâm chiến hữu của mình. mấy con ngựa không chủ hoảng sợ chạy tán loạn, ngựa của Thành cũng chạy mất.

Khi thấy Thái dừng ngựa đột ngột, Thành quát to:

– Đệ cứ chạy đi, huynh sẽ đuổi theo sau.

Thái nghe lời huynh phi lên phía trước, cố bắt kịp con ngựa của Thành. Cánh tay cầm cương tê buốt, máu chảy đầm đìa xuống lưng ngựa

cũng không làm Thái nao núng, lúc ấy chàng chỉ quan tâm làm sao sớm bắt được ngựa để quay về cứu Thành huynh. Phóng chừng nửa dặm thì đuổi kịp con ngựa, nó nhận ra chỗ quen biết nên chạy chậm lại, chàng túm lấy dây cương rồi khiến ngựa quay về tìm đồng đội.

Thành chạy được một đoạn đã thấy Phạm Thái phi về cùng với con ngựa của chàng. Anh em mừng rỡ ra mặt nhưng lòng ai cũng canh cánh lo âu. Thế Quang đang cầm chân địch ở phía sau, sinh tử thế nào không rõ, vậy mà họ buộc phải ra đi, càng sớm thoát hiểm càng tốt. Không thể làm khác được, đây là mệnh lệnh của huynh trưởng, là quyết định cần thiết để hoàn thành trọng trách được Đại Vương và triều đình giao phó. Nhìn cánh tay của Thái chảy máu, Thành xé vạt áo của mình băng vết thương cho em, rồi cùng nhau phóng ngựa về biên giới.

Khi đến Tam Thạch, anh em Đỗ Thành đi vòng ra phía sau mà không tìm thấy lối lên vách núi nhưng lại phát hiện một khe nứt cao hơn trượng, rộng chừng một cánh tay, đủ một người hoặc một ngựa đi lọt. Đỗ Thành chui vào xem xét, khi quay ra báo với em “Đi thôi”, rồi người trước ngựa sau cùng chui qua khe núi. Phía trong tối tăm nhưng có ánh sáng lơ mơ ở đằng xa, hai người dò dẫm từng bước, hướng theo nguồn sáng mà đi.

Thì ra đây là một cái hang thông hai đầu xuyên qua sườn núi. Cửa hang bên kia rộng lớn hơn nhiều, Thành và Thái quyết định nán lại chờ Thế Quang. Chỗ dừng chân đã hoàn toàn tách biệt Ma Nhai Đạo, không lo bị giặc phát hiện, họ chỉ lo huynh trưởng không đến được Tam Thạch.

Hồi lâu sau, lòng nôn nao như lửa đốt mà chẳng thấy tăm hơi của Thế Quang, Đỗ Thành bàn bạc với em:

– Đệ tranh thủ nghỉ ngơi dưỡng sức, để huynh quay ra đường thám thính tình hình, biết đâu có thể hỗ trợ cho đại ca.

– Cho đệ đi cùng với. Nếu gặp bất trắc, sức hai người vẫn hơn một người. – Phạm Thái nài nỉ.

Đỗ Thành gạt phắt yêu cầu của cậu em:

– Không được. Đường về còn gian nan mà đệ lại bị thương. Thế Quang huynh chặn hậu để chúng ta vượt thoát, nếu quay ra cả thì phụ lòng huynh ấy sao? Dừng ngựa để bị lộ, huynh sẽ đi bộ cho tiện ẩn nấp. Đệ chờ thêm nửa canh giờ, nếu các huynh không về thì cứ lên đường trước, nhắm hướng nam mà đi. Đây là quân lệnh, không bàn cãi.

Bản tính Đỗ Thành vốn hòa nhã, nhưng trong tình thế này chàng buộc phải cất giọng nghiêm khắc để Thái khỏi nài nỉ. Nhớ lời huấn thị của Đại Vương “Người trên bảo, người dưới phải tuyệt đối tuân theo” nên Thái miễn cưỡng phục tùng. Thành lẳng lẳng xách đao quay vào hang, đi được mấy bước, chàng quay lại, móc gói đồ từ lưng quần ra, dúi vào tay cậu em:

– Nhờ đệ cất dùm, nhớ lời huynh dặn hôm trước đấy.

Lần này thì Phạm Thái giãy nảy, dứt khoát không nhận ủy thác, chàng nói:

– Huynh kỳ khôi quá, đồ của huynh thì huynh giữ mà đem về tặng hôn thê, sao lại giao cho đệ? Đây là việc tư, đệ không chấp hành đâu.

Thành lý giải:

– Đệ giữ hộ huynh có sao đâu. Sang bên kia biên giới thì trả lại cho huynh.

– Nói thế còn nghe được. Dứt khoát huynh phải đặt chân qua nước mình để đệ còn trao trả.

Trả lời vậy mà lòng Thái không khỏi bùi ngùi, lâng lâng niềm xúc động khiến tâm tư của chàng vẫn vơ một chút âu lo không rõ nét.

Khi Thế Quang chém chết Nhan Hợp, đám kỵ mã Nguyên rơi vào tình thế lúng túng, chúng giương cung muốn bắn nhưng lại sợ trúng vào đồng bọn ở phía trước. Do đường hẹp nên không thể tạo thế bao vây, ba thằng liều xông lên nghênh chiến, hai thằng bị đao xả trọng thương, một thằng hoảng sợ kìm ngựa ở khoảng cách an toàn. Huynh trưởng chặn ngang đường, khí thế oai phong như mãnh hổ sẵn sàng đánh trả đợt tấn công mới của đám cầu trệ, tạo điều kiện cho hai em cao chạy xa bay, sớm thoát khỏi cuộc truy đuổi gắt gao của giặc Thát.

Thấy đồng bọn ở đầu đường bên kia bị giết sạch, đám lính Nguyên đồng loạt giương cung bắn Thế Quang.....

Chàng đã lường trước tình thế nên múa đao quạt rụng các mũi tên xé gió lao tới. Nhưng tài nghệ bắn cung của kỵ binh Mông Cổ gấp bội phần lũ đánh lén trên đèo Tam Điệp năm xưa nên ngựa của Thế Quang bị trúng một tên vào ức khiến nó lồng lên dữ dội. Biết khả năng chịu đựng có hạn của con ngựa bị thương, lại thấy một đám quân đang rầm rập chạy tới, lực lượng tăng viện của chúng đông quá, không ra tay kịp thời thì muộn mất. Chàng bèn sẵn đến gã kỵ binh gần nhất, bổ một nhát đao vào đầu tên giặc rồi phi thân vọt qua đập hấn văng xuống đất, đoạt ngựa, phóng thẳng.

Đội tiếp ứng đến kịp thời, mấy tên kỵ binh của Nhan Hợp lên tinh thần, hò nhau lừa về mấy con ngựa chết chủ để bổ sung lực lượng cưỡi ngựa, tiếp tục truy đuổi thám báo An Nam đang đào thoát về hướng biên giới.

Con nâu đốm trắng cướp của giặc chạy được một đoạn thì giở chứng. Có lẽ biết kẻ đang cưỡi trên mình không phải là chủ, nên nó dựng ngược hai chân sau cố hất tung Thế Quang bật khỏi yên. Là kỵ sĩ lão luyện lại biết

ít nhiều về kinh nghiệm thuần phục chiến mã của người Mông Cổ, chàng bèn móc trong chiếc túi nhỏ treo trên yên, lấy ra một cục đường đút vào miệng ngựa và thì thầm điều gì đấy vào tai nó. Quả nhiên con ngựa thuần hản, phi như bay trên đường.

Chợt nghe tiếng hò hét ở phía sau, Thế Quang ngoái đầu nhìn, thấy cả đám kỵ mã Nguyên Mông đuổi theo chỉ cách chàng không đầy một phần tư dặm. Ba tảng đá chông đã thấp thoáng phía trước, nhưng phi thẳng vào đấy thì khác nào vạch đường cho giặc bám đuổi sát gót các em, chàng bèn phóng qua. Cách Tam Thạch hai dặm là đoạn đèo gấp khúc, nơi có cánh rừng thông nằm trên sườn núi thoải thoải, Thế Quang chọn chỗ đấy để ẩn nấp rồi tìm cách thoát khỏi bọn đeo bám.

Leo lên khối đá chìa ra sát đường, Đỗ Thành náu mình ở trên cao cho dễ quan sát, khi cần có thể nhảy xuống tiếp ứng huynh trưởng. Thấy một người phóng ngựa tới, lúc đến gần thì nhận ra là Thế Quang đang cưỡi một con ngựa đốm. Thành nghĩ huynh đoạt chiến mã của giặc, bèn nhồm dậy, mừng rỡ gọi âm lên “Đại ca, đệ đây”. Thế Quang nhìn thấy em, chàng lắc đầu làm hiệu rồi phi thẳng.

Nghe tiếng vó ngựa rầm rập vọng đến, Thành biết huynh trưởng đánh lạc hướng quân thù, để chúng không phát hiện ra lối đi bí mật. Chàng cho rằng:

– Trước sau huynh ấy cũng tìm cách quay lại. Khi đại ca mất hút, địch sẽ lùng sục khắp nơi, phải cản đường chúng càng lâu càng tốt.

Thành leo xuống đất, khệ nệ vắn mấy tảng đá to vào bên trong khe nứt, rồi quay ra chờ đợi Thế Quang.

Phi ngựa đến đoạn đèo ngoặt khúc, biết bọn địch không thể nhìn thấy mình, Thế Quang giật dây cương điều khiển con chiến mã lao lên rừng

thông. Đám kỵ binh Nguyên Mông phóng qua mà không hay biết kẻ chúng truy đuổi đang ẩn nấp sau thân cây cổ thụ. Chờ cho địch đi được một đoạn, chàng cưỡi ngựa xuống đường rồi quay về ba tảng đá chông. Vừa đến nơi, đã thấy Đỗ Thành ở đấy, Thế Quang hỏi liền:

– Phạm Thái đâu?

Thành cho biết:

– Thái ở phía trong, chờ ta quay vào hang.

– Hang à? – Thế Quang ngạc nhiên.

– Hang thông hai đầu. Kín đáo lắm. – Thành đáp.

Chàng chỉ cho huynh trưởng cái lỗ nhỏ bên vách núi. Con ngựa dõm lại dờ chừng, kéo cách nào cũng không bước chân qua khe nứt tối om, nhưng khi được Thế Quang an ủi bằng một cục đường lấy trong cái túi của chủ cũ, nó ngoan ngoãn theo chàng chui vào hang.

Đỗ Thành tấm tắc khen huynh trưởng:

– Tài thật, đã cướp được ngựa còn khiến nó theo mình, đại ca cái gì cũng giỏi.

Vào hang rồi, họ bê đá xếp chông lên, bịt cái lỗ hổng nhằm che mắt bọn giặc.

Phạm Thái thấy hai anh xuất hiện, mừng quá reo to:

– Đại ca đây rồi. Đệ biết huynh thừa sức thoát hiểm nhưng trong lòng vẫn lo, bây giờ đã hết lo, vui quá.

Nhìn bắp tay Thái băng vải, Thế Quang hỏi:

– Đệ bị thương à, có nặng không?

– Không sao, chỉ xước da thôi.

Thái nói thế để huynh trưởng an tâm. Do cầm cương điều khiển ngựa

nên vết thương vẫn rỉ máu, nhưng chàng chịu đựng được, không muốn chia nỗi lo cho đại ca.

Thế Quang ra bộ nghiêm khắc:

– Đáng lẽ phải đi rồi mà các đệ lại nấn ná chờ đợi, cũng may chỗ này kín đáo an toàn nên huynh không trách, nhưng lần sau chớ có làm trái lệnh đây. Nào, anh em ta tiếp tục lên đường.

Ba tráng sĩ phóng ngựa vào rừng, nhìn sao trời để định hướng, chặt cành cây mở lối đi, cố gắng tìm đường trở về đất mẹ thân thương đang ngóng trông tin tức của họ.

Chương 8

Huyết chiến Tả Pạc Năm, Phạm Thái đành đoạn từ ly

Man tấu Trấn Nam Vương, Vĩnh Lộc bày trò trả oán

Tả thừa Lý Hằng cùng đám kị mã dừng chân ở Tam Đầu, y đang phân vân đoán định hướng đào tẩu của kẻ địch thì gặp toán quân từ Trạm Nhai kéo xuống. Chúng cho biết Nhan Hợp gọi về để tăng cường Quế Khẩu. Lý Hằng cả mừng, khen gia tướng tài trí, sớm phát hiện hành tung của lũ giặc cỏ An Nam. Lại thấy một toán quân từ Pắc Pình đổ về, Hằng bèn hợp nhất thành một đội hơn trăm kị sĩ, dốc thẳng đến Quế Khẩu.

Quan phòng Quế Khẩu im ắng như tờ, doanh trại bị lửa thiêu rụi vẫn còn nghi ngút khói, trên bãi đất trống xếp hàng chục tử thi, có nhiều xác chết bị cháy đen như khúc than củi, Hằng đoán chắc đã xảy ra biến cố nghiêm trọng. Nhìn khắp không thấy ai, hăn lệnh cho quân sĩ lùng sục xung quanh.

Chốc lát chúng lôi về mấy gã lính canh lẫn trốn trên núi. Thì ra năm tên lính đang thu dọn chiến địa, chợt thấy đoàn quân rầm rập kéo đến, chẳng biết là ta hay địch, chúng hoảng sợ bèn trốn lên núi cho an toàn. Hằng hỏi:

– Đã xảy ra chuyện gì?

Một tên thừa thốt:

– Bẩm đại nhân, mới kịch chiến giữa quân trấn thủ với bọn An Nam.

Đánh nhau dữ dội lắm.

- Chúng có đông không?
- Tiểu nhân không đếm, nhưng ước đoán không dưới vài chục tên.
- Vậy là bọn bay đông gấp ba lần kẻ địch mà lại để chúng thiêu cháy cả trại, sao hèn quá vậy?
- Dạ, bọn tiểu nhân cũng nỗ lực quyết chiến nhưng bị trúng kế nghi binh.
- Có giết hay bắt sống được tên giặc nào không?
- Bẩm đại nhân, không bắt được nhưng giết được một số, chỉ có vài tên chạy thoát.
- Sao ta không thấy xác của bọn An Nam?
- Dạ... bọn tiểu nhân quăng xác chúng xuống vực sâu rồi ạ.
- Đám kị mã ta phải đi trước có qua đây không?
- Dạ có, họ dẫn theo quan trấn thủ quan phòng đuổi bắt mấy tên sống sót chạy trốn trên đường Ma Nhai.

Đã năm sơ qua tình hình, Lý Hăng tin tưởng với tài nghệ của Nhan Hợp, nếu đuổi kịp bọn thám báo thì coi như chúng toi đời. Nhưng bóng đêm là bạn đồng hành của kẻ trốn chạy. Tăng cường lực lượng, tổ chức lương lũng sức gặt gao sẽ hiệu quả hơn. Y lại dẫn đoàn kị mã tiếp tục hành quân trên cung đường Ma Nhai uốn lượn giữa trùng điệp núi rừng.

Đi được chừng chục dặm lại bắt gặp hai tên tuần phòng đang ngồi trông mấy cái xác bên vệ đường. Lý Hăng gọi lại hỏi, được chúng bẩm báo:

- Bọn tiểu nhân đến nơi đã thấy người chết. Mấy ngài kị mã sai chúng tôi ở lại trông xác kéo thú dữ tha mất, rồi họ cười ngửa còn mấy chục lính tuần thì chạy bộ, hò hét đuổi theo bọn thám báo.

Lý Hăng nhìn sắc phục của mấy kẻ xấu số biết chúng là lính của mình,

bền bảo một tên đến xem ai bị giết. Tên lính soi đuốc nhận diện tử thi, rồi lật đật chạy lại báo với chủ tướng bằng cái giọng run bần bật:

– Bẩm đại nhân... có... có... “Nhất mâu sát bát”... trong... trong đấy.

Hằng nghe vậy liền nhảy xuống ngựa, chạy lại xem cho rõ mặt. Quả nhiên tiểu tướng thân cận của y đã chết thảm bởi một nhát chém ngang hông làm nửa dưới của hân muốn đứt rời khỏi thân xác đồ sộ. Viên chủ tướng vò đầu bứt tai, khóc rống thảm thiết:

– Trời ơi, Nhan Hợp của ta, sao lại ra nông nỗi này? Bây giờ biết ăn nói sao đây với cha người? Nhan Báo à, huynh gửi gắm đứa con trai duy nhất cho ta mà nay để nó chết thảm như vậy, ta đau đớn lắm. Thiên địa chứng giám, ta sẽ đòi nợ máu cho con trai huynh.

Nhan Báo là bạn thiếu thời của Lý Hằng, lại cùng nhau đầu quân dưới trướng Đại Hân, nên tình thân như ruột thịt. Trong trận diệt Đại Lý, Nhan Báo bị chém lìa cánh tay khi đỡ một nhát đao cho chiến hữu nên phải từ giả quân đội. Mười năm trước, Báo dẫn con trai là Hợp đến ra mắt Lý Hằng, xin cho hân được theo hầu quan Tả thừa. Nhớ ơn cứu mạng năm xưa, lại thấy Hợp cường tráng, giỏi giang nên Hằng hết lòng nâng đỡ, coi như thủ túc thân cận nhất. Một lần ở sa trường, bị địch vây quanh, Nhan Hợp dùng xà mâu giết sạch cả tám đứa, từ đấy Hằng đặt cho y biệt danh là “Nhất mâu sát bát”.

Hằng cắt cử năm kỵ mã đem xác Nhan Hợp và mấy tên lính bị giết về quân doanh, rồi huấn thị toàn quân:

– Ai giết được một tên thám báo ta sẽ thưởng một trăm lạng bạc, bắt được một tên thám báo ta sẽ thưởng hai trăm lạng bạc. Trận này các người phải dốc sức mà triệt trừ bọn An Nam để vong linh Nhan Hợp và các chiến hữu đỡ tủi nhục.

Hơn trăm cái miệng dạ ran. Cả bọn náo nức lập công lĩnh thưởng, giục ngựa theo chủ tướng tiếp tục tầm nã gian tế nước Nam.

Toán quân đuổi theo thám báo chạy qua cánh rừng thông thì mất hút bóng dáng của kẻ bị truy sát. Chúng nghi ngờ đối tượng trốn vào rừng, bèn quay lại chia nhau lùng sục khắp nơi nhưng không thấy gì. Rõ ràng tên địch vừa ở phía trước, khi đến khúc ngoặt thì mất dạng. Chẳng lẽ hắn từ bỏ ý định trốn về An Nam mà ẩn nấp trên rừng rồi quay lại để đối đầu với toán lính bộ ở phía sau? Đám kỵ mã đoán già đoán non trước một hiện tượng kỳ lạ nên quyết định quay về, biết đâu lại góp sức với hậu quân tiêu diệt kẻ địch.

Hai nhóm hội quân cách Tam Thạch chừng một dặm ở phía bắc rồi ngơ ngác hỏi nhau về tầm hơi tên thám báo gian xảo. Chúng lúng túng chưa biết nên dừng hay tiếp tục truy kích thì kịp lúc đoàn kỵ binh của Lý Hằng kéo tới. Nghe thuộc hạ bẩm báo tình hình, viên Tả thừa nội đôa quát mắng ầm ĩ:

– Không thể có chuyện bay mất như chim trời, chẳng qua các người ngu dốt không biết hắn đã rẽ vào một góc ngách nào đó để trốn sang biên giới. Tiếc thay cho sự hy sinh uổng phí của dũng tướng Nhan Hợp khi có chiến hữu bất tài như mấy người.

Hằng chia quân ra làm hai, một đội chiếm số đông phi thẳng đến quan ải Tây Phong rồi từ đó tỏa dọc cương giới, đón đầu thám báo vượt biên bằng đường ngang lối tắt; một đội gồm bốn mươi kỵ sĩ cùng với đám tuần thú do Hằng trực tiếp chỉ huy, lùng sục hai bên Ma Nhai Đạo, tìm kiếm các lối mòn bí mật có thể dẫn đến biên giới.

Các toán lính nhanh chóng triển khai nhiệm vụ. Bọn đi về biên giới

phi ngựa rầm rập trên đường, tiếng vó câu đập vào vách đá rền. vang cả một dải núi đồi hoang lạnh. Bọn ở lại đốt đuốc từng bừng như lễ hội, túa ra hai bên đường sẫm soi từng gốc cây ngọn cỏ.

Chúng lần mò đến Tam Thạch.

Một tên phát hiện có dấu máu đọng trên đá vệ đường, nhưng đám tuần thú kiểm quanh lại không tìm thấy chỗ nào khả dĩ có thể vượt qua ngọn núi bằng ngựa. Sự việc được báo cho Lý Hằng, hă đến tận nơi quan sát cũng không thấy có hiện tượng khả nghi. Đang dăm chiêu nghĩ ngợi, Hằng dẫm chân vào một chỗ trũng, hă nhìn xuống thì nhận ra đây là dấu in lõm trên mặt đất của một tảng đá được dời sang chỗ khác. Trong đầu Hằng lóe sáng manh mối có thể giải mã sự biến mất đột ngột của bọn thám báo An Nam.

Viên chiến tướng tinh ranh cho quân soi đuốc kiểm tra tỉ mỉ vách núi bên trong Tam Thạch thì phát hiện một chỗ đá chồng lên nhau không tự nhiên, tạo ra những lỗ hổng đáng ngờ. Hóa ra vì trong hang tối om, nên chỉ nhìn lướt qua với tầm chiếu sáng hạn chế của ngọn đuốc thì chẳng ai phát hiện nổi đó là khe nứt bị lấp đá.

Hằng cho quân dỡ đá để mở lối vào phía trong. Ba thằng lính dùng sức đẩy ngã mấy tảng ở trên cao rồi hì hục khiêng nốt những tảng ở dưới. Đè phòng bị phục kích, chủ tướng cho lính soi đuốc để quan sát bên trong trước khi bước chân vào hang.

Nền hang ẩm thấp còn in rõ dấu chân người và chân ngựa. Nhưng thật khó hiểu, ngoài những dấu chân đi vào còn có cả dấu chân đi ra, chứng tỏ hành tung của bọn thám báo rất bí ẩn và khó lường. Khi tìm thấy cửa hang ở phía bên kia sườn núi, Hằng đoán chắc đây chính là lối đào thoát của gian tế An Nam, bấy giờ y mới xuống lệnh điều người ngựa vào hang để tiếp tục truy kích đối phương. Mặc cho chủ tướng nóng lòng thúc giục, việc từng

người dắt ngựa chui qua cái khe nhỏ hẹp cũng mất khá nhiều thời gian. Đến cuối canh sửu, toàn đội mới tập hợp đầy đủ trước cửa hang, Hăng tức thời cho xuất kích.

Bốn mươi kỵ mã Thất Đất hăng hái lên đường, chúng đã quá quen hành quân đánh trận ròng rã nhiều ngày đêm. Riêng đám lính trấn thủ không hề hứng thú khi phải tiếp tục vượt núi băng rừng, do mệt mỏi và đói khát vì chạy bộ cả đêm, lại không mang theo lương thực ăn đường như bọn chiến binh Mông Cổ. Đám kỵ mã đã phóng ngựa hút tầm mắt, còn tuần thú cuốc bộ rên ràng, buộc phải đi thì chúng đi nhưng không việc gì mà vội.

Lương Bành tuổi trạc tứ tuần, là tì tướng trong thái ấp Vạn Kiếp, được Hưng Đạo Vương rất tín nhiệm và thường sai bảo những việc hệ trọng. Cuối thu năm ấy, theo quy ước định sẵn, Bành được cử lên xứ Lạng đón thám báo trở về.

Để đảm bảo bí mật, nhóm của Lương Bành không tá túc trong doanh trại của quân trấn thủ biên cương mà sống trong bản của người Nùng nằm kề quan ải Lộc Châu, cửa ải của nước Nam đối diện với cửa ải Tây Phong của Đại Nguyên. Ngoài chỉ huy quan ải là Lê Đĩnh, không ai biết rõ nhiệm vụ của họ. Nhưng chờ đợi cả tháng trời mà vẫn chẳng thấy một ai trở về, sợ ở nhà lo nghĩ, nên cách mười ngày Lương Bành lại phái người về bẩm báo tình hình với chủ tướng.

Quan ải Tây Phong bên phía Trung Quốc được xây bằng đá dựa vào vách núi, rất kiên cố và bề thế. Phía trên của quan có tháp canh và hành lang rộng để dàn quân cung nỏ khi gặp biến cố. Cách Tây Phong không đầy một dặm là quan ải Lộc Châu của Đại Việt, được dựng bằng gỗ lim chắc

chẩn, án ngữ đầu hẻm núi Khâu Cấp Lĩnh hiểm yếu. Hằng ngày, cửa khẩu hai bên vẫn hoạt động bình thường, người dân vùng biên qua lại làm ăn buôn bán hoặc thăm viếng nhau chỉ bị tra xét vài câu chiếu lệ. Buổi tối nghỉ thông quan song cả hai phía không cần đóng cổng cài then.

Ba hôm trước, người liên lạc quay lên biên giới, mang mật thư của Đại Vương gửi cho Lương Bành. Trong thư, ngài viết “Được biết bên kia có dấu hiệu lo ngại, nhưng ta chưa nắm cụ thể. Theo phán đoán, có thể chuyến này anh em Thế Quang về cả, đây là nguồn cung cấp tin tức quý báu, cho nên nếu xảy ra tình huống nguy cấp phải cố mà cứu họ bằng mọi giá. Bất luận bao lâu, người của ta chưa về thì các người cứ phải chờ. Nếu biên ải có hiện tượng bất thường thì đón người tại địa điểm dự phòng. Khi cần thiết thời yêu cầu quan trấn thủ Lê Đĩnh và thổ hào Lô Viên Tả huy động lực lượng hỗ trợ”.

Buổi chiều hôm đấy, khác với thông lệ, trời còn chưa khuất núi đã nghe tiếng tù và rúc liên hồi từ bên Tây Phong, Bành liền cử người đi thám thính. Chốc lát, đội viên trở về thông báo:

– Bọn chúng đã đóng kín cửa quan, dân quân trên cổng, không cho bất cứ ai qua lại. Có vẻ chúng cố ngăn chặn ai đó muốn vượt qua.

Hành vi khác thường của phía bên kia không khỏi làm Lương Bành lo nghĩ. Ông e ngại có liên quan đến chuyến trở về của huynh đệ Đào Thế Quang. Nhớ lời dặn của Đại Vương, Bành sang cửa khẩu bàn bạc với Lê Đĩnh về kế hoạch hành động. Quan trấn thủ cắt cử mười binh sĩ chịu sự điều động của Lương Bành, số còn lại do ông trực tiếp chỉ huy được báo động thường trực chiến đấu, sẵn sàng đối phó tình huống kẻ địch từ bên kia biên giới tràn sang.

Để tìm sự trợ giúp của dân binh địa phương, Bành trực tiếp đến nhà

thổ hào Lô Viên Tả. Trước nay, mỗi lần lên xứ Lạng, ông đều mang quà của Đại Vương gửi biếu vị chủ trại đây quyền thế nơi biên cương xa xôi. Viên Tả rất cảm kích thịnh tình của Tiết chế Hưng Đạo và luôn bày tỏ niềm tự hào được kế nghiệp ông cha làm phen giậu cho Đại Việt bền vững muôn đời.

Sở dĩ vị thổ hào vùng cao tâm đắc việc trấn giữ nơi biên ải Tổ quốc bởi gia tộc ông vốn có truyền thống trung thành với các vương triều Đại Việt. Năm xưa, cụ tổ của ông là Lô Viên Tước từng tham gia cuộc khởi loạn của Nông Trí Cao, về sau lại theo chủ tướng quy thuận Lý Thái Tông. Khi Lý Thường Kiệt xuất binh đánh Tống, bấy giờ Viên Tước đã ngoại lực tuần nhưng vẫn hăng hái dẫn năm trăm dân binh Thổ – Nùng tham chiến và lập được nhiều công trạng, được triều đình ban tặng danh hiệu Thiết Cương Trấn Quốc tướng quân.

Sau vài câu thăm hỏi xã giao với gia chủ, Lương Bành đề cập trực tiếp yêu cầu:

– Theo sự dặn dò của Hưng Đạo Đại Vương, tôi đến xin trại chủ giúp đỡ nhân lực để tổ chức đón người trở về từ bên kia. Hiện nay tình hình rất nguy cấp, quân Nguyên đã báo động chiến đấu, chúng đóng chặt cửa ải hòng bủa lưới vây bắt người của ta. Chúng tôi được lệnh dù phải hy sinh bản thân cũng cứu cho được họ. Đây là việc hệ trọng, mong ngài hết lòng trợ giúp.

– Đại Vương tuy ở xa những hiểu rõ lòng dân biên viễn nên mới chủ ý dặn ngài đến tề xá tìm tôi. Triều đình cần người, chúng tôi đáp ứng ngay, đây là trách nhiệm đối với giang sơn xã tắc cũng là dịp để tổ tiên chứng giám con cháu của họ vẫn giữ vững tinh thần Thiết Cương Trấn Quốc. – Bằng thái độ hào sảng, Viên Tả đáp lời rồi cung kính chỉ bức hoành phi

vàng son đề bốn chữ đại tự treo giữa nhà.

– Xin đa tạ. Vậy mong trại chủ điều động ngay trong đêm kéo không kịp. – Bành mừng rỡ đáp.

– Ngài cần bao nhiêu người? – Trại chủ hỏi lại.

– Nếu có thể, hỗ trợ cho bọn tôi ba mươi trang định với đầy đủ khí giới, bí mật tập kết tại đồi cây cạnh nhà lão ông Ma Văn Kế. Mục đích của ta không chỉ cứu người còn đề phòng quân Nguyên thừa cơ xâm phạm bờ cõi.

– Cứ tin tưởng ở tôi, trong khoảng một canh giờ chúng tôi sẽ có mặt tại vị trí đã định.

– Vậy thì còn gì bằng. Tôi xin cáo từ, hẹn gặp lại ngài trong đêm.

Tiền Lương Bành ra cửa, chủ trại cho gọi thuộc hạ vào sai bảo. Bốn tráng sĩ tuân mệnh, khẩn trương tảo đi bản trên xóm dưới truyền lệnh triệu tập dân binh của thủ lĩnh vùng cao Lộc Châu.

Gia nhân đã vào việc, bấy giờ vị hào trưởng lẳng lặng mở tủ lấy bộ giáp trận kết bằng da lợn lòi do đời trước truyền lại, mặc vào người rồi kính cẩn thắp hương, quỳ lạy trước trang thờ, lầm rầm khẩn bái “Con là Lô Viên Tả, truyền nhân đời thứ tám của Thiết Cương Trấn Quốc tướng quân Lô Viên Tước, nay khấu đầu vái lạy tổ tiên cho con được sát cánh cùng binh sĩ Đông A trong cuộc đối đầu với lũ lang sói phương Bắc. Con thề nguyện cống hiến hết mình cho đại nghiệp gìn giữ biên cương của nước Nam để không làm tiền nhân phải hổ thẹn”.

Viên Tả ngạc nhiên khi thấy Viên Dụng cũng mặc giáp phục đang quỳ lạy ở phía sau. Là con trai trưởng của thổ hào, vừa qua tuổi mười sáu mà sức vóc cường tráng không thua kém nam nhi trưởng thành, tình cờ nghe thấy cha bàn bạc với khách việc điều động dân binh tham chiến trong đêm,

Viên Dung thiết nghĩ không thể vắng mặt trong sự kiện này. Viên Tả lên tiếng hỏi con trai:

– Ăn mặc vậy là ý làm sao?

Viên Dung đáp lời cha bằng thái độ cứng cỏi:

– Con muốn theo cha đêm nay.

– Không được. Con còn nhỏ tuổi, chưa thể tham gia việc của người lớn. – Trại trưởng cau mày, xua tay cương quyết.

– Cha luôn dạy con làm người phải có nghĩa khí, tuổi nhỏ thì góp sức nhỏ mà tập trung với nước Nam, tận hiếu với ông bà cha mẹ, đừng gây điều trái đạo lý làm hổ danh họ Lô. Con nay đã đủ khôn lớn để góp sức với cha vào việc gìn giữ biên cương Đại Việt, đây là tận trung; cùng sát cánh bên cha tranh đấu chống kẻ thù phương Bắc như lời truyền dạy của tổ tông, đây là tận hiếu.

Vị hào trưởng kinh ngạc trước lập luận sắc bén của Viên Dung. Ông tặc lưỡi miễn cưỡng khuất phục ý chí sắt đá của cậu con trai:

– Được rồi. Nhưng phải hứa một điều là luôn ở bên cạnh ta, không được rời nửa bước.

– Dạ thưa cha. – Viên Dũng tỏ ra phấn khích khi lần đầu tiên được cầm khí giới tham gia bảo vệ cương vực nước nhà.

Ngôi nhà sàn của lão ông Ma Văn Kế nằm lẻ loi bên sườn đồi trông ra khe Tả Pạc Năm có dòng Bản Thí quanh năm sẵn nước. Mấy năm trước hai vợ chồng già rời bản dắt nhau ra khu đồi hoang nằm sát biên giới dựng nhà, vỡ đất trồng tía rau trái. Có người hỏi lão “Vợ chồng ông già rồi, sao không ở bản cho đông vui, ra đây vắng vẻ, khi đau ốm ai biết mà giúp?”. Ông trả lời

“Tao còn khỏe mà, con ma bệnh không đến tìm đâu. Chỗ này đất tốt lại gần suối, trồng cây tưới nước đều thuận lợi”. Nghe nói năm xưa từng có một vị đại quan triều đình đi tuần tiểu biên cương đã ghé qua nhà ông ở chơi một buổi.

Đầu giờ tuất, Lương Bành đến nhà cụ Kế. Họ trao đổi thăm thì trong bóng tối lờ mờ phủ khắp núi rừng hoang vu. Lão ông vào nhà bảo vợ tạm lánh về bản rồi lấy một cây đèn lồng to như cái cối giã gạo, thắp sáng và treo trước mái hiên. Ông cũng nai nịt gọn gàng, xách cây mã tấu, lặng lẽ đi theo viên tiểu tướng để gia nhập đội ngũ chiến binh tập kết ven rừng. Bành thấy lão đã cao tuổi nên lựa lời tế nhị:

– Nhờ cụ về bản chuẩn bị cho ít đồ ăn, khi xong việc anh em quay về cũng có cái ăn.

– Việc này để đàn bà làm, mày đừng lo, tao đã dặn vợ kêu chị em chúng nó thổi nấu đâu vào đấy rồi. – Lão Kế chặn đứng âm mưu đuổi khéo của Lương Bành.

– Trời đêm sương gió lạnh lẽo, cụ nên về nghỉ ngơi, mọi việc ở ngoài này để chúng con giải quyết.

– Người Thổ quen sương gió, mày chịu lạnh không giỏi bằng tao đâu.

– Cụ là tai mắt của Đại Vương, nếu có mệnh hệ gì thời tại con gánh vác không nổi trách nhiệm. – Bành nói thẳng suy nghĩ của mình, hy vọng lão Kế đổi ý.

– Ô hay, tai mắt của triều đình mà không biết ứng nghĩa thì như mù như điếc. Tổ tiên ta vốn người Phong Châu từng theo vua Hùng mở nước, vậy giang sơn này ta phải có trách nhiệm giữ gìn. Năm xưa khi quân Nguyên phạm cõi, thổ quan Hà Bổng vùng Quy Hóa hiệu triệu người Thổ, người Nùng ở khắp nơi sát cánh giết giặc, ta đã tháp tùng cha của Lô trại

chủ sang tận bên đó tham gia đánh đuổi bọn chúng chạy dài về phương Bắc. Ta còn khỏe lắm, vẫn đánh giặc được mà, mày đừng ngăn cản nữa.

Cảm phục trước chí khí kiên cường của người chiến binh già khiến Lương Bình không thể nói gì hơn, đành để lão gia nhập đội ngũ. Trận tuyến trầm lặng đã hình thành trong đêm trên một đoạn hiểm yếu của tuyến biên giới Lộc Châu với những con người quả cảm, đồng lòng bảo vệ các giá trị thiêng liêng đúc kết nên tinh thần tự tôn dân tộc.

Hơn năm mươi con dân Đại Việt, bao gồm chiến binh và dân binh, người miền xuôi và người miền ngược, người già và người trẻ, theo sự chỉ huy của đội trưởng Lương Bình và trại chủ Lô Viên Tả âm thầm chiếm lĩnh các gốc cây, mỏm đá ven bờ Tả Pạc Nằm, tay nắm chắc vũ khí, mắt hướng về bên kia biên giới, căng thẳng đợi chờ dấu hiệu hành động.

Khi nhìn thấy khe Tả Pạc Nằm ở phía dưới chân núi, huynh đệ Thế Quang thở phào nhẹ nhõm. Đất mẹ kia rồi, chỉ cần vượt qua con sông Bản Thí đang mùa nước xiết là họ đặt chân lên lãnh thổ Đại Việt, Tổ quốc thiêng liêng của dòng giống Lạc Hồng. Sở dĩ mấy anh em tới giữa canh dần mới xác định được vị trí là do sương mù xuống nhiều làm họ mất phương hướng, đi lệch khỏi địa điểm cần phải đến. Nhớ lời dặn dò của Đại Vương, Thế Quang leo lên ngọn cây tìm kiếm tín hiệu. Trong màn sương bàng bạc, huynh trưởng phát hiện đốm sáng đỏ ở phía đông nam, biết chắc đấy là ngọn đèn chỉ điểm của ta, chàng mừng rỡ leo xuống, giục các em nhanh chân đổi hướng.

Niềm vui của ba anh em vụt tắt khi bốn bề vang lên tiếng hò hét của đám phục binh Nguyên Mông. Từ trong màn sương đêm, hai toán kỵ mã ồ

ạt xông ra chặn ngang đường xuống núi của các chiến sĩ Đại Việt. Chúng ý đông hùng hổ lao tới như muốn băm nát vụn mấy đối thủ nhỏ nhoi bằng gươm bén giáo nhọn. Phán đoán tình hình tức thời, thấy bên trái sườn dốc ít gập ghềnh, Thế Quang hét lạc giọng: “Các đệ mở lối bên cánh trái, cố mà xuống được khe”, còn chàng kìm ngựa vung đao, chém tả chặt hữu bất cứ tên địch nào liều mạng xông ra cản đường.

Lưỡi dao sắc lạnh của chàng khiến lũ giặc phải chùn bước, nhưng bọn chúng kịp trấn tĩnh tinh thần khi toán quân của chủ tướng Lý Hăng ập đến. Mã đao bị gãy, lưỡi đao văng ra xa, trên tay Thế Quang chỉ còn khúc cán bằng gỗ, chàng áp sát một tên giặc, vừa né mũi giáo vừa dùng đầu nhọn thanh gỗ đâm xuyên cổ họng của nó rồi thuận tay cướp luôn ngọn giáo làm vũ khí chặn giặc để các em vượt thoát.

Hàng chục tên Nguyên vung gươm thọc giáo quyết diệt cho được người chiến binh quả cảm, Thế Quang bị một nhát chém vào đùi, máu chảy đầm đìa ướt sũng ống quần. Sức lực đang cạn dần song chàng không hề nao núng, cố gắng đánh trả bầy lang sói hung tợn.

Viên chiến tướng vong quốc làm nô bộc cho Mông Cổ vừa xuất hiện đã hạ lệnh cho cung thủ tiêu diệt hai mục tiêu đang chạy tới dòng Pạc Nậm. Bằng kinh nghiệm trận mạc, Lý Hăng biết phải chặn đứng trước tiên hai kẻ sắp thoát thân, hăn nói với quân sĩ:

– Ta sẽ giết tên còn lại, tội bay thừa cơ ào xuống bờ sông, tên nào còn sống thì bắt về, chết thì lôi xác về.

Rồi Hăng múa xà mâu sẵn đến nghênh chiến với Thế Quang.

Theo lệnh của đại ca, Đỗ Thành và Phạm Thái thúc ngựa xông tới, vung đao đột phá bên trái, đánh bật những mũi giáo nhọn hoắt của địch, chém gục mấy tên trong tầm đao phạt ngang bổ dọc khiến chúng phải giã

ra, tạo cửa mở để vọt xuống sườn núi. Một tên địch phi dao trúng Đỗ Thành, chàng nhổ lưỡi dao cắm sâu vào mạng sườn rồi phóng trả xuyên ngang ngực gã Mông Cổ. Thấy Đỗ Thành bị trúng dao, Phạm Thái giật dây cương nhường ngựa anh nửa bước, chàng quay đầu bổ đao vào mặt thẳng giặc đang bám sát phía sau nhưng bị một tên khác chém trúng ngực. Thật kỳ lạ, lưỡi kiếm của kẻ thù chạm phải vật cứng rồi bật ra nên chỉ để lại trên ngực Thái một vết rách trên da.

Máu ra xối xả làm Thành kiệt sức, nhưng chàng vẫn cố bám theo em lao xuống bờ dốc. Hàng loạt mũi tên phóng tới, một mũi xuyên trúng lưng của Thành, hai mũi cắm vào bụng ngựa khiến nó đổ gục. Thành thoát khỏi con ngựa trọng thương, một tay bịt vết đâm trên sườn, một tay múa đao gạt tên, bảo vệ cho cậu em ở phía trước. Thái bị tên cắm vào vai đâm xuyên xuống nách làm tê cứng cánh tay vốn đã thương tích. Biết Thành lâm nguy, Thái nhảy xuống đất, vỗ mặt đao vào mông con ngựa ô, bảo nó “Chạy đi, cố tìm đường mà về nhà”, rồi vọt lên cứu anh.

Bấy giờ Thành đã trúng ba mũi tên, toàn thân nhuộm máu. Thái cũng đầm đìa máu trên người. Nhưng ý chí quyết tử và tinh thần đồng đội đã giúp họ không dễ dàng gục chết mà cố neo bám sự sống để bảo vệ lẫn nhau cho đến giọt máu cuối cùng. Hai anh em vừa đi giật lùi, vừa gạt đỡ yếu ớt những mũi tên đầy uy lực bay tới. Lúc bọn giặc ào xuống vây bắt, khi họ chỉ còn cách dòng Bản Thí không đầy năm bước chân. Thành nói hỗn hển trong tiếng thở hắt ra “Cứ mặc huynh, đệ nhảy xuống nước đi, nhớ về thăm cha mẹ và hôn thê của huynh”. Thái khóc nức, chàng buông tay khỏi người đồng đội đang hấp hối rồi lao xuống mặt nước lạnh buốt. Biết không thể làm gì hơn, nhiệm vụ trở về cấp báo với triều đình thông tin về giặc khiến lòng Thái ghen ngào mà đành đoạn tử biệt với hai người anh đã quên mình

để cho chàng được sống.

Đỗ Thành dùng chút tàn hơi cuối cùng gạt đỡ những mũi tên bay về phía Phạm Thái, chàng cố lết tới bờ sông Bản Thí rồi gieo mình vào dòng nước xiết chảy xuôi về đất mẹ. Lúc bước vào cỏi bất tử, Thành còn nghe văng vẳng tiếng hò la vang dậy từ bên kia bờ sông, trên lãnh thổ của vương quốc Đại Việt.

Ở đầu dốc, Thế Quang và Lý Hằng đánh nhau kịch liệt. Một người đã chiến đấu cả đêm lại bị trọng thương, một kẻ thừa sức lực còn được bọn thủ túc hỗ trợ bao vây, tất yếu tên chiến tướng Nguyên Mông chiếm ưu thế. Chàng dũng sĩ Đại Việt cố thu hút lực lượng địch để các em nhẹ gánh thoát thân, nên đường giáo tuy không còn mạnh mẽ nhưng vẫn quyết liệt và táo bạo khiến tướng giặc đang ở thế thượng phong cũng không dễ hạ gục đối thủ. Bị một nhát xà mâu đâm trúng ngực, Thế Quang ngã nhào khỏi mình ngựa, chàng gượng dậy, một tay vịn vào gốc cây, một tay múa giáo cố chống chọi với hàng chục binh khí đâm xia. Trước lúc lâm chung, Thế Quang mở mắt trừng trừng hướng về đất mẹ rồi mỉm cười mãn nguyện lúc vọng tiếng quân reo.

Trước đây, toán quân của Lương Bành và trại chủ Lô Viên Tả đã chờ cả đêm mà vẫn không thấy động tĩnh gì. Để tránh bị lộ diện, không ai được đốt lửa, dù sương giá lạnh thấu da thịt đội chiến binh đang im lìm mai phục. Tới canh tý, bốn phụ nữ người Thổ do bà vợ ông Kế dẫn đường đem ra cho họ mấy gùi xôi thịt nóng hổi. Mọi người lặng lẽ ăn uống trong màn đêm rồi luân phiên nhau dựa vào gốc cây, mồm đá mà chợp mắt mỗi ca nửa canh giờ. Riêng Lương Bình, Viên Tả và lão Ma Văn Kế thức thâu đêm đôi mắt nhìn sang bên kia biên giới.

Bành không khỏi lo lắng khi nghĩ đến số phận của đồng đội đang ở

đâu đó bên xứ người. Không biết tính mạng của họ ra sao, liệu có trở về trong đêm nay, có bị lạc đường trên nẻo về núi non trùng điệp, liệu hành tung của mấy anh em có bị kẻ địch phát hiện? Những câu hỏi cứ chập chờn trong đầu ông, nhưng không câu hỏi nào được giải đáp khi màn đêm biên giới vẫn vô cùng im ắng. Chẳng lẽ ông đã phán đoán sai, dấu hiệu bất thường của quan ải Tây Phong không nhằm đối phó thám báo Đại Việt đang tìm đường về nước? Đại Vương cho rằng huynh đệ Thế Quang có thể về cả, Người luôn nhìn xa trông rộng, ắt phải có cơ sở thì mới nhận định như thế.

Khi ba bóng người cưỡi ngựa hiện ra lơ mờ trong màn sương đêm trên con dốc dẫn xuống Tả Pạc Nằm, đội trưởng Lương Bành quá đổi vui mừng liền làm hiệu để mọi người chuẩn bị tinh thần ứng đối. Theo hiệu lệnh, cả đội vẫn im tiếng chờ đợi. Ở bên kia là đất giặc, cũng chưa rõ đối tượng là người của ta hay kẻ địch, lộ diện sớm là hạ sách.

Ông trầm nghĩ trong bụng:

– Đại Vương đoán việc như thần.

Rồi cuộc chiến bất ngờ bùng phát giữa lúc ai nấy đều hy vọng đón người về an bình. Từ bên này nhìn sang không thể phân biệt được ai với ai, chỉ thấy những cái bóng quần thảo dữ dội và tiếng khí giới va chạm lách cách. Trại chủ và lão Kế nôn nóng quá nên đề nghị vượt sông đánh tràn qua để giải vây cho người của ta. Lương Bành gạt đi, ông nói:

– Đại Vương đã dặn bất luận thế nào cũng không được xung đột trên đất Nguyên, kéo chúng lại mượn cớ hạch sách triều đình, vin vào đó mà đem quân thảo phạt Đại Việt.

Khi đám quân Nguyên hò hét nhau kéo xuống khe Pạc Nằm để bắt cho được “tên giặc cả An Nam đang vượt sông”, bấy giờ Lương Bành mới phát lệnh công kích. Hơn năm chục con người cùng hét vang “Sát Thát phạm

cồi! Sát Thát phạm cồi!” rồi ào xuống bờ sông; hàng loạt ná bật lấy hạ gục những tên giặc đứng lơ ngơ trên bờ bên kia; nhiều tay dao bơi ra giữa dòng chặn đường lũ giặc đang cố túm bắt viên thám báo chỉ cách chúng vài chục sải tay. Trại trưởng và ba tráng đinh bơi quanh chiến binh Đại Việt, vừa che chắn vừa gắng đẩy vào bờ chàng trai trẻ đang thoi thóp giữa con nước xiết. Trận chiến trên sông Bản Thí vô cùng hỗn loạn, người của hai bên vùng vẫy trong dòng nước lạnh giá, cố hạ thủ nhau bằng dao kiếm hoặc dìm chết nhau bằng những ngón nghề bơi lặn. Vật lộn trong con nước chảy xiết rồi bị cuốn trôi đi, ta và địch cùng thiệt hại nặng nề, mười hai chiến sĩ nước Nam đã bỏ mình trên dòng sông biên giới, trong số đấy có lão chiến binh can trường Ma Văn Kế.

Lý Hằng đổ quân xuống khe tiếp ứng cho đồng bọn, chúng bắn tên sang như mưa, thêm nhiều chiến sĩ của ta bị trọng thương. Trại trưởng Viên Tả cũng trúng tên vào lưng, khi lấy thân mình che cho Phạm Thái vừa được kéo lên khỏi mặt nước. Lương Bành chỉ huy đội ngũ trên bờ, phát lệnh bắn trả kẻ địch ở bờ bên kia. Cung và nỏ đồng loạt xạ tiễn, lính Mông Cổ không kịp quay ngựa lẩn tránh, nhiều đứa bị hạ gục tại chỗ. Chàng niên thiếu Viên Dụng giương nỏ bắn trúng mặt một tên địch, rồi hả dạ hét to “Con đòi nợ máu cho cha đó”.

Tả thừa Lý Hằng lồng lộn tức tối hò hét quân lính lập đội hình đánh sang. Chúng dùng hai mươi cung thủ yểm trợ cho bọn còn lại cưỡi ngựa vượt sông Bản Thí. Khi đám kỵ mã đang loay hoay tìm chỗ nước nông để lội qua, thì đội trưởng Lương Bành cất giọng đánh thép cảnh báo lũ giặc:

– Ta báo cho các người biết, vượt sông qua bên này là ở trên lãnh thổ Đại Việt. Kẻ nào xâm phạm sẽ bị trừng phạt. Qua một tên ta giết một tên, qua mười tên ta giết cả mười. Chúng ta thừa quân để giết sạch những kẻ

phạm côi.

Sau lời cảnh cáo, Bành nhô người khỏi gốc cây đang ẩn nấp, giương cung bắn trúng ngực đưa đi đầu bấy giờ đang ngập nửa thân ngựa trong làn nước. Mũi tên thị uy của Lương Bình làm thẳng giấc ngủ nhào, con ngựa hoảng sợ lồng lên khiến cả đám người ngựa ở phía sau rối loạn. Đáp ứng chiêu cảnh cáo của đội trưởng, các chiến binh Đại Việt cùng hô to “Sát Thát”, âm hưởng đồng điệu hùng hực khí thế quyết chiến rền vang núi rừng đủ làm quân tướng Lý Hăng hoang mang chùn bước.

Không đoán định được lực lượng của đối phương ẩn nấp sau những gốc cây mỏm đá, Hăng đành chấp nhận lui quân và tự thưởng cho mình chiến công đã giết sạch bọn thám báo An Nam hèn kém.

Phạm Thái tỉnh lại trong một ngôi nhà sàn khi trời đã sáng bạch. Nhìn thấy đội trưởng, chàng hỏi liền:

– Bành đại ca, Thế Quang và Đỗ Thành ra sao?

Lương Bành nhìn Phạm Thái bằng ánh mắt trĩu nặng mà chẳng nói câu nào. Thái đã hiểu sự tình, chàng khóc nghẹn ngào rồi cựa mình vật vờ làm các vết thương bật máu, loang đỏ cả tấm băng quấn khắp nửa người. Bành ôm cậu em, vỗ về như dỗ dành trẻ nhỏ:

– Đệ về được là mừng rồi, đừng yếu đuối mà gục ngã. Đệ phải sống để các huynh mãn nguyện vì không chết vô ích.

Khi trấn tĩnh lại, Thái quờ tay kiểm tra miếng ngọc bội của Thành huynh rồi nghĩ đến việc phải làm, bèn nói với đội trưởng:

– Đệ cần về Vạn Kiếp gấp.

– Cứ yên tâm. Bây giờ đệ phải nằm yên dưỡng sức, đừng cử động

nhiều kéo lại chảy máu. Huynh đã cho chuẩn bị xe ngựa, lát nữa mấy anh em ta cùng về.

Trước lúc lên đường, Lương Bành sang nhà thăm hỏi hào trưởng Lô Viên Tả. Vị thủ lĩnh đáng kính của vùng núi Lộc Châu có áo giáp tốt nên mũi tên cắm vào lưng không phạm tới chỗ hiểm nhưng cũng làm sức khỏe của ông giảm sút đáng kể. Người đội trưởng bày tỏ lòng tri ân tinh thần trợ chiến và chia sẻ những đau thương mất mát của các huynh đệ vùng cao. Ngài chủ trại họ Lô giải bày tâm nguyện:

– Tôi nay không còn được như trước, bản thân không tiếc nuôi gì nhưng lòng canh cánh lo nghĩ về thằng con lớn. Nếu giặc tràn sang, không biết tôi có kịp bình phục để tham gia chiến trận, hay đành theo đám đàn bà, con nít lẫn trốn vào rừng sâu? Viên Dụng đã trưởng thành, đêm qua nó cũng chứng tỏ là người có khí phách. Nếu có thể, xin ngài cho cháu theo về Vạn Kiếp để rèn giũa học hỏi, mai một còn thay mặt họ Lô phò vua đánh giặc.

Lương Bành chân tình đáp nghĩa:

– Thật cảm kích tấm lòng trung thành của ngài đối với nước nhà. Ngài bảo cháu chuẩn bị hành trang gọn nhẹ để đi sớm kéo chậm trễ hồng việc. Về đến Vạn Kiếp, tôi sẽ bẩm báo với Đại Vương thành tích của quân dân Lộc Châu để triều đình ghi công. Ở với anh em chúng tôi, Viên Dụng sẽ sớm thành một trang nam nhi tuấn tú.

Trại trưởng rưng rưng lệ mừng, không ngớt lời cảm tạ người gia tướng tin cẩn của Hưng Đạo Vương. Viên Dụng đứng thập thò ngoài cửa cũng ứa lệ buồn vui. Giữa tâm trạng lo âu vì phải xa người cha đang bị thương tích vẫn ánh lên trong đôi mắt long lanh của cậu trai sơn cước niềm hân hoan được gia nhập đội ngũ những người chiến binh vệ quốc quả cảm.

Lý Hằng kéo quân về trại trong tâm trạng không vui. Tuy ngoài miệng thì khích lệ binh sĩ rằng chúng đã lập công lớn tiêu diệt sạch bọn thám báo An Nam, nhưng y vẫn ầm ức trong bụng mà không dám than thở, sợ làm nhụt ý chí đám lính dưới quyền. Ngoài số bị thương và mười mấy đứa bị nước cuốn trôi, Hằng nhẩm tính từ quan phòng Quế Khẩu cho tới khe Tả Pạc Nằm rải rác có hơn hai chục mạng bị giết phải mang xác về chôn cất, trong khi mục sở thị không quá một xác đối phương. Trong cuộc đời cầm quân đánh trận, lần đầu tiên Hằng phải trả một giá quá đắt. Đối với y, đau đớn nhất là cái chết của Nhan Hợp, viên thủ túc tin cẩn từng theo chủ vào sinh ra tử hơn mười năm qua.

– Sống chết là chuyện thường tình của binh gia, chắc Nhan Báo hiểu lẽ mà không nỡ trách, nhưng ta cũng nên làm một cái lễ trang trọng để tống tiễn linh cữu Hợp về quê nhà cho cha của hắn đỡ buồn tủi. – Hằng tự nhủ.

Càng nghĩ Hằng càng tức tối. Nhưng kẻ mà y căm giận nhất không phải thám báo đối phương mà là bản mặt của gã huyện lệnh Dương Tự Quán. “Nó phát hiện vài tên gián điệp con con đáng lẽ nên tự giải quyết cho rồi nhưng lại vẽ vờ bắt bớ để tâng công với ta, khiến ta mất binh thiệt tướng vì cái chuyện không đáng. Với thực lực của đại binh thiên triều, lúc tràn sang thừa sức nhổ sạch cả An Nam thì cắc cớ chi mà lo ngại gian tế truyền tin. Thật mất hết thể thống. Được rồi, tên huyện lệnh này muốn lập công thì ta sẽ báo công để mà thăng chức. Ta sẽ xin cho một chức tương xứng với công lao đáng ghét của người.”

Mấy ngày sau, Trấn Nam Vương Thoát Hoan lĩnh ấn nguyên soái thảo phạt Nam man, từ Đại Đô trở về, cho triệu tập tướng lĩnh tại soái phủ tiền phương đóng trên đất Khâm Châu để bàn kế hoạch khởi binh. Lý Hằng nhân tiện man tấu chiến công diệt hơn ba mươi tên thám báo An Nam ở

biên giới và đề nghị thăng hàm cho người có công đầu là huyện quan Dương Tự Quán từ thất phẩm lên lục phẩm, sung quân tại chức Chánh quản Giám mã, trông coi đàn ngựa chiến của Tả thừa Lý Hằng. Trấn Nam Vương vui vẻ chấp thuận, còn ban khen:

– Giỏi thay Lý tướng quân, trong lúc ta không có mặt đã quyết đoán diệt sạch bọn thám báo gian tế. Ta sẽ trình tấu với thiên tử phong hàm Tham tri chính sự, ban thêm tước Vinh lộc đại phu cho quan Tả thừa. Đồng thời xin bổ người vào chỗ quan khuyết của Dương Tự Quán.

Viên quan huyện Long Châu ngã bổ chửng khi nhận được lệnh bổ nhiệm làm Chánh quản Giám mã, hạn ba ngày phải đến trình diện tại quận doanh của Tham tri chính sự Vinh lộc đại phu Lý Hằng. Ba hồn bảy vía bay đi cả, Tự Quán than trời trách đất nữa nào lại dày một kẻ trói gà không chặt vào đội ngũ lính tráng dữ dằn bặm trợn sắp kéo nhau đi giết chóc ở xứ người. Tiếng rằng được thăng phẩm trật nhưng thực chất là đẩy người ta vào chỗ chết, lại còn phải đội ơn lão Tham tri hiểm ác đã tiến cử, ước gì ta đừng ngu dại đi bầm báo tâng công. Một miếng võ chẳng có, giường cung không biết bắn, cầm kiếm không biết chém, không lẽ đem ta ra chiến trường để chải lông ngựa? Thà làm chức huyện lệnh nhỏ nhoi nhưng là phụ mẫu hơn vạn hộ để tận hưởng nhàn hạ sung sướng như chúa tể một vùng, còn hơn được thăng tiến vào cái chỗ thối hoắc chuyên thu xếp việc ăn uống, tắm rửa và hốt phân cho bày ngựa bắn thiêu của đám lính Mông Cổ, đúng là cái số ta đến thời tàn mạt.

Mọi sự đen đủi đều từ thăng rợ Nông Trí Nãi mà ra cả, đang yên đang lành tại cái xó xinh thâm sơn cùng cốc mắc mớ gì nhà nó mà mò đến cửa quan để tố giác quân gian? Kẻ gian ở đâu chẳng thấy, chỉ thấy cái bộ mặt lưỡi cày gian xảo của thăng Trí Nãi cứ ám ảnh ta từ bữa đấy đến nay. Đích

thị nó là điềm gở nhưng ta lại quá khinh suất, không suy tính cẩn trọng đường đi nước bước nên mới ra nông nỗi này. Được rồi, người muốn chỉ điểm lĩnh thưởng thì ta sẽ có phần thưởng dành cho người.

Một bữa, có tên lính tới nhà Trí Nãi ở bản Mai Lâm báo hãn đến quân doanh của Lý tướng quân lĩnh thưởng. Nãi mừng lắm, bèn vận trang phục lễ hội, cưỡi con ngựa duy nhất của gia đình, hí hửng đi theo tên lính.

Kẻ cáo giác được đưa vào một ngôi nhà tuềnh toàng nằm giữa khu trại san sát chuồng ngựa, ở đấy hãn gặp lại huyện lệnh Long Châu trong sắc phục võ quan lạ lẫm. Viên Giám mã Tự Quán sai lính lột hết quần áo trên người Nãi, bắt hãn mặc vào bộ y phục của quân tạp vụ, rồi đồng dặc tuyên bố:

– Do tích cực tố giác kẻ gian, nay ta Chánh quản Giám mã Dương Tự Quán thay mặt quan trên xét công ban thưởng cho Nông Trí Nãi bản Mai Lâm được sung lính quân đội Nguyên triều, thăng bậc từ thứ dân lên sĩ tốt hạng bét, giao công việc chuyên trách dọn phân và cọ rửa chuồng ngựa.

Nãi nghe xong khóc ầm lên đòi về, bảo rằng không cần lĩnh thưởng, không cần thăng bậc, chỉ muốn về nhà làm dân thường.

Tự Quán nổi đóa, sai lính nọc Nãi ra quất cho mười roi vào mông. Mặc kẻ được lãnh thưởng nằm quằn quại đau đớn giữa nhà, Quán lạnh lùng phán:

– Quân lệnh như núi, trái lệnh phải chịu phạt. Nhốt thẳng này vào chuồng ngựa, bỏ đói một ngày. Khi nào hồi tâm chuyển ý thì cho ra làm việc. Con ngựa của nó cũng sung công theo chủ.

Trong thiên hạ có người biết chuyện này bèn làm thơ chế giễu, rằng:

[Báo công nhận tội vạ](#)

Vì sao số biến họa?

Lòng đen trời chẳng dung

Tri người ý tạo hóa. Báo công nhận tội quá

Hà nãi vận canh quả

Hắc tâm thiên bất dung

Tri nhân chỉ công hóa.

Chỉ áp dụng với bản in.

Thái thượng hoàng thời điểm ấy là Trần Thánh Tông (1240 – 1290), tên thật là Trần Hoảng, ở ngôi 20 năm, nhường ngôi cho con là Trần Nhân Tông vào ngày 08/11/1278, làm Thái Thượng Hoàng cho đến khi qua đời.

Quan gia là cách xưng hô thời Trần dùng chỉ vua đang tại vị. Quan gia trong truyện ở thời điểm ấy là vua Trần Nhân Tông. Theo cách lý giải của Uy Văn Vương khi trả lời Trần Thái Tông về nghĩa của từ quan gia “Năm đời để lấy thiên hạ làm của công (quan), ba đời vương lấy thiên hạ làm của nhà (gia) nên gọi là quan gia”. Kể từ 1250, theo chiếu chỉ của Thái Tông, thần dân gọi vua là Quan gia (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Bản Kỷ – Quyển V*).

Vương quốc Đại Lý là nhà nước độc lập cuối cùng ở Vân Nam (Trung Quốc), tồn tại từ năm 937 cho đến khi bị Nguyên Mông xóa sổ năm 1253.

Một trong các quân hiệu thời Trần, thuộc đơn vị tinh nhuệ hàng đầu trong lực lượng quân sự đương thời.

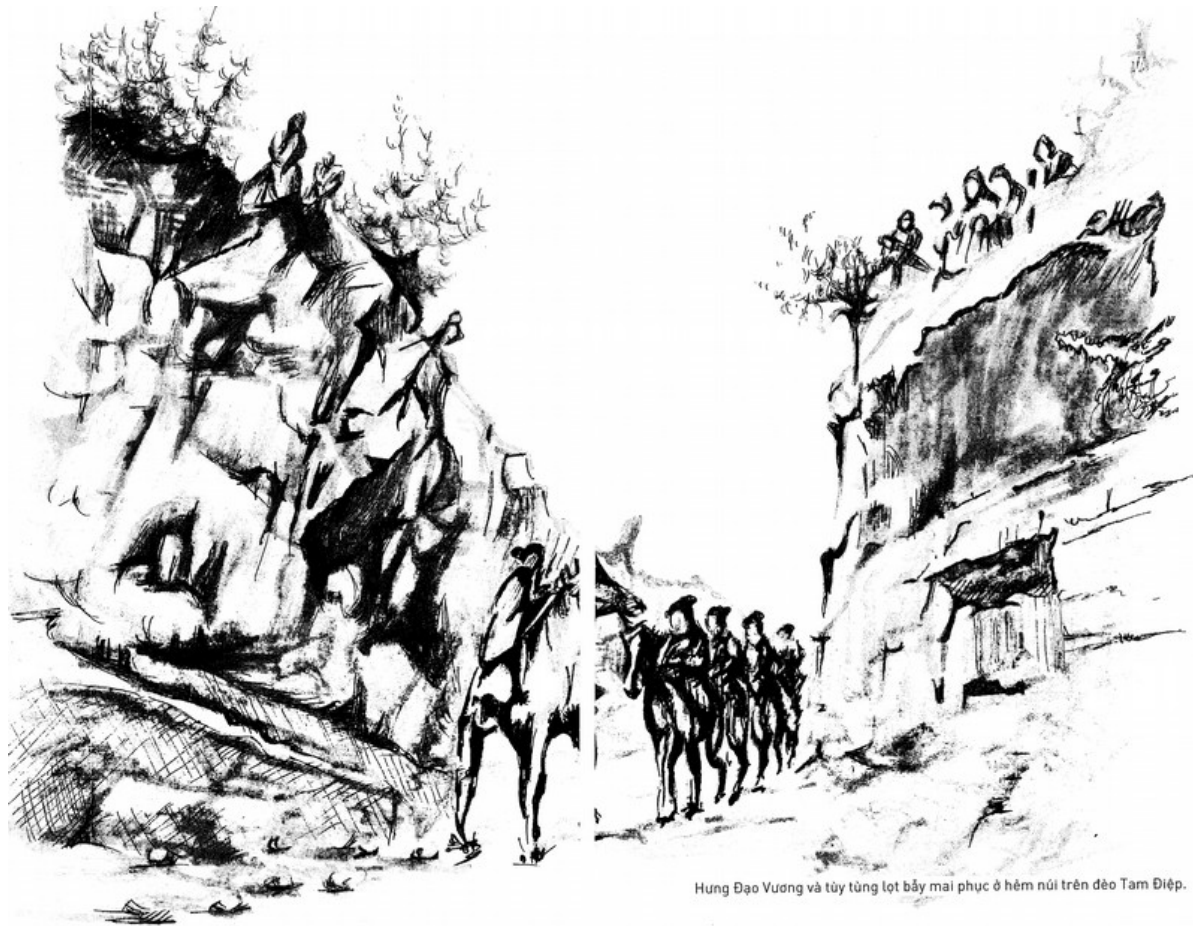
Tam Điệp còn gọi là Ba Dội, nằm giữa địa phận Trường Yên (Ninh Bình) và Ái Châu (Thanh Hóa). Từ xa xưa đã hình thành một con đường đèo vượt qua ba ngọn núi (Ba Dội) nối hai vùng địa lý trên lãnh thổ Việt Nam thời trung cổ.

Người Man là cách gọi đương thời các bộ tộc miền núi ở bắc Trường Sơn.

Vùng Quảng Bình và bắc Quảng Trị ngày nay. Năm 1069, vua Chiêm Thành là Chế Củ khiêu chiến Đại Việt, Lý Thánh Tông và Lý Thường Kiệt cất quân đánh dẹp và bắt sống Chế Củ. Để chuộc mạng, Chế Củ chấp nhận nhượng ba châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh cho Đại Việt. Thời Trần, từ

đèo Ngang đổ vào được gọi là Bố Chính. Về sau, khi sáp nhập thêm hai châu Ô Lý thì gọi chung là Thuận Hóa.

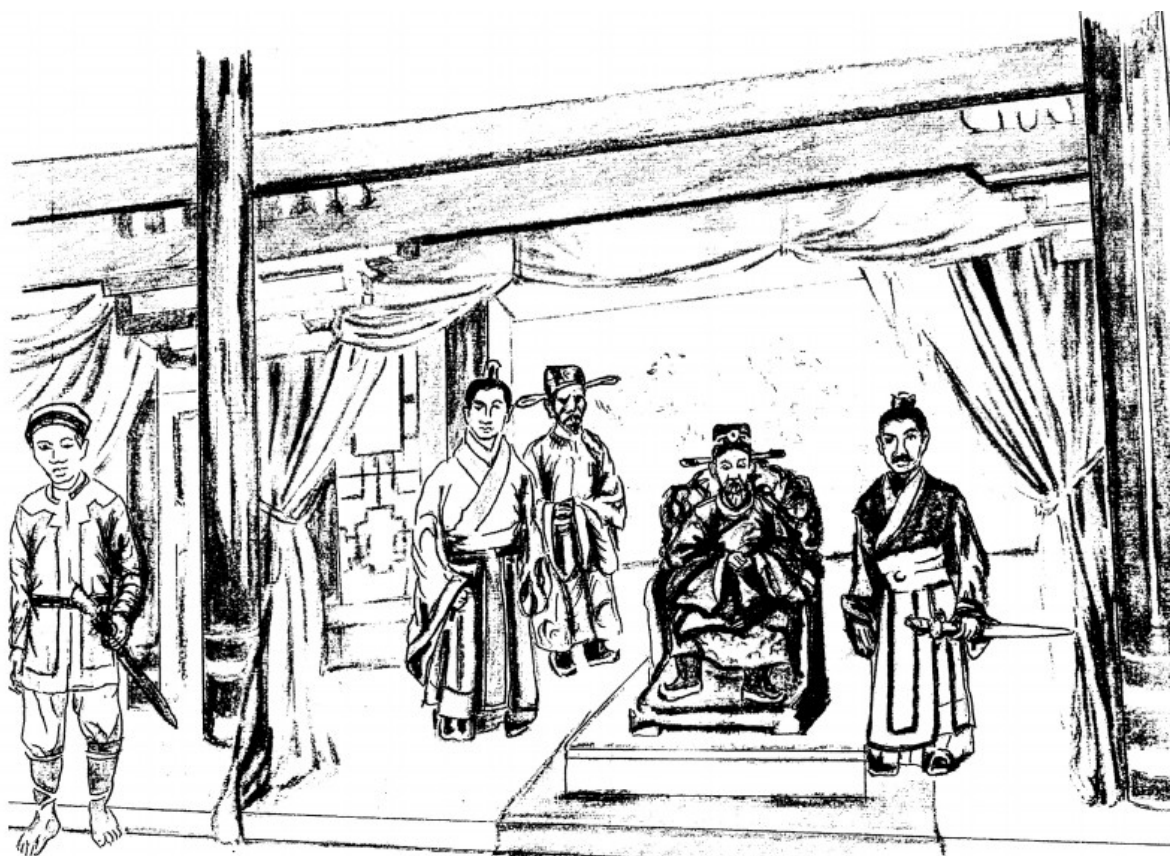
Hoan Ái thuộc địa phận Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay.



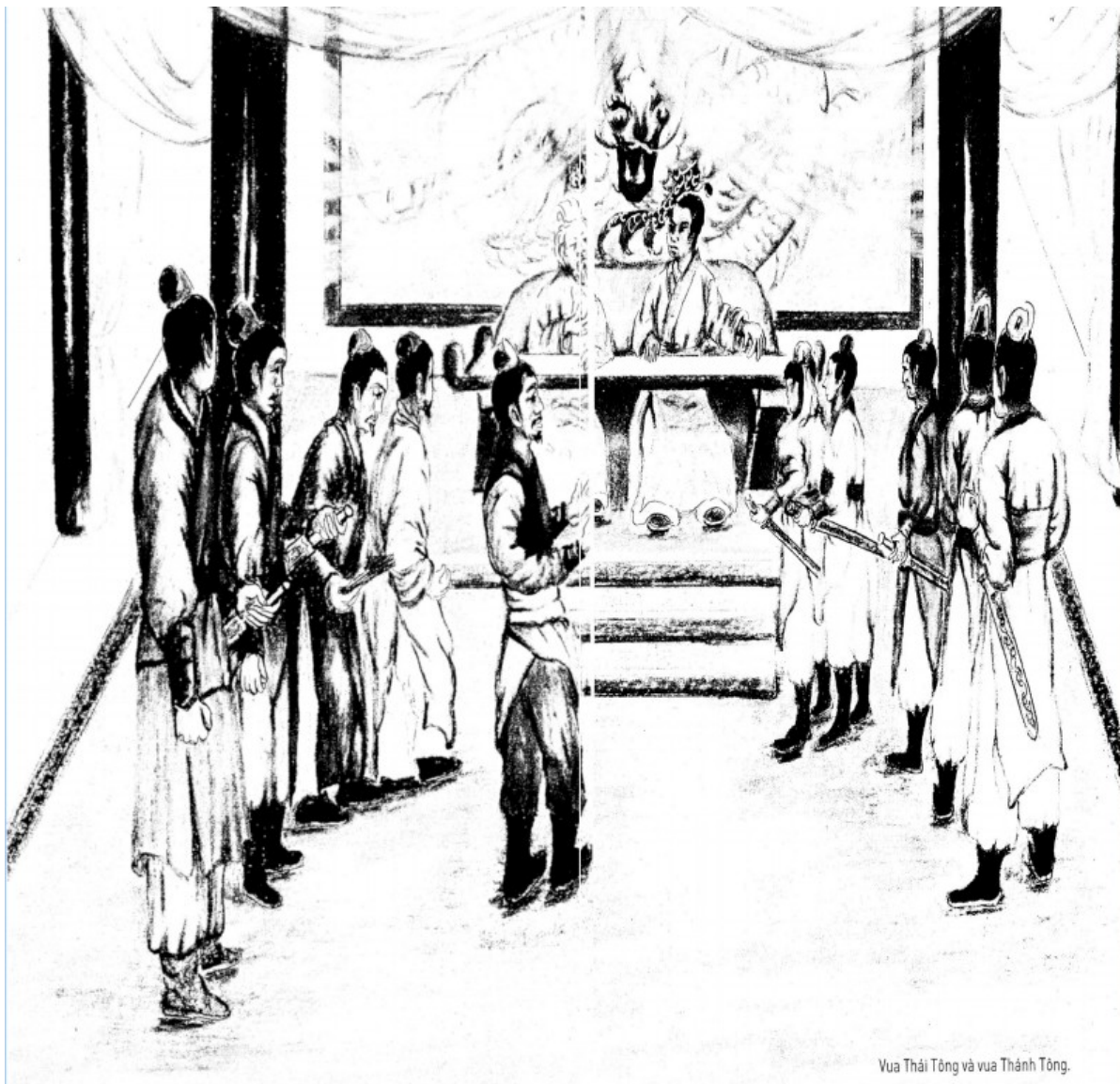
Hùng Đạo Vương và tùy tùng lết bầy mai phục ở hẻm núi trên đèo Tam Điệp.



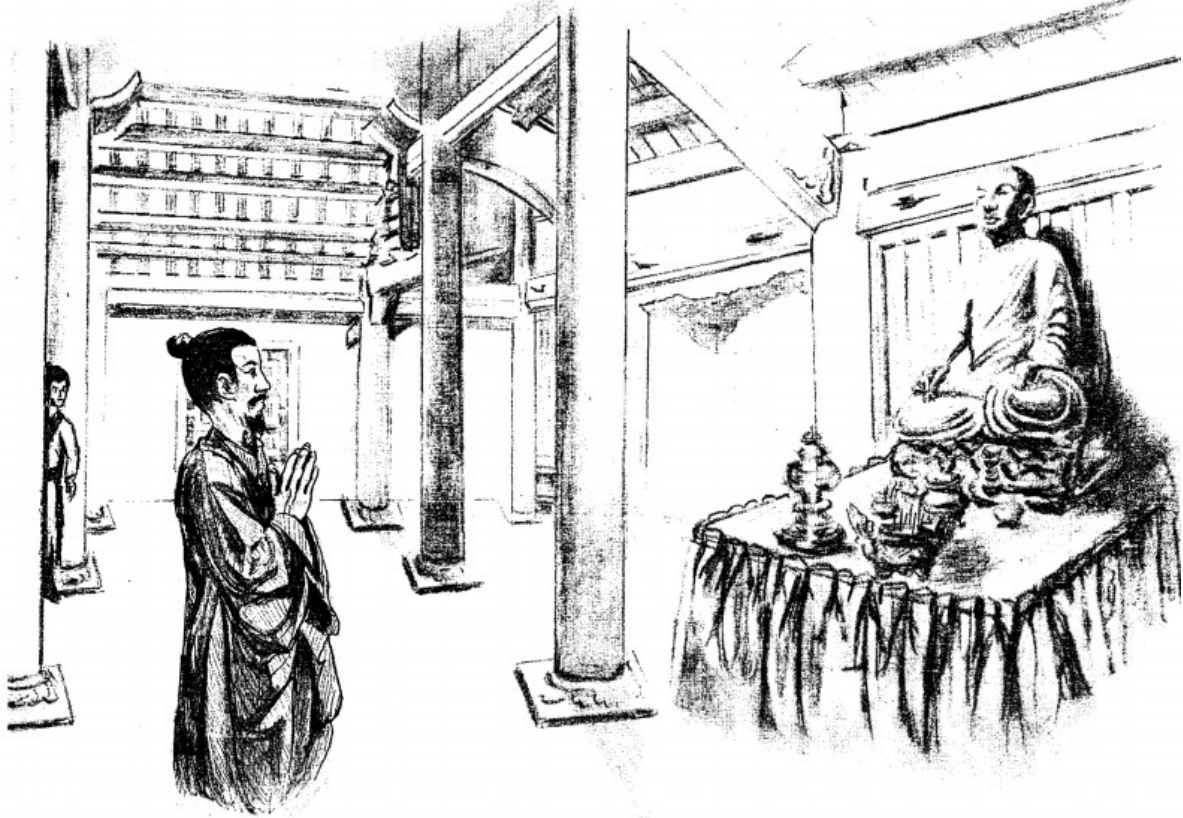
Thế Quang dặn dò vợ: “Nếu nàng sinh con trai hãy đặt tên là Thái Bình”.



Ba anh em Thánh Tông, Quang Khải và Nhật Duật.



Vua Thái Tông và vua Thánh Tông.



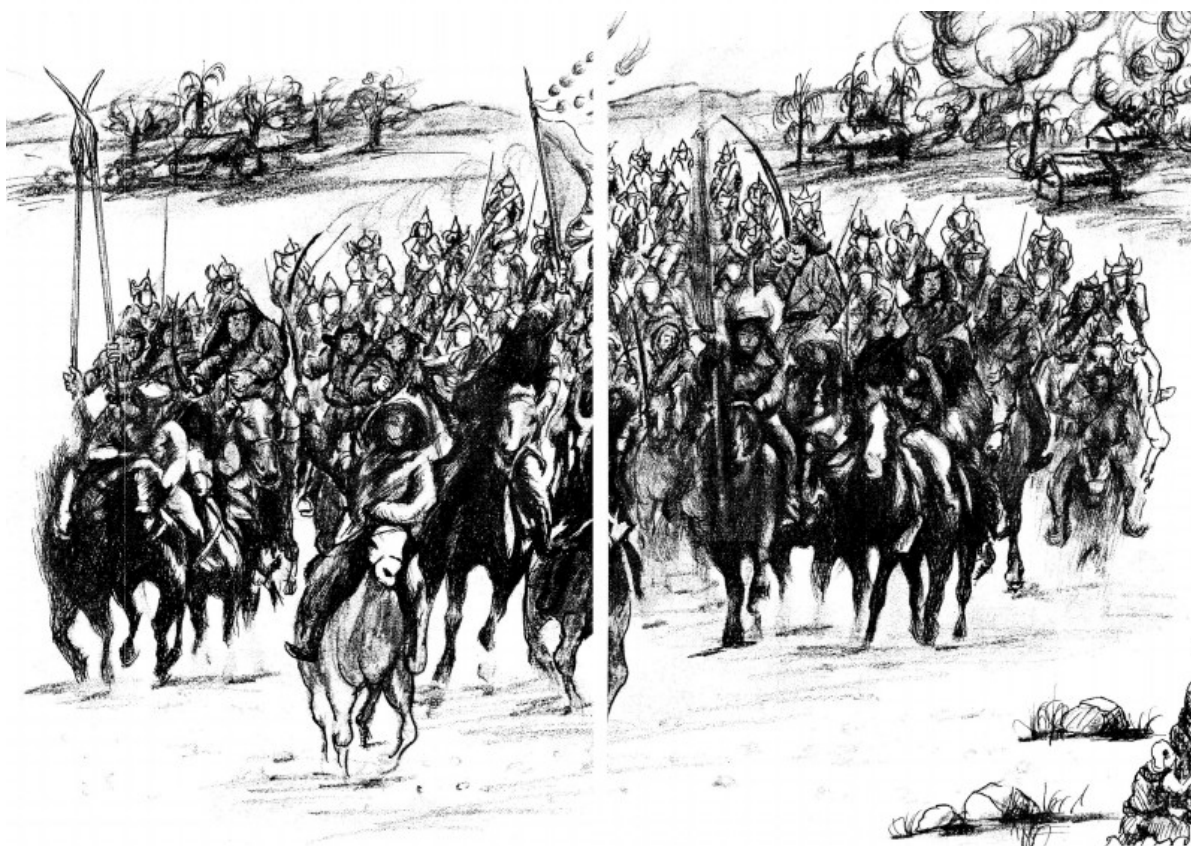
Thượng hoàng Thái Tông tụng kệ răn cháu.



Ông lão chăn dê tình cờ phát hiện có người nằm trong hõm đá.



Cù Trí Tào và cô cháu gái lừa dê đi đổi ngựa.





Thế Quang chém Nhan Hợp trên đường Ma Nhai.



Thế Quang chặn đường giặc để Đỗ Thành và Phạm Thái vượt thoát xuống khe.



Đám lính Nguyên đồng loạt giương cung bắn Thế Quang.



Cư dân phường Cơ Xá.

Sử chép rằng, theo chỉ dụ của Trần Thái Tông, Thiên Thành công chúa đến nhà Nhân Đạo Vương để chuẩn bị hôn lễ với Trung Thành Vương (con trai của Nhân Đạo). Do Quốc Tuấn phải lòng Thiên Thành nên hai người lén lút tư thông. Thụy Bà (chị ruột Thái Tông, mẹ nuôi Quốc Tuấn) phải đem mười mâm vàng sống đi bồi hoàn, còn Thái Tông cắt 2000 khoảnh ruộng đền sính lễ cho Trung Thành Vương (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Bản Kỷ – Quyển V*).

Tiểu tuyết (trời rét) là một trong 24 tiết của lịch Tiết khí nhằm ngày 22 tháng 11 dương lịch. Quy đổi sang âm lịch thì ngày 22/11/1284 là ngày 14 tháng Mười năm Giáp Thân.

Đông chí (giữa đông) là một trong 24 tiết của lịch Tiết khí nhằm ngày 22 tháng 12 dương lịch. Quy đổi sang âm lịch thì ngày 22/12/1284 là ngày 15

tháng Mười một năm Giáp Thân.

Đơn vị tiền tệ thời Nguyên.

Thạch là đơn vị đo lường thể tích thời xưa, một thạch tương đương 100kg hoặc xấp xỉ 100kg (đơn vị đo lường chỉ mang tính tương đối, do có sự chênh lệch từ các nguồn cứ liệu).

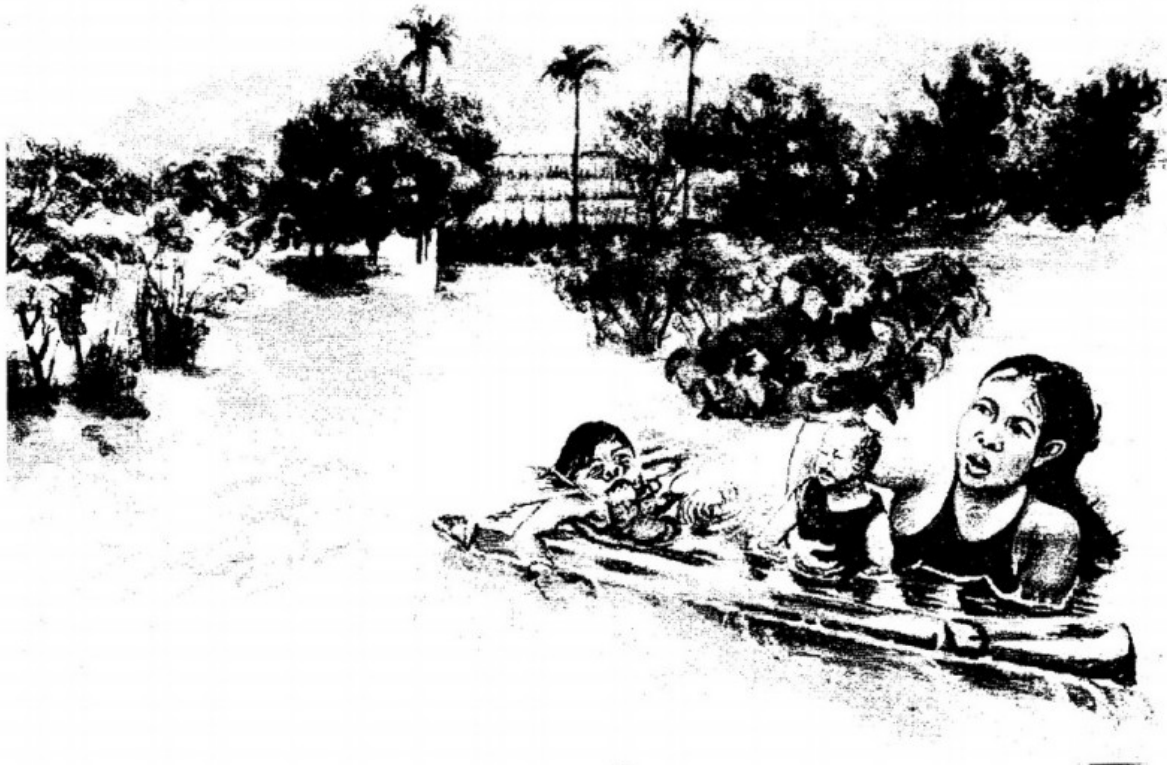
Vùng núi tiếp giáp với lãnh thổ Trung Hoa, thuộc huyện Lộc Bình, Lạng Sơn ngày nay.

Tương đương 1,75m. Thước, tắc là đơn vị đo chiều dài thời xưa, 1 thước 23cm, 1 tắc = 2,3cm (đơn vị đo lường chỉ mang tính tương đối, do có sự chênh lệch từ các nguồn cứ liệu).

Nay thuộc quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Sự kiện được ghi lại trong chính sử, xảy ra năm Ất Sửu (1265) “Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ ở phường Cơ Xá. Người và súc vật bị chết đuối nhiều” (theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Bản Kỷ – Quyển V*).

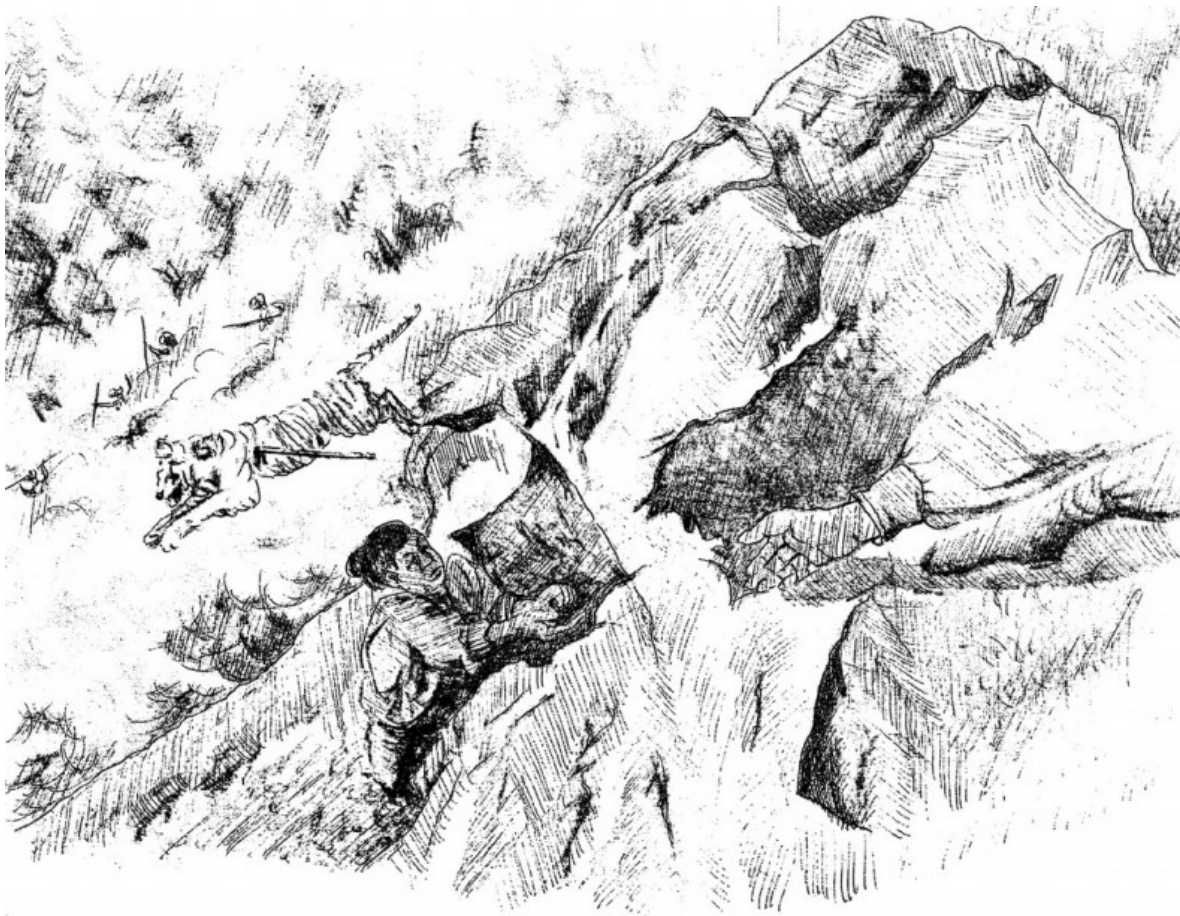
Đơn vị đo lường chiều dài thời xưa, 10 trượng = 100 thước, tương đương 23m (đơn vị đo lường chỉ mang tính tương đối, do có sự chênh lệch từ các nguồn cứ liệu).



Cậu bé Đổ Thành cứu người trong cơn nước lũ.

Đơn vị đo lường chiều dài thời xưa, 1 dặm = 414m (đơn vị đo lường chỉ mang tính tương đối, do có sự chênh lệch từ các nguồn cứ liệu).

Thuộc vùng tây nam Hà Nội và một phần tỉnh Hòa Bình ngày nay.



Đỗ Thành cứu bạn để con hổ chạy thoát.

Bình thư yếu lược là tác phẩm viết về nghệ thuật quân sự do Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn biên soạn. Đã thất truyền.

Trường dạy võ được thành lập năm Quý Sửu 1253 (Nguyên Phong thứ 3), tọa lạc tại phía tây nam kinh thành Thăng Long.

Thời điểm ấy là Trần Thái Tông (1218–1277), vị vua sáng lập triều Trần, trị vì 32 năm, làm Thái thượng hoàng 19 năm.

Hai vua, tức Thái thượng hoàng Thái Tông và Thánh Tông hoàng đế.

Phủ đệ của Trần Hưng Đạo ở Vạn Kiếp, nay thuộc thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Bản Kỷ – Quyển V*). Theo thông lệ nhà Trần, các vị vương hầu dù lãnh trọng trách trong triều đình nhưng phần lớn thời gian vẫn ở tại phủ đệ của họ, khi có công việc hoặc nhà vua thiết triều

thì mới lên kinh làm việc.

Do không có tư liệu về Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản, nên tác giả hư cấu nhân vật An Bình Vương là cha của người anh hùng trẻ tuổi. Theo quy định thời Trần, những người có quan hệ huyết thống gần gũi với vua, nếu con được phong hầu thì thông thường có cha mang tước vương.

Theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Bản Ký – Quyển V*, năm Thiệu Long thứ 4 (1261) “Nhà Nguyên phong vua làm An Nam Quốc Vương, ban cho 3 tấm gấm tây, 6 tấm gấm kim thực”. Thực tế đến năm 1271, Hốt Tất Liệt mới lập nước Đại Nguyên, giai đoạn 1261 ông ta mới chỉ là Đại Hãn Mông Cổ, lấy niên hiệu là Trung Thống.

Trong chiếu thư của nhà Nguyên gửi Trần Thánh Tông năm 1275 có đoạn “Theo chế độ của tổ tông đã quy định, phàm các nước nội phụ thì vua phải thân hành tới châu, gửi con em làm tin, biên nạp dân số, nộp thuế lệ, mộ dân trợ binh và vẫn đặt quan Đạt Lỗ Hoa Xích để thống trị; sáu điều nói trên, năm trước đã có lời dụ cho khanh biết rồi, thế mà quy phụ đã hơn mười lăm năm, khanh chưa từng tới triều kiến một lần nào, và các điều quy định đến nay vẫn chưa thi hành; tuy rằng ba năm tới cống hiến một lần, nhưng các đồ cống hiến đều không dùng được” (*An Nam chí lược* – Mục Đại Nguyên chiếu chế của tác giả Lê Tắc).

Ngụ ý về việc Trần Quốc Khang khi cai quản Diên Châu đã cho xây phủ đệ nguy nga lộng lẫy vào năm 1270 (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Bản Ký – Quyển V*), về sau sợ vua trách cứ nên ông cải hoàn thành chùa, tục gọi là chùa Thông.

Trần Liễu (cha của Trần Hưng Đạo) là anh ruột Trần Thái Tông. Do con của hoàng hậu Chiêu Thánh chết yếu ngay sau sinh nên Trần Thủ Độ cướp vợ của Liễu là công chúa Thuận Thiên bấy giờ đang mang thai 3 tháng về làm

vợ Thái Tông (đổi làm hoàng hậu Thuận Thiên). Trần Liễu bất bình nổi loạn sông Cái, sau được miễn tội nhưng lòng vẫn đầy oán hận. Trước khi chết, Liễu trần trối với con phải cướp ngôi Thái Tông, rửa nhục, trả oán cho cha (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Bản Kỷ – Quyển V*).

Mến tài đức của Phạm Ngũ Lão, Trần Hưng Đạo gả con gái cho ông, song do quy định con cháu hoàng tộc không được lấy người khác họ nên Vương thu xếp cho con gái đẻ giả làm con gái nuôi.

Theo âm Hán Việt còn có thể đọc là Tráng Nông. Đây là một chi phương nam của tộc người Tráng (Choang), có quan hệ huyết thống gần gũi với người Tày – Nùng ở Việt Nam.

Tức Nùng Trí Cao (1025–1055), lãnh tụ khởi nghĩa của người Tày – Nùng ở vùng biên giới Việt – Trung chống lại nhà Lý (Việt Nam) và nhà Tống (Trung Quốc) để đòi quyền tự chủ. Ông là nhân vật anh hùng của người Tày – Nùng nước ta và người Tráng ở phương Bắc.

Khăn trùm đầu của phụ nữ dân tộc Nùng, khi lao động hoặc sinh hoạt.

Cách gọi người Kinh (Việt Nam) của các dân tộc thuộc ngữ hệ Tai–Kadai (Thái – Kadai), trong đó có người Tráng, người Thái, người Lào, người Tày – Nùng. Ngày nay cách gọi này không còn phổ biến.

Văn Thiên Tường (1236–1283), Thừa tướng nhà Nam Tống, là người đã nỗ lực tổ chức công cuộc kháng Nguyên khi nước sắp mất. Bị giặc bắt, ông chấp nhận cái chết chứ nhất quyết không đầu hàng. Ông được tôn vinh là một trong những anh hùng dân tộc hàng đầu của Trung Quốc.

Tây Hạ là một vương quốc nằm ở vùng tây bắc Trung Quốc, do Lý Nguyên Hạo (1003–1048) tức Hạ Cảnh Tông thuộc bộ tộc Đảng Hạng (Tangut) sáng lập năm 1038, đến năm 1227 bị Mông Cổ tiêu diệt. Một bộ phận người Tây Hạ đầu quân cho Mông Cổ, trở thành những kẻ rất thiện chiến.